GRI STANDARDS

GRI 12: Ngành khai khoáng 2022 V1.1

12

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2024

TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH

GRI 12: Ngành khai khoáng năm 2022 V1.1

Tiêu chuẩn theo Ngành

Ngày Hiệu Lực
Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Trách nhiệm
Tiêu chuẩn này được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ
Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý
Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu
Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting.

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-144-0

GRI 12: Ngành khai khoáng 2022

Lịch sử cập nhật

Phiên bản (V)	Tóm tắt các thay đổi	Tiêu chuẩn theo Chủ đề Có liên quan
V1.1 Được phát hành vào ngày 1 tháng 1 năm 2026	**Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu** • Các chủ đề có khả năng là trọng yếu 12.1 Phát thải KNK và 12.2 Thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng phục hồi và chuyển đổi đã được gộp lại thành một chủ đề. Mô tả chủ đề đã được cập nhật với thuật ngữ và các khái niệm theo *GRI 102* và *GRI 103*. Công bố thông tin từ *GRI 302: Năng lượng 2016 và GRI 305: Phát thải 2016* đã được thay thế bằng: • **GRI 102:** Các công bố thông tin từ 102-1 đến 102-10, bao gồm thông tin về kế hoạch chuyển đổi và thích ứng của tổ chức, chuyển đổi công bằng, phát thải KNK, loại bỏ KNK và tín chỉ cacbon. Do đó, một số khuyến nghị và công bố thông tin bổ sung theo ngành đã được loại bỏ hoặc điều chỉnh. • **GRI 103:** Các công bố thông tin từ 103-1 đến 103-4, bao gồm thông tin về chính sách và cam kết về năng lượng của tổ chức, cũng như mức tiêu thụ và cường độ năng lượng. Xem chi tiết các thay đổi **tại đây**.	*GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025* (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027) *GRI 103: Năng lượng 2025* (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2027)
	Chủ đề 12.4 Đa dạng sinh học • Mô tả chủ đề đã được cập nhật với thuật ngữ và các khái niệm theo *GRI 101*. Công bố thông tin từ *GRI 304: Đa dạng sinh học 2016* đã được thay thế bằng: • **GRI 101:** Các nội dung công bố thông tin 101-1, 101-2 và từ 101-4 đến 101-8, bao gồm thông tin về các chính sách đa dạng sinh học của tổ chức; việc quản lý, nhận biết và xác định vị trí các tác động đến đa dạng sinh học; các tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học; và các dịch vụ hệ sinh thái. Do đó, một số khuyến nghị và công bố thông tin bổ sung theo ngành đã được loại bỏ hoặc điều chỉnh. Xem chi tiết các thay đổi **tại đây**.	*GRI 101: Đa dạng sinh học 2024* (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026)

Mục Lục

Giới thiệu **5**

1. Hồ sơ về ngành **10**

Các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh trong ngành **10**

Ngành và sự phát triển bền vững **11**

2. Các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu **15**

Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu **15**

Chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi **19**

Chủ đề 12.4 Khí thải **22**

Chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học **24**

Chủ đề 12.6 Chất thải **26**

Chủ đề 12.7 Nước và nước thải **29**

Chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế **31**

Chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương **33**

Chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên **35**

Chủ đề 12.11 Quyền của Người địa phương **37**

Chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh **39**

Chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng **41**

Chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp **43**

Chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm **45**

Chủ đề 12.16 Lao động trẻ em **47**

Chủ đề 12.17 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại **49**

Chủ đề 12.18 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể **51**

Chủ đề 12.19 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng **53**

Chủ đề 12.20 Chống tham nhũng **55**

Chủ đề 12.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ **58**

Chủ đề 12.22 Chính sách công **61**

Thuật ngữ **63**

Tài liệu tham khảo **75**

Giới thiệu

GRI 12: Ngành khai khoáng 2022 V1.1 cung cấp thông tin cho các tổ chức trong ngành khai khoáng về các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu. Những chủ đề này có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng dựa vào tác động đáng kể nhất của ngành đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả quyền con người.

GRI 12 cũng bao gồm danh sách các công bố thông tin mà các tổ chức trong ngành khai khoáng cần báo cáo đối với từng chủ đề có khả năng là trọng yếu. Danh sách này bao gồm các công bố thông tin từ các Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề và từ các nguồn khác.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- Phần 1 cung cấp thông tin tổng quan ở mức độ khái quát về ngành khai khoáng, bao gồm hoạt động, mối quan hệ kinh doanh, bối cảnh và mối liên hệ giữa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của Liên hợp quốc với các chủ đề có khả năng là trọng yếu của ngành.
- Phần 2 trình bày những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng và do đó có thể cần được báo cáo. Đối với mỗi chủ đề có khả năng là trọng yếu, phải trình bày các tác động đáng kể nhất đối với ngành và liệt kê các bản công bố thông tin để báo cáo về tác động của tổ chức đối với chủ đề đó.
- Bảng thuật ngữ bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản và được liên kết đến định nghĩa.
- Tài liệu tham khảo liệt kê theo chủ đề các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này. Đồng thời cũng liệt kê các tài nguyên bổ sung mà tổ chức có thể tham khảo

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày tổng quan về các ngành mà Tiêu chuẩn này áp dụng, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Ngành mà Tiêu chuẩn này áp dụng

GRI 12 áp dụng cho các tổ chức thực hiện bất kỳ hoạt động nào sau đây:

- Thăm dò, khai thác và xử lý than nhiệt và than luyện kim (như than nâu, than á bitum, than bitum và than antraxit) từ các khu mỏ ngầm hoặc mỏ lộ thiên.
- Cung cấp thiết bị và dịch vụ cho các mỏ than, chẳng hạn như khoan, thăm dò, dịch vụ thông tin địa chấn và xây dựng mỏ.
- Vận chuyển và lưu trữ than, chẳng hạn như đường ống dẫn bùn than.

Mọi tổ chức trong ngành khai khoáng, bất kể quy mô, loại hình, ngành, vị trí địa lý hay kinh nghiệm báo cáo, đều có thể sử dụng Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải sử dụng tất cả các Tiêu chuẩn theo Ngành hiện hành cho các ngành mà mình có hoạt động đáng kể.

Phân loại ngành

Bảng 1 liệt kê các nhóm ngành liên quan đến lĩnh vực than đá được đề cập trong Tiêu chuẩn này theo Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS®) [4], Tiêu chuẩn Phân loại Ngành (ICB) [3], Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế cho Tất cả các Hoạt động Kinh tế (ISIC) [6] và Hệ thống Phân loại Ngành Phát triển bền vững (SICS®) [5][1] . Bảng nàynhằm mục đích hỗ trợ tổ chức xác định xem liệu *GRI 12* có áp dụng cho họ hay không và chỉ mang tính chất tham khảo.

1 Các nhóm ngành có liên quan trong hệ thống Phân loại thống kê các Hoạt động Kinh tế của Cộng đồng Châu Âu (NACE) [1] và Hệ thống Phân loại Ngành Bắc Mỹ (NAICS) [2] cũng có thể được xác định thông qua các bảng đối chiếu tương đồng hiện có với hệ thống Phân loại Ngành Tiêu chuẩn Quốc tế (ISIC).

Bảng 1. Các nhóm ngành liên quan đến ngành than đá trong các hệ thống phân loại khác

HỆ THỐNG PHÂN LOẠI	SỐ PHÂN LOẠI	TÊN PHÂN LOẠI
GICS©	10102050	Than đá & Nhiên liệu Tiêu hao
ICB	60101040	Than đá
ISIC	B05	Khai thác than đá và than nâu
SICS	EM-CO	Hoạt động khai thác Than đá

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI hướng dẫn tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem Hình 1 trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3
GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo *GRI 1*.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu .Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

Tiêu chuẩn theo Ngành
Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề
Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua *GRI 3*.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ

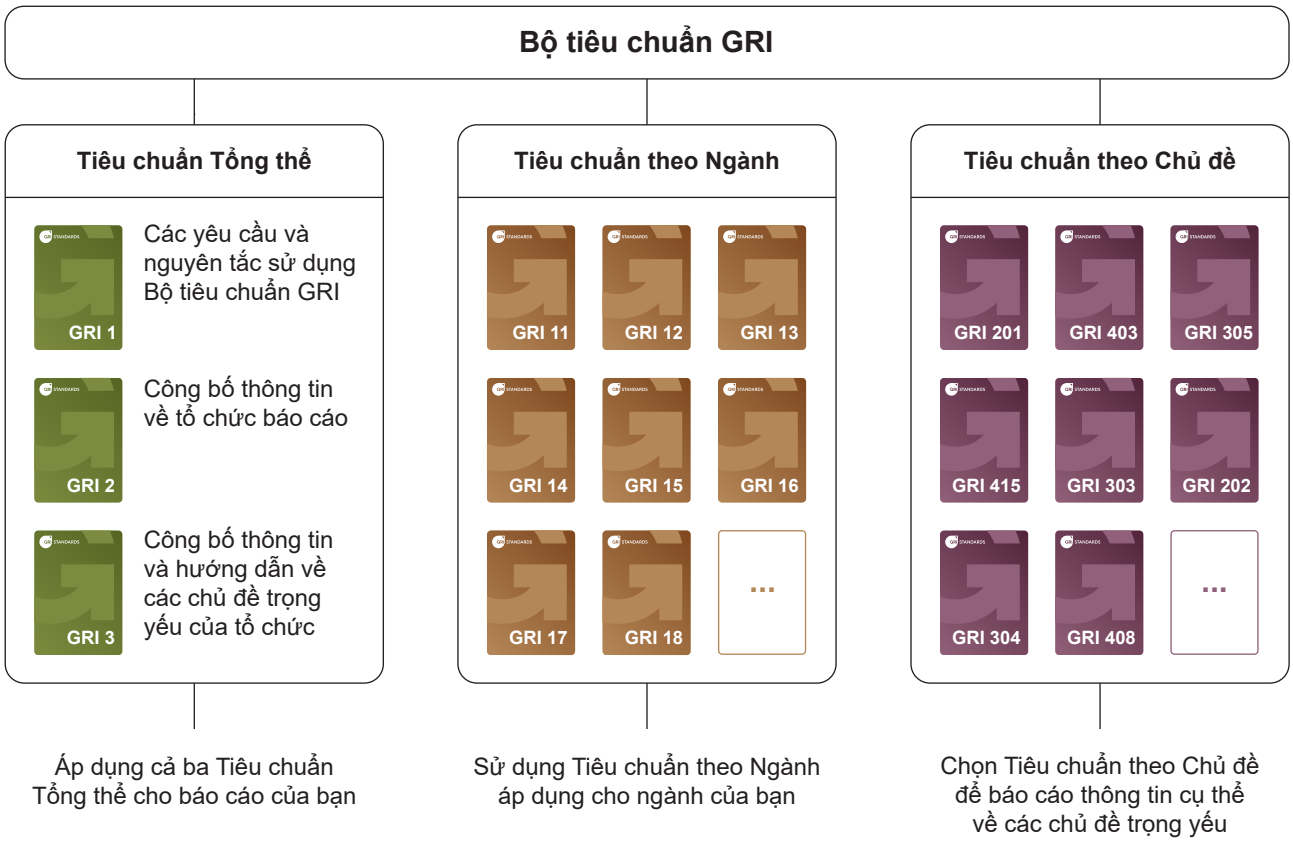

Sử dụng Tiêu chuẩn này

Khi lập báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI, tổ chức trong ngành than đá bắt buộc phải sử dụng Tiêu chuẩn này khi xác định các chủ đề trọng yếu và sau đó khi xác định những thông tin cần báo cáo cho các chủ đề trọng yếu đó.

Xác định chủ đề trọng yếu

Các chủ đề trọng yếu phản ánh các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả quyền con người.

Phần 1 của Tiêu chuẩn này cung cấp thông tin bối cảnh có thể hỗ trợ tổ chức trong việc xác định và đánh giá các tác động của mình.

Phần 2 trình bày những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng.

Tổ chức phải rà soát từng chủ đề được mô tả và quyết định chủ đề đó có phải là chủ đề trọng yếu đối với tổ chức hay không. Tổ chức cần sử dụng Tiêu chuẩn này khi xác định các chủ đề trọng yếu của mình. Tuy nhiên, mỗi tổ chức lại có hoàn cảnh khác nhau và tổ chức cần xác định các chủ đề trọng yếu của mình dựa trên hoàn cảnh đặc thù, chẳng hạn như mô hình kinh doanh; bối cảnh hoạt động trên phương diện địa lý, văn hóa và pháp lý; cơ cấu sở hữu; cũng như tính chất của các tác động từ tổ chức. Vì lý do này, không phải tất cả các chủ đề được liệt kê trong Tiêu chuẩn này đều mang tính trọng yếu đối với mọi tổ chức trong ngành khai khoáng. Xem *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết hướng dẫn từng bước về cách xác định các chủ đề trọng yếu.

Nếu đã xác định bất kỳ chủ đề nào trong Tiêu chuẩn này không mang tính trọng yếu, tổ chức phải liệt kê chủ đề đó trong chỉ mục nội dung GRI và giải thích lý do chủ đề đó không phải là chủ đề trọng yếu.

Xem Yêu cầu 3 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* và Ô 5 trong *GRI 3* để biết thêm thông tin về việc sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành nhằm xác định các chủ đề trọng yếu.

Xác định nội dung báo cáo

Đối với mỗi chủ đề trọng yếu, tổ chức sẽ báo cáo thông tin về tác động của mình cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Khi tổ chức đã xác định một chủ đề có trong Tiêu chuẩn này là trọng yếu thì Tiêu chuẩn cũng sẽ giúp tổ chức xác định các nội dung công bố thông tin để báo cáo thông tin về tác động của tổ chức liên quan đến chủ đề đó.

Mỗi chủ đề trong phần 2 của Tiêu chuẩn này đều kèm theo một tiểu mục báo cáo. Các tiểu phần này liệt kê các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề liên quan đến chủ đề đó. Trong đó cũng có thể liệt kê các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành để tổ chức báo cáo. Việc này được thực hiện trong trường hợp Tiêu chuẩn theo Chủ đề không cung cấp các nội dung công bố thông tin, hoặc khi các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề không cung cấp đủ thông tin về tác động của tổ chức liên quan đến chủ đề đó. Các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành này có thể dựa trên các nguồn khác. Hình 2 minh họa cấu trúc báo cáo trong mỗi chủ đề.

Tổ chức phải báo cáo nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề đã liệt kê đối với các chủ đề mà tổ chức xác định là trọng yếu. Nếu bất kỳ nội dung công bố thông tin nào trong Tiêu chuẩn theo Chủ đề được liệt kê không liên quan đến tác động của tổ chức, thì tổ chức không bắt buộc phải báo cáo nội dung công bố thông tin đó. Tuy nhiên, tổ chức phải liệt kê những nội dung công bố thông tin này trong chỉ mục nội dung GRI và đưa ra lý do “không áp dụng” cho việc lược bỏ nội dung công bố thông tin đó. Xem Yêu cầu 6 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Các nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành nêu rõ những thông tin bổ sung đã được xác định là phù hợp để các tổ chức trong ngành than đá báo cáo về từng chủ đề. Tổ chức phải cung cấp đầy đủ thông tin về tác động của mình liên quan đến từng chủ đề trọng yếu để người dùng thông tin có thể đưa ra đánh giá và quyết định sáng suốt về tổ chức. Vì vậy, báo cáo nội dung công bố thông tin và khuyến nghị bổ sung theo ngành này là việc làm được khuyến khích chứ không phải là yêu cầu bắt buộc.

Khi báo cáo các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành, tổ chức bắt buộc phải liệt kê những nội dung này trong chỉ mục nội dung GRI (xem Yêu cầu 7 trong *GRI 1*).

Nếu báo cáo thông tin áp dụng cho nhiều chủ đề trọng yếu khác nhau, tổ chức không cần phải lặp lại thông tin đó cho từng chủ đề. Tổ chức có thể báo cáo thông tin này một lần, kèm theo giải thích rõ ràng về tất cả các chủ đề được đề cập.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Xem Yêu cầu 5 trong *GRI 1* để biết thêm thông tin về việc sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành cho mục đích báo cáo nội dung công bố thông tin.

Số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành

Số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành được bao gồm cho tất cả các nội dung công bố thông tin được liệt kê trong Tiêu chuẩn này, bao gồm cả những nội dung công bố thông tin từ Bộ Tiêu chuẩn GRI và nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành. Khi liệt kê các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn này trong chỉ mục nội dung GRI, tổ chức phải đưa vào số tham chiếu của Tiêu chuẩn GRI theo Ngành có liên quan (xem Yêu cầu 7 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*). Mã định danh này giúp người dùng thông tin đánh giá xem nội dung công bố thông tin nào được liệt kê trong Tiêu chuẩn theo Ngành hiện hành được đưa vào báo cáo của tổ chức.

Các thuật ngữ được định nghĩa

Các thuật ngữ được định nghĩa được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa tương ứng trong Bảng thuật ngữ. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng khi xây dựng Tiêu chuẩn này, cũng như các nguồn tài liệu bổ sung có thể giúp báo cáo về các chủ đề có khả năng là trọng yếu và có thể được tổ chức tham khảo, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo . Những tài liệu này bổ sung cho các tài liệu tham khảo và nguồn tài liệu được liệt kê trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* và trong Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề.

Hình 2. Cấu trúc báo cáo được đưa vào từng chủ đề

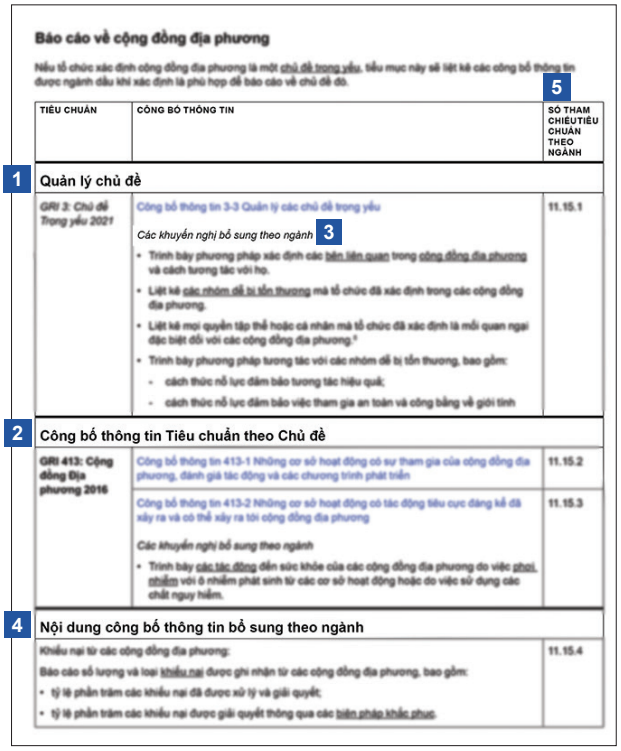

Báo cáo về cộng đồng địa phương

Nếu tổ chức xác định cộng đồng địa phương là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành dầu khí xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó. 5

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
1 Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* 3 • Trình bày phương pháp xác định các bên liên quan trong cộng đồng địa phương và cách tương tác với họ. • Liệt kê các nhóm dễ bị tổn thương mà tổ chức đã xác định trong các cộng đồng địa phương. • Liệt kê mọi quyền tập thể hoặc cá nhân mà tổ chức đã xác định là mối quan ngại đặc biệt đối với các cộng đồng địa phương.[6] • Trình bày phương pháp tương tác với các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: - cách thức nỗ lực đảm bảo tương tác hiệu quả; - cách thức nỗ lực đảm bảo việc tham gia an toàn và công bằng về giới tính	11.15.1
2 Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016	Công bố thông tin 413-1 Những cơ sở hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	11.15.2
	Công bố thông tin 413-2 Những cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực đáng kể đã xảy ra và có thể xảy ra tới cộng đồng địa phương *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các tác động đến sức khỏe của các cộng đồng địa phương do việc phơi nhiễm với ô nhiễm phát sinh từ các cơ sở hoạt động hoặc do việc sử dụng các chất nguy hiểm.	11.15.3
4 Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Khiếu nại từ các cộng đồng địa phương: Báo cáo số lượng và loại khiếu nại được ghi nhận từ các cộng đồng địa phương, bao gồm: • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại đã được xử lý và giải quyết; • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại được giải quyết thông qua các biện pháp khắc phục.	11.15.4

1 Quản lý chủ đề

Tổ chức phải báo cáo cách tổ chức quản lý từng chủ đề trọng yếu theo Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021*.

2 Các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề đã được xác định là phù hợp cho các tổ chức trong (các) ngành được liệt kê tại đây. Khi xác định một chủ đề là trọng yếu, tổ chức phải báo cáo các nội dung công bố thông tin đó hoặc giải thích lý do tại sao không áp dụng các nội dung đó trong chỉ mục nội dung GRI. Xem Tiêu chuẩn theo Chủ đề để biết nội dung công bố thông tin, bao gồm các yêu cầu, khuyến nghị và hướng dẫn.

3 Các khuyến nghị bổ sung theo ngành

Có thể liệt kê các khuyến nghị bổ sung theo ngành. Nội dung này bổ sung cho các nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề và được khuyến nghị cho tổ chức trong (các) ngành đó.

4 Các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành

Có thể liệt kê các nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành. Việc báo cáo nội dung này, cùng mọi nội dung công bố thông tin từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề, đảm bảo tổ chức báo cáo đầy đủ thông tin về tác động của mình liên quan đến chủ đề đó.

5 Số tham chiếu Tiêu chuẩn theo Ngành

Các số tham chiếu Tiêu chuẩn GRI theo Ngành phải được đưa vào Chỉ mục Nội dung GRI. Điều này giúp người dùng thông tin đánh giá xem nội dung công bố thông tin nào được liệt kê trong Tiêu chuẩn theo Ngành được đưa vào báo cáo của tổ chức.

1. Hồ sơ về ngành

Than đá là một nguồn tài nguyên thiên nhiên vẫn luôn được sử dụng xuyên suốt từ thời cổ đại. Hiện tại, khai thác than đá là một ngành toàn cầu quy mô lớn, cung cấp nguyên liệu thô cho sản xuất năng lượng và các quy trình luyện kim. Than nhiệt hiện đang cung cấp hơn một phần ba sản lượng điện toàn cầu [22], trong khi than luyện kim chủ yếu được sử dụng để sản xuất thép, chiếm 15% sản lượng than đá trên thế giới [18]. Than đá cũng được sử dụng để sản xuất các hợp chất tổng hợp, chẳng hạn như xi măng, thuốc nhuộm, dầu, sáp, dược phẩm và thuốc bảo vệ thực vật.

Các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có tính chất rất đa dạng. Trong khi một số tổ chức chỉ tập trung vào mặt hàng duy nhất này khi kết hợp các kênh khai thác, phân phối và tiêu thụ dưới quyền sở hữu đơn lẻ, thì những tổ chức khác lại là các tổ chức lớn, đa dạng, khai thác các mặt hàng khác nhau hoặc hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Một vài trong số những tổ chức lớn nhất trong ngành này là các doanh nghiệp nhà nước.

Việc đốt than đá tạo ra một lượng đáng kể khí nhà kính (KNK) và các khí thải khác và là nguồn phát thải cacbon đioxit (CO_2) lớn nhất trên toàn cầu [20]. Việc tiêu thụ than đá để sản xuất điện đã giảm trên diện rộng [17] do các nỗ lực khử cacbon và chi phí của năng lượng tái tạo giảm xuống, từ đó chuyển trọng tâm sang các nguồn năng lượng ít phát thải KNK hơn.

Các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh trong ngành

Thông qua các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh, các tổ chức có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế, môi trường và con người, từ đó tạo ra đóng góp tiêu cực hoặc tích cực vào sự phát triển bền vững . Khi xác định các chủ đề trọng yếu của mình, tổ chức nên cân nhắc tác động từ cả các hoạt động cũng như mối quan hệ kinh doanh của mình. Xem phần 1 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin.

Hoạt động

Tác động của một tổ chức sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại hình hoạt động họ thực hiện. Danh sách sau đây nêu rõ một số hoạt động chính của ngành than đá như được xác định trong Tiêu chuẩn này. Đây không phải là danh sách đầy đủ.

Thăm dò và tìm kiếm: Khảo sát tài nguyên, bao gồm đánh giá tính khả thi, lập bản đồ địa chất, chụp ảnh trên không, đo lường địa vật lý và khoan.

Phát triển: Thiết kế, lập kế hoạch và xây dựng mỏ, bao gồm các cơ sở xử lý và cơ sở cho người lao động .
Khai thác: Khai thác than đá bằng phương pháp khai thác mỏ lộ thiên, khai khoáng ngầm hoặc kỹ thuật khai thác tại chỗ.

Xử lý: Nghiền, làm sạch và xử lý than đá để loại bỏ các vật liệu không mong muốn; xử lý thành than bánh, nhiên liệu lỏng, khí hoặc than cốc để sản xuất thép.

Đóng cửa và phục hồi: Ngừng hoạt động các cơ sở xử lý, cải tạo và phục hồi đất, đóng cửa và niêm phong các cơ sở xử lý chất thải.

Vận chuyển: Vận chuyển than đến điểm tiêu thụ bằng sà lan, băng tải, tàu hỏa, xe tải hoặc tàu thủy; hoặc khi trộn với dầu hoặc nước thì vận chuyển dưới dạng bùn than bằng đường ống.

Bảo quản: Lưu trữ than tại các địa điểm khai thác hoặc kho cảng nhập khẩu và xuất khẩu.

Bán hàng và tiếp thị: Bán các sản phẩm than đá phục vụ cho các mục đích như sản xuất sắt thép, sản xuất xi măng, sản xuất điện và sản xuất hàng hóa.

Mối quan hệ kinh doanh

Các mối quan hệ kinh doanh của một tổ chức bao gồm các mối quan hệ của tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá tri của mình, bao gồm cả những thực thể gián tiếp, cũng như mọi thực thể khác liên quan trực

tiếp đến hoạt động vận hành, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức. Các loại hình mối quan hệ kinh doanh sau đây phổ biến trong ngành than đá và phù hợp để xác định tác động của các tổ chức trong ngành này.

Liên doanh là hình thức thỏa thuận trong đó các tổ chức cùng chia sẻ chi phí, lợi ích và trách nhiệm pháp lý phát sinh từ các hoạt động than đá. Tổ chức trong ngành than đá có thể liên quan đến các tác động tiêu cực do liên doanh gây ra, ngay cả khi là đối tác không tham gia điều hành.

Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) thường là các nhà khai thác than đá lớn nhất và nắm giữ quyền sở hữu đối với phần lớn trữ lượng than đá toàn cầu. Họ cũng có thể đóng vai trò là đối tác liên doanh với các tổ chức than đá được niêm yết trên thị trường chứng khoán. DNNN phải đối mặt với những thách thức đặc thù liên quan đến tính minh bạch và công tác quản trị. Những thách thức này được đề cập trong một số chủ đề có khả năng là trọng yếu trong Tiêu chuẩn này.

Các nhà cung cấp và nhà thầu được thuê với số lượng lớn để thực hiện các hoạt động nhất định, chẳng hạn như khoan và xây dựng, hoặc để cung cấp các dịch vụ và sản phẩm khác. Một số tác động đáng kể được đề cập trong Tiêu chuẩn này liên quan đến chuỗi cung ứng.

Khách hàng sử dụng than đá để sản xuất năng lượng, nhiệt và vật liệu. Việc đốt dầu và khí đốt tạo ra khí nhà kính (KNK) và phát thải các khí khác. Mặc dù khách hàng chịu trách nhiệm chính trong việc giảm bớt và quản lý phát thải nhưng các tổ chức khai thác và sản xuất than đá cũng phải thực hiện các biện pháp nhằm giảm phát thải từ quá trình đốt cháy các sản phẩm và công bố phát thải KNK có liên quan (phát thải KNK Phạm vi 3). Do đó, Tiêu chuẩn này không chỉ bao gồm phát thải KNK Phạm vi 1 và phát thải KNK Phạm vi 2, mà còn bao gồm cả phát thải KNK Phạm vi 3.

Ngành và sự phát triển bền vững

Than đá là nguồn năng lượng nền tảng của thế giới, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Tuy nhiên, than đá là nguồn phát thải lớn gây ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu do hoạt động của con người, ảnh hưởng đến mọi khu vực trên toàn cầu và gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe, cuộc sống, sinh kế và quyền con người của hàng triệu người [36].

Phần lớn các quốc gia trên thế giới đã cam kết chống biến đổi khí hậu bằng cách giới hạn mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu ở mức thấp hơn nhiều so với ngưỡng 2°C và nỗ lực giữ mức tăng ở mức 1,5°C so với mức trước thời kỳ công nghiệp hóa, như đã nêu trong Hiệp định Paris [10]. Tuy nhiên, dựa trên các mục tiêu hiện tại về việc giảm phát thải KNK được nêu trong Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định (NDC), nhiệt độ trung bình dự kiến sẽ tăng 2,7°C vào năm 2100 [9]. Điều này sẽ dẫn đến các hiện tượng khí hậu và thời tiết khắc nghiệt xảy ra xảy ra thường xuyên hơn và nghiêm trọng hơn, cùng các tác động lâu dài, không thể khắc phục khác như mực nước biển dâng cao, băng tan, đại dương ấm lên và bị axit hóa.

Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) khẳng định cần giới hạn mức nóng lên toàn cầu ở 1,5°C [16], đòi hỏi phải giảm 45% lượng khí thải CO_2 vào năm 2030 so với mức năm 2010 và đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Do đó, thế giới cần chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp dựa trên nguồn năng lượng có mức giá phải chăng, đáng tin cậy và bền vững. Quá trình chuyển đổi này cũng sẽ đồng thời giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí toàn cầu. Để đạt được mức phát thải KNK ròng bằng 0 vào năm 2050, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhấn mạnh cần phải hạn chế đầu tư vào sản xuất than đá mới hoặc mở rộng các mỏ hiện có [19]. Số lượng các tổ chức tài chính thoái vốn khỏi ngành than nhiệt đang có sự gia tăng đều đặn, do các chính sách về khí hậu như định giá cacbon và các quy định về ô nhiễm không khí, cùng các hạn chế về tài trợ và trợ cấp từ khu vực công, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của than đá như một loại nhiên liệu giá rẻ [20].

Quá trình chuyển đổi đặt ra những thách thức đặc biệt đối với các tổ chức trong ngành khai khoáng. Trong khuôn khổ Hiệp ước Khí hậu Glasgow, gần 200 quốc gia đã cam kết “đẩy nhanh nỗ lực hướng tới việc giảm dần điện than chưa được xử lý giảm phát thải” [8], trong đó 40 quốc gia có cam kết quốc gia sẽ loại bỏ dần hoạt động phát điện bằng than chưa được xử lý giảm phát thải hiện có [29]. Kết quả là ngày càng nhiều cơ sở hoạt động khai thác than đá phải đối mặt với việc đóng cửa trước thời hạn, từ đó tác động đến người lao động và cộng đồng. Các Cơ hội về việc làm của người lao động trong ngành và chuỗi cung ứng của ngành sẽ giảm xuống, các cộng đồng khai thác phụ thuộc vào than đá có thể phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao tại địa phương.

Có thể thực hiện một quá trình chuyển đổi công bằng cho người lao động và cộng đồng nếu các tổ chức thuộc ngành khai khoáng và chính phủ cùng nhau hợp tác. Chuyển dịch công bằng là một quá trình công bằng và bình đẳng hướng

tới nền kinh tế bền vững, góp phần tạo ra việc làm bền vững, thúc đẩy hòa nhập xã hội và xóa đói giảm nghèo. Quá trình này kết hợp các chính sách và chương trình công tập trung vào người lao động nhằm đảm bảo một tương lai được bảo đảm và tươm tất cho tất cả người lao động, gia đình họ và cộng đồng phụ thuộc vào họ [35]. Đây là một yếu tố không thể thiếu của Hiệp định Paris và Hiệp ước Glasgow, được đưa vào kế hoạch thực hiện trong các NDC đã đệ trình của nhiều quốc gia cho đến nay [9].

Khung thời gian cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp sẽ khác nhau giữa các quốc gia, tùy thuộc vào bối cảnh của họ – trong đó có tính đến các khía cạnh như mức độ tiếp cận và an ninh điện năng – cũng như khả năng khác nhau trong việc thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Do đó, các nền kinh tế đang phát triển dự kiến sẽ đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 chậm hơn các nền kinh tế phát triển. Ngay cả khi thế giới thực hiện các chính sách khử cacbon, than đá vẫn có thể là nguồn năng lượng quan trọng ở một số quốc gia đang phát triển trong tương lai gần. Các hoạt động liên quan đến than đá có thể cung cấp nguồn thu nhập và khả năng tự chủ năng lượng quan trọng, thường mang lại sự phát triển kinh tế ở, việc làm, cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở địa phương. Mặc dù mang lại thu nhập ở cấp quốc gia nhưng sự giàu có về tài nguyên không phải lúc nào cũng dẫn đến phân phối lợi nhuận tài chính đồng đều. Các quốc gia có nền kinh tế dựa vào tài nguyên không tái tạo đôi khi có nền kinh tế không ổn định và dễ xảy ra xung đột. Nguyên nhân có thể là do giá cả hàng hóa biến động, sự thiếu minh bạch trong chi tiêu của chính phủ, xung đột về quyền kiểm soát tài nguyên và mức độ đa dạng hóa kinh tế thấp hơn [26] [37].

Các hoạt động khai thác than đá cũng tạo ra nhiều tác động khác đến môi trường và con người, bao gồm cả quyền con người của họ. Các dự án than đá thường có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài và cần các khoản đầu tư và dòng tiền lớn. Hoạt động khai thác than đá liên quan đến việc loại bỏ một lượng lớn đất và đá khỏi lòng đất và tạo ra các dòng chất thải lớn. Khi được khai thác ở vùng sâu vùng xa, khu bảo tồn hoặc còn nguyên sơ, tác động đến môi trường có thể đặc biệt nghiêm trọng, kéo dài hơn cả vòng đời thương mại của mỏ. Việc một lượng lớn người lao động đến địa điểm khai thác, cùng với nguồn tài chính gia tăng và các vấn đề liên quan đến quyền sử dụng đất, có thể gây ra các vấn đề kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và Người địa phương. Hơn nữa, việc quản trị tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả, bao gồm tham nhũng và quản lý kém hiệu quả nguồn thu, có thể làm trầm trọng thêm các tác động tiêu cực và cản trở việc phân bổ lợi ích kinh tế cho các cộng đồng.

Mục tiêu Phát triển Bền vững

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), thuộc Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững được 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc (UN) thông qua, bao gồm kế hoạch hành động toàn diện của thế giới để đạt được sự phát triển bền vững [11].

Vì các SDG và các chỉ tiêu liên quan đến SDG có tính liên kết và không thể tách rời nên các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có tiềm năng đóng góp vào tất cả các SDG bằng cách tăng cường tác động tích cực của tổ chức, hoặc bằng cách ngăn chặn và giảm thiểu tác động tiêu cực của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người.

Mặc dù ngành khai khoáng góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng của thế giới và góp phần đạt được Mục tiêu 7: Năng lượng Sạch và Giá phải chăng, nhưng việc khai thác và đốt than đá lại là tác nhân chính gây ra biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu cũng có thể làm trầm trọng thêm các thách thức khác, chẳng hạn như đảm bảo khả năng tiếp cận nước sạch, an ninh lương thực và giảm nghèo. Đảm bảo khả năng tiếp cận năng lượng giá phải chăng, đáng tin cậy và bền vững, đồng thời giảm thiểu phát thải KNK theo Mục tiêu 13: Hành động vì Khí hậu và chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp là một trong những thách thức lớn nhất của ngành.

Vì ngành khai khoáng vẫn tạo ra nguồn việc làm và thu nhập thiết yếu ở nhiều khu vực, nên có thể đóng góp tích cực vào Mục tiêu 8: Việc làm Bền vững và Tăng trưởng Kinh tế và Mục tiêu 1: Xóa nghèo, nếu điều kiện lao động và các mối nguy tại nơi làm việc được quản lý một cách thỏa đáng. Tuy nhiên, việc đóng cửa các mỏ than được đẩy nhanh do quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp sẽ làm suy giảm những đóng góp này về lâu dài, đồng thời tiềm ẩn những tác động đối với người lao động và cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng.

Với việc quản lý đúng đắn các tác động đến môi trường, ngành khai khoáng có thể đóng góp vào Mục tiêu 11: Các thành phố và cộng đồng phát triển bền vững và Mục tiêu 12: Tiêu dùng và Sản xuất có Trách nhiệm. Sự hiện diện của ngành này cũng có thể thúc đẩy các hoạt động kinh tế khác, mở rộng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cho cộng đồng địa phương xung quanh các địa điểm khai thác.

Bảng 2 trình bày mối liên hệ giữa các chủ đề trọng yếu có khả năng áp dụng đối với ngành khai khoáng và các SDG.

Những mối liên kết này được xác định dựa vào việc đánh giá các tác động được trình bày trong từng chủ đề có khả năng là trọng yếu, các chỉ tiêu liên quan đến từng SDG và hoạt động ánh xạ hiện có đã được thực hiện cho ngành này (xem tài liệu tham khảo [34] trong phần Tài liệu tham khảo).

Bảng 2 không phải là một công cụ báo cáo mà nhằm trình bày mối liên kết giữa các tác động đáng kể của ngành khai khoáng và các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững. Xem cấc tài liệu tham khảo [40] và [41] trong phần Tài liệu tham khảo để biết thông tin về báo cáo tiến độ đạt được các SDG theo Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa các chủ đề có khả năng là trọng yếu cho ngành khai khoáng và các SDG

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu	●						●	●				●	●	●			
Chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi								●			●				●		
Chủ đề 12.4 Khí thải			●								●	●			●		
Chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học						●						●		●	●		
Chủ đề 12.6 Chất thải			●			●						●			●		
Chủ đề 12.7 Nước và nước thải						●						●		●	●		
Chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế	●				●			●	●	●							
Chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương	●		●		●	●										●	
Chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên	●										●					●	
Chủ đề 12.11 Quyền của Người địa phương	●		●		●						●					●	
Chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh																●	
Chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng			●								●						
Chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp			●					●									
Chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm	●				●			●									
Chủ đề 12.16 Lao động trẻ em	●							●		●	●					●	
Chủ đề 12.17 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại								●			●					●	
Chủ đề 12.18 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể								●								●	
Chủ đề 12.19 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng					●			●		●						●	
Chủ đề 12.20 Chống tham nhũng												●				●	
Chủ đề 12.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ	●															●	●
Chủ đề 12.22 Chính sách công													●			●	

2. Các chủ đề có khả năng là chủ đề trọng yếu

Phần này bao gồm các chủ đề trọng yếu có khả năng áp dụng đối với ngành than đá. Mỗi chủ đề trình bày những tác động đáng kể nhất của ngành liên quan đến chủ đề đó và liệt kê các nội dung công bố thông tin đã được xác định là phù hợp để các tổ chức than đá sử dụng khi báo cáo về chủ đề đó. Tổ chức phải xem xét từng chủ đề trong phần này và xác định xem đó có phải là chủ đề trọng yếu đối với tổ chức hay không, sau đó xác định thông tin cần báo cáo cho các chủ đề trọng yếu của tổ chức.

Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu đề cập đến những thay đổi dài hạn trong hệ thống khí hậu, chủ yếu do phát thải khí nhà kính (KNK) từ các hoạt động của con người gây ra. Các tổ chức góp phần gây ra biến đổi khí hậu, đặc biệt thông qua việc tiêu thụ năng lượng không tái tạo trong toàn bộ chuỗi giá trị, và có trách nhiệm giảm thiểu cũng như thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm việc xây dựng các kế hoạch chuyển đổi và thích ứng phù hợp với các nguyên tắc chuyển đổi công bằng. Chủ đề này đề cập đến phát thải KNK, tiêu thụ năng lượng, các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, cũng như các tác động đến người lao động, cộng đồng địa phương và Người địa phương.

Các nghiên cứu cho thấy chỉ trong vòng 40 năm trở lại đây, hoạt động của con người đã làm phát sinh khoảng một nửa tổng lượng khí thải cacbon đioxit (CO_2) kể từ năm 1750, chủ yếu là do việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch ngày càng tăng, bao gồm cả than đá [42]. Ngoài CO_2 , hoạt động khai thác than đá còn thải ra khí mêtan (CH_4), nitơ oxit (N_2O) và ô-zôn (O_3). CH_4 có chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu cao hơn đáng kể so với CO_2; khi xem xét tác động trong hơn 100 năm, một tấn CH_4 tương đương với 28 đến 36 tấn CO_2 [60] [84]. Ước tính hoạt động khai thác than đá là nguyên nhân gây ra 11% lượng khí thải CH_4 do hoạt động của con người tạo ra trên toàn cầu [68], mặc dù các phép đo gần đây cho thấy lượng khí thải CH_4 từ sản xuất năng lượng có thể bị đánh giá thấp [51].

Các bên ký kết Hiệp định Paris đã cam kết giữ mức làm nóng lên toàn cầu thấp hơn nhiều so với ngưỡng 2°C trên mức trước thời kỳ công nghiệp hóa, đồng thời nỗ lực giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở 1,5°C [49]. Tuy nhiên, trữ lượng nhiên liệu hóa thạch hiện có vượt xa giới hạn tiêu thụ cần thiết để duy trì trong phạm vi những giới hạn này [74]. Các tổ chức trong ngành khai khoáng đang phải đối mặt với những yêu cầu ngày càng tăng về việc đặt ra các mục tiêu giảm phát thải KNK, đóng cửa các cơ sở hoạt động, điều chỉnh mô hình kinh doanh để giảm sự phụ thuộc vào than nhiệt, đầu tư vào các công nghệ mới để loại bỏ CO_2 khỏi khí quyển và xây dựng các bể chứa cacbon.

Hoạt động khai thác than tiêu thụ rất nhiều năng lượng. Nếu nguồn năng lượng tái tạo không cung cấp đủ năng lượng cần thiết, hoạt động khai khoáng sẽ tạo ra khí thải CO_2. Các nguồn phát thải này được phân loại là phát thải KNK Phạm vi 1 trong trường hợp nguồn phát thải thuộc sở hữu của tổ chức hoặc do tổ chức kiểm soát, được phân loại là phát thải KNK Phạm vi 2 trong trường hợp điện, nhiệt, năng lượng làm mát và hơi nước được tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng.

Lượng năng lượng sử dụng trong khai thác than đá và lượng khí thải CO_2 phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như phương pháp khai thác, độ sâu, địa chất, năng suất và mức độ tinh chế cần thiết. Các hoạt động tiêu thụ nhiều năng lượng nhất bao gồm vận chuyển, thăm dò, khoan, đào đất, khai thác, nghiền bột, ép, nghiền, bơm và thông gió. Việc khai thác và vận chuyển trong các mỏ ngầm có thể cần nhiều năng lượng hơn so với khai thác lộ thiên, do có thêm các nhu cầu như chuyên chở, thông gió và bơm nước. Việc sử dụng thuốc nổ, đốt cháy mỏ, các hoạt động đóng cửa và phục hồi cũng là nguồn phát thải KNK.

CH4 phát thải từ các mỏ than đá được giải phóng vào khí quyển trong và sau quá trình khai thác. Khí mêtan trong mỏ than đá (CMM) có thể được giải phóng thông qua hệ thống khử khí và khí thông gió từ các mỏ than ngầm. CMM cũng có thể được giải phóng thông qua rò rỉ từ các mỏ bỏ hoang hoặc mỏ đã đóng qua các lỗ thông hơi hoặc vết nứt trên mặt đất, các vỉa than của các mỏ lộ thiên và phát thải ngoài ý muốn trong quá trình lưu trữ và vận chuyển. Các mỏ ngầm là nguyên nhân gây ra phần lớn lượng phát thải KNK Phạm vi 1 từ CH_4 do hàm lượng khí cao hơn trong các vỉa sâu hơn.

Đối với than đá, các hoạt động sử dụng cuối cùng là nguyên nhân gây ra lượng phát thải KNK đáng kể nhất, được phân loại là phát thải KNK Phạm vi 3.Lượng phát thải này chủ yếu bắt nguồn từ việc sản xuất điện và nhiệt, sản xuất thép và sản xuất xi măng. Trong tất cả các nguồn năng lượng, than đá có cường độ phát thải KNK cao nhất khi đốt cháy và là nguồn phát thải CO_2. Chủ yếu được sử dụng để sản xuất điện, than nhiệt thường thải ra lượng KNK trên mỗi đơn vị điện

năng đơn lẻ lớn nhất trên toàn cầu [79]. Quá trình sản xuất thép sử dụng than luyện kim, trong đó ba phần tư nhu cầu năng lượng được đáp ứng bởi than đá [82].

Vì than đá phát thải một lượng đáng kể CO_2 và có cường độ phát thải cao nhất trên mỗi đơn vị năng lượng trong số các nhiên liệu hóa thạch, nên việc đốt than thường là hoạt động đầu tiên mà các chính phủ tìm cách hạn chế để thực hiện các cam kết của họ theo Hiệp định Paris. Quá trình chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế ít phát thải KNK hơn đã bắt đầu, dẫn đến xu hướng giảm tiêu thụ than đá [64]. Mặc dù có các giải pháp thay thế cho việc sản xuất điện nhưng các nhà sản xuất thép hiện vẫn thiếu một giải pháp thay thế khả thi về mặt kinh tế cho than đá, dẫn đến thời gian chuyển đổi kéo dài hơn. Các giải pháp công nghệ đang được phát triển để loại bỏ hoặc thu KNK từ việc đốt than, chẳng hạn như thu hồi và lưu trữ cacbon. Tuy nhiên, công nghệ này không tiến bộ với tốc độ cần thiết để đáp ứng mức giảm phát thải đủ để giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở 1,5ºC, vẫn cần đánh giá tác động của công nghệ này đến môi trường và việc đầu tư mới vẫn còn khan hiếm.

Việc chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế ít phát thải KNK hơn có thể gây ra tác động tiêu cực đáng kể đối với các tổ chức, người lao động và các cộng đồng địa phương phụ thuộc vào các hoạt động liên quan đến than đá. Quá trình chuyển đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến việc làm, nguồn thu của chính phủ và sự phát triển kinh tế tại các khu vực nơi ngành này hoạt động. Việc đóng cửa diễn ra thường xuyên hơn khó có khả năng được bù đắp bằng số lượng các cơ sở mới được mở, như đã từng xảy ra trước đây. Điều này có thể tác động đến người lao động, đặc biệt khi việc làm bị chấm dứt, và có thể tạo ra những thách thức liên quan đến khả năng có việc làm cũng như các cơ hội tái tuyển dụng theo mong muốn. Việc thiếu các quy định đầy đủ về đóng cửa và phục hồi cũng có thể dẫn đến gánh nặng kinh tế đối với các chính phủ và cộng đồng địa phương, đặc biệt là ở những quốc gia nơi sản xuất than đá chiếm một tỷ lệ đáng kể trong nguồn thu của họ.

Để giải quyết các tác động liên quan đến rủi ro chuyển đổi, các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có thể đa dạng hóa hoạt động ngoài lĩnh vực than đá, đầu tư vào các giải pháp công nghệ, thúc đẩy đổi mới thông qua các quan hệ đối tác hợp tác theo ngành và tập trung vào các phân khúc thị trường dự kiến sẽ hoạt động lâu hơn. Tuy nhiên, việc bán các tài sản than đá hiện có cho các thực thể khác để giảm lượng phát thải KNK của tổ chức, thay vì đóng cửa cơ sở hoạt động, có thể gây bất lợi cho các nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu. Việc chuyển nhượng tài sản than đá cho các tổ chức tiếp tục khai thác than đá sẽ không làm giảm mà ngược lại có thể làm tăng lượng phát thải KNK tổng thể. Nếu một tổ chức chuyển giao trách nhiệm đóng cửa và phục hồi cho các nhà điều hành có ít tinh thần trách nhiệm và thiếu kinh nghiệm hơn, điều này cũng có thể làm suy yếu công tác quản lý các tác động đến môi trường và kinh tế xã hội từ việc đóng cửa cuối cùng (xem thêm chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi).

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, chuyển đổi công bằng bao gồm xanh hóa nền kinh tế trên nguyên tắc công bằng và toàn diện nhất có thể cho tất cả mọi người có liên quan, tạo ra các cơ hội việc làm bền vững và không bỏ lại ai phía sau. Để đạt được quá trình chuyển đổi công bằng, cần phải nhận thức được mức độ phụ thuộc khác nhau của người lao động, cộng đồng địa phương và nền kinh tế quốc gia vào ngành khai khoáng [66]. Các hành động góp phần vào quá trình chuyển đổi công bằng bao gồm việc thông báo đầy đủ trước khi đóng cửa, hợp tác với chính phủ và các công đoàn, vận động các chính sách phù hợp với khí hậu (xem thêm chủ đề 12.22 Chính sách công), nâng cao và đào tạo lại kỹ năng, bố trí lại người lao động và thực hiện các khoản đầu tư thay thế vào các cộng đồng bị ảnh hưởng. Việc tương tác hiệu quả với các bên liên quan , bao gồm Người địa phương và cộng đồng địa phương ngay từ giai đoạn đầu cũng rất quan trọng để đạt được quá trình chuyển đổi công bằng.

Báo cáo về biến đổi khí hậu

Nếu tổ chức xác định biến đổi khí hậu là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.1.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025	Công bố thông tin 102-1 Kế hoạch chuyển đổi để giảm thiểu biến đổi khí hậu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo về việc kế hoạch chuyển đổi của tổ chức có phải là một mục nghị quyết đã được lên lịch tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của các bên liên quan (AGM) hay không. • Trình bày các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động hoặc nguồn thu của tổ chức, bao gồm: - việc phát triển các trữ lượng hiện đã được chứng minh và có khả năng khai thác; - khả năng loại bỏ và đóng cửa sớm các tài sản hiện có; - khối lượng sản xuất than đá cho kỳ báo cáo hiện tại và sản lượng dự kiến cho năm năm tiếp theo. • Báo cáo về các vụ thoái vốn đối với tài sản than đá đã được lên kế hoạch, đang thực hiện hoặc đã hoàn thành. Đối với mỗi vụ thoái vốn: - trình bày cách tổ chức đã xem xét các cam kết chính sách về hành vi kinh doanh có trách nhiệm; - báo cáo về việc có hay không các quy định có hiệu lực để đảm bảo các tác động tiêu cực từ việc đóng cửa được giải quyết và về việc thực thể mua lại (các) tài sản có tuân thủ các kế hoạch đóng cửa và phục hồi hiện có hay không.	12.1.2
	Công bố thông tin 102-2 Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu	12.1.3
	Công bố thông tin 102-3 Chuyển đổi công bằng	12.1.4
	Công bố thông tin 102-4 Chỉ tiêu và tiến độ giảm phát thải KNK	12.1.5
	Công bố thông tin 102-5 Phát thải KNK Phạm vi 1 *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo phân tích chi tiết tổng lượng phát thải KNK Phạm vi 1 theo loại nguồn (ví dụ: nguồn đốt cố định hay di động, phát thải từ quy trình xử lý và phát thải ngoài ý muốn).	12.1.6
	Công bố thông tin 102-6 Phát thải KNK Phạm vi 2	12.1.7
	Công bố thông tin 102-7 Phát thải KNK Phạm vi 3	12.1.8
	Công bố thông tin 102-8 Cường độ phát thải KNK	12.1.9
	Công bố thông tin 102-9 Lượng KNK được loại bỏ trong chuỗi giá trị	12.1.10
	Công bố thông tin 102-10 Tín chỉ cacbon	12.1.11

2 Các cam kết chính sách về hành vi kinh doanh có trách nhiệm và cam kết tôn trọng quyền con người được báo cáo trong Công bố thông tin 2-23 Các cam kết chính sách trong *GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021*.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
GRI 103: Năng lượng 2025	Công bố thông tin 103-1 Chính sách và cam kết về năng lượng	12.1.12
	Công bố thông tin 103-2 Việc tiêu thụ và tự sản xuất năng lượng trong tổ chức	12.1.13
	Công bố thông tin 103-3 Mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn	12.1.14
	Công bố thông tin 103-4 Cường độ năng lượng	12.1.15

Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành

Phân bổ đầu tư CapEx: Báo cáo tỷ lệ phần trăm chi phí vốn (CapEx) được phân bổ cho các khoản đầu tư vào: • hoạt động tìm kiếm, thăm dò, mua lại và phát triển các trữ lượng mới; • năng lượng từ các nguồn tái tạo (theo từng loại nguồn năng lượng tái tạo); • các công nghệ loại bỏ CO_2 khỏi khí quyển và các giải pháp dựa vào thiên nhiên nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu; • các sáng kiến nghiên cứu và phát triển khác có thể giải quyết các rủi ro về biến đổi khí hậu của tổ chức.	12.1.16

Các tài liệu tham khảo

GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao, các tài liệu tham khảo khác và nguồn tài liệu hữu ích liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về biến đổi khí hậu, được liệt kê trong Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi

Khi kết thúc thời gian khai thác thương mại, các tổ chức được kỳ vọng sẽ đóng cửa tài sản và cơ sở vật chất, đồng thời cải tạo các địa điểm hoạt động. Các tác động có thể xảy ra trong và sau khi đóng cửa. Chủ đề này đề cập đến phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với việc đóng cửa và phục hồi, bao gồm cách tổ chức xem xét các tác động đến môi trường, cộng đồng địa phương và người lao động.

Sau khi đóng cửa các mỏ than đá, tác động có thể xảy ra đối với môi trường bao gồm ô nhiễm đất và nước, thay đổi địa hình, xáo trộn đa dạng sinh học và động vật hoang dã. Việc đóng cửa cũng có thể dẫn đến những hậu quả lâu dài về kinh tế xã hội đối với cộng đồng địa phương (xem thêm chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương). Việc chuẩn bị và thực hiện đóng cửa có trách nhiệm ngày càng trở nên quan trọng đối với ngành khai khoáng do nhu cầu giảm phát thải khí nhà kính (KNK) và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp (xem chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu). Sự cấp bách này sẽ dẫn đến việc đóng cửa các hoạt động liên quan đến than đá thường xuyên hơn và sớm hơn.

Tác động từ việc đóng cửa có thể khác nhau giữa khai thác mỏ lộ thiên và mỏ ngầm. Ví dụ: khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi sử dụng đất nhiều hơn và cải tạo đáng kể hơn, trong khi các mỏ ngầm bị bỏ hoang có thể phát thải khí mêtan từ mỏ than đá ngay cả sau khi hoạt động khai thác đã ngừng, góp phần liên tục vào phát thải KNK (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu).

Việc đóng cửa thường đòi hỏi phải lập kế hoạch ngay từ giai đoạn đầu của vòng đời dự án để dự đoán các tác động có thể xảy ra, bao gồm cả tác động đến cộng đồng địa phương và sinh kế của họ. Các hoạt động đóng cửa và phục hồi có thể bao gồm:

- ổn định các công trình khai thác mỏ lộ thiên hoặc mỏ ngầm, chẳng hạn như lấp đất để ngăn ngừa sụt lún;
- loại bỏ hoặc chuyển đổi cơ sở hạ tầng để đảm bảo an toàn cho người dân;
- cải tạo các bãi chứa đá thải và các cơ sở xử lý quặng đuôi để kiểm soát xói mòn và thoái hóa đất;
- quản lý các vấn đề về chất thải, chất lượng nước bề mặt và các nước ngầm do nước thải từ mỏ bỏ hoang, đá thải và sự rò rỉ từ quặng đuôi (xem thêm các chủ đề 12.6 Chất thải và 12.7 Nước và nước thải); và
- giám sát môi trường và kinh tế xã hội sau khi đóng cửa.

Sau khi hoàn thành, việc đóng cửa và phục hồi các địa điểm hoạt động cần tạo ra một hệ sinh thái ổn định và bền vững, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất sau khi đóng cửa, trong đó có tính đến nhu cầu của các bên liên quan ở địa phương. Việc không đóng cửa tài sản và không cải tạo các địa điểm một cách hiệu quả có thể dẫn đến không thể sử dụng đất cho các mục đích sản xuất khác, đồng thời có thể gây ra các nguy cơ về sức khỏe và an toàn do ô nhiễm hoặc do sự hiện diện của các vật liệu nguy hiểm.

Các tác động từ việc đóng cửa có thể trở nên trầm trọng hơn nếu không có thông báo đầy đủ hoặc thiếu kế hoạch đầy đủ cho việc phục hồi kinh tế, bảo trợ xã hội và chuyển đổi lao động. Nếu không có các bên chịu trách nhiệm được chỉ định rõ ràng hoặc nguồn kinh phí được phân bổ, các cơ sở than đá đã đóng cửa có thể để lại những vấn đề môi trường và gánh nặng tài chính cho các cộng đồng và chính phủ.

Tuy nhiên, giai đoạn đóng cửa và phục hồi cũng có thể mang lại thêm cơ hội việc làm. Điều này có thể dẫn đến việc có thêm người lao động đến địa phương trong một thời gian dài, có khả năng làm trầm trọng thêm các áp lực môi trường khác. Sau khi giai đoạn này hoàn tất, người lao động có thể bị sa thải và các cộng đồng địa phương phải đối mặt với sự suy thoái kinh tế và bất ổn xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những cộng đồng phụ thuộc vào ngành khai khoáng để có việc làm, thu nhập, thuế và các khoản thanh toán khác, sự phát triển cộng đồng và các lợi ích khác.

Cần có sự hợp tác giữa chính quyền địa phương và quốc gia, các tổ chức thuộc ngành khai khoáng, người lao động và công đoàn để giảm thiểu tác động tiêu cực và đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng, hỗ trợ tạo ra việc làm bền vững, hòa nhập xã hội và cơ hội kinh tế trong khi chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp [101]. Ví dụ về những hành động mà các tổ chức có thể thực hiện: đưa ra chế độ nghỉ hưu sớm, đào tạo lại kỹ năng, chương trình chuyển giao người lao động và chương trình hỗ trợ di dời.

Báo cáo về đóng cửa và phục hồi

Nếu tổ chức xác định đóng cửa và phục hồi là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp tương tác với cộng đồng địa phương và các bên liên quan phù hợp khác về việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch đóng cửa và sau khi đóng cửa mỏ, bao gồm cả việc sử dụng đất sau khi khai khoáng.	12.3.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016	Công bố thông tin 402-1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp tiếp cận trong việc tương tác với người lao động trước khi thực hiện những thay đổi hoạt động đáng kể.	12.3.2
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các kế hoạch chuyển đổi lao động hiện có để giúp người lao động quản lý quá trình chuyển đổi sang giai đoạn hoạt động sau khi đóng cửa (ví dụ: bố trí lại công việc, hỗ trợ tái tuyển dụng, tái định cư và các khoản trợ cấp thôi việc).	12.3.3
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Đóng cửa và phục hồi các địa điểm: Liệt kê các địa điểm hoạt động: • đã có kế hoạch đóng cửa và phục hồi; • đã đóng cửa; • đang trong quá trình đóng cửa.		12.3.4
Khoản dự phòng tài chính cho việc đóng cửa và phục hồi: Báo cáo tổng giá trị tiền tệ của các khoản dự phòng tài chính do tổ chức trích lập cho việc đóng cửa và phục hồi, bao gồm giám sát và chăm sóc sau khi đóng cửa về môi trường và kinh tế xã hội đối với các địa điểm hoạt động, cung cấp phần phân tích chi tiết tổng này theo từng dự án.		12.3.5
Chuyển đổi sau khi khai khoáng: Trình bày các khoản dự phòng phi tài chính do tổ chức trích lập để quản lý quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương sang nền kinh tế bền vững sau khi khai khoáng, bao gồm các nỗ lực hợp tác, các dự án và chương trình.		12.3.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016 và *GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016* *liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.*

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về việc đóng cửa và phục hồi, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.4 Khí thải

Khí thải bao gồm các chất gây ô nhiễm có tác động tiêu cực đến chất lượng không khí và hệ sinh thái, bao gồm cả sức khỏe con người và động vật. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ việc phát thải sulfur oxit (SO_x), nitơ oxit (NO_x), bụi mịn (PM), hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), cacbon monoxit (CO) và kim loại nặng như chì, thủy ngân và cadimi.

Ngoài phát thải khí nhà kính (KNK) , than đá còn là một nguồn phát thải đáng kể các khí thải do hoạt động của con người tạo ra được phân loại là chất gây ô nhiễm. Trên toàn cầu, ô nhiễm không khí gây ra các vấn đề sức khỏe cấp tính và hàng triệu ca tử vong mỗi năm do góp phần gây ra các bệnh về tim và phổi, đột quỵ, nhiễm trùng đường hô hấp và tổn thương thần kinh [114]. Khí thải gây ảnh hưởng nặng nề đến trẻ em, người cao tuổi và người nghèo, bao gồm cả cộng đồng địa phương sinh sống gần các địa điểm hoạt động. Ô nhiễm không khí cũng gây ra gánh nặng kinh tế cho các cộng đồng và chính phủ do những vấn đề như tỷ lệ tử vong sớm, chi phí chăm sóc sức khỏe tăng cao, mất năng suất lao động và giảm sản lượng cây trồng [109].

Khí thải từ các hoạt động liên quan đến than đá bao gồm CO, NO_x, PM và SO_2. Các khí thải này có thể xuất hiện dưới dạng bốc hơi từ các hồ chứa quặng đuôi hoặc khu vực chất thải; phát thải bụi ngoài ý muốn từ hoạt động khoan, nổ mìn, lưu trữ, vận chuyển, bốc dỡ; các hoạt động tinh chế và xử lý; vận chuyển vật tư và sản phẩm; và các sự cố, chẳng hạn như cháy mỏ.

Ngoài ảnh hưởng đến sức khỏe, tình trạng phát thải các chất gây ô nhiễm cũng có tác động đến hệ sinh thái. Ví dụ: khí thải nitơ và thủy ngân xâm nhập vào đại dương hoặc đường nước có thể gây tác động tiêu cực đến sinh vật biển. NO x cũng là nguyên nhân chính gây ra ô-zôn tầng mặt đất, thường được gọi là khói mù. Sulfur oxit có thể gây ra mưa axit và làm tăng độ axit hóa đại dương. Mưa axit và ô-zôn tầng mặt đất có thể gây ra các tác động tiêu cực như thoái hóa nước và đất, làm suy giảm khả năng hoạt động và sinh trưởng của hệ thực vật và động vật. Một số chất gây ô nhiễm không khí, bao gồm mêtan, cacbon đen và ô-zôn, cũng là các chất gây ô nhiễm khí hậu tồn tại trong thời gian ngắn góp phần gây ra biến đổi khí hậu (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu).

Asen, cadimi, chì, thủy ngân, selen và các kim loại nặng khác cũng là những chất gây ô nhiễm liên quan đến việc sử dụng than đá. Các tạp chất và thành phần hóa học có trong than đá là nguyên nhân chính gây ra khí thải PM, SO_2 và thủy ngân hình thành khi đốt cháy, trong đó có thể giảm thiểu một số loại khí thải bằng cách rửa than [107]. Khí thải từ quá trình đốt than là do các tổ chức trong các ngành khác gây ra, chẳng hạn như ngành tiện ích và ngành thép, nhưng tác động tiêu cực của khí thải có liên quan trực tiếp đến các tổ chức khai thác than đá.

Báo cáo về khí thải

Nếu tổ chức xác định khí thải là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày hành động mà tổ chức thực hiện để ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với các cộng đồng địa phương và người lao động do bụi mịn (PM) phát ra từ bụi than. • Trình bày các hành động đã được thực hiện nhằm cải thiện chất lượng than đá để giảm lượng khí thải có hại trong giai đoạn sử dụng.	12.4.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 305: Phát thải 2016	Công bố thông tin 305-7 Nitơ oxit (NO_x), sulfur oxit (SO_x) và các khí thải đáng kể khác	12.4.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 305: Phát thải 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về khí thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học là sự khác biệt giữa các sinh vật sống. Trong đó bao gồm tính đa dạng trong nội bộ loài, giữa các loài và của hệ sinh thái. Đa dạng sinh học không chỉ có giá trị nội tại mà còn mang ý nghĩa thiết yếu đối với sức khỏe con người, an ninh lương thực, sự thịnh vượng về kinh tế, cũng như việc giảm thiểu biến đổi khí hậu và thích ứng với những tác động của hiện tượng này. Chủ đề này đề cập đến các tác động đối với đa dạng sinh học, bao gồm đa dạng nguồn gen, các loài động thực vật và hệ sinh thái.

Các hoạt động liên quan đến than đá thường đòi hỏi các dự án phát triển quy mô lớn, gây tác động đến đa dạng sinh học và các lợi ích của hệ sinh thái. Những tác động này có thể làm hạn chế tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận các tài nguyên thiên nhiên hoặc làm suy giảm chất lượng của những tài nguyên này. Tác động đến đa dạng sinh học và các lợi ích của hệ sinh thái cũng có thể ảnh hưởng đến phúc lợi và sinh kế của các cộng đồng địa phương và Người địa phương (xem thêm các chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương và 12.11 Quyền của Người địa phương).

Các tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và các quá trình của hệ sinh thái, dẫn đến những hệ quả như suy thoái hệ sinh thái, phân mảnh môi trường sống và gây chết ở động vật. Các hoạt động liên quan đến than đá có thể góp phần hình thành tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học thông qua biến đổi khí hậu; thay đổi mục đích sử dụng đất và biển, chẳng hạn như việc phá rừng để khai thác và xây dựng tuyến đường tiếp cận, dẫn đến xói mòn đất và lắng đọng trầm tích ở sông ngòi; khai thác tài nguyên thiên nhiên thông qua khai thác và tiêu thụ nước; sự du nhập của các loài ngoại lai xâm lấn; và ô nhiễm từ việc xả nước thải, hồ chứa quặng đuôi hoặc các đống đất đá thải (xem thêm chủ đề 12.6 Chất thải và 12.7 Nước và nước thải).

Các phương pháp khai khoáng khác nhau gây ra những tác động khác nhau đến đa dạng sinh học. Mỏ lộ thiên gây ra tác động nghiêm trọng hơn so với mỏ ngầm do việc đào sâu và mở rộng dần khu vực khai thác, làm tăng diện tích bị ảnh hưởng theo thời gian. Khai thác mỏ lộ thiên góp phần đáng kể dẫn đến nạn phá rừng, trong khi khai khoáng ngầm có thể gây ra những tác động tiêu cực, bao gồm sụt lún đất và ô nhiễm nước ngầm. Các tác động đến đa dạng sinh học có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi các hoạt động liên quan đến than đá diễn ra trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm về mặt sinh tháivà có thể lan rộng ra ngoài ranh giới địa lý và vòng đời của các địa điểm (xem thêm chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi).

Các hoạt động của ngành này cũng có thể góp phần gây ra các tác động tích lũy đối với đa dạng sinh học. Ví dụ: việc mở rộng các hoạt động liên quan đến than đá, cùng với việc xây dựng các tuyến đường tiếp cận mới, dẫn đến giải phóng mặt bằng, gây ra tình trạng phân mảnh môi trường sống và chuyển đổi hệ sinh thái. Điều này có thể làm tăng mức độ sử dụng khu vực đó hoặc thu hút các ngành khác hoạt động trong cùng khu vực, từ đó khiến các tác động càng trầm trọng thêm.

Việc thay đổi mục đích sử dụng đất để phục vụ khai thác mỏ lộ thiên có thể khiến các tác động do biến đổi khí hậu càng trầm trong hơn nếu dẫn đến việc loại bỏ các bể chứa cacbon. Ngược lại, có nhiều khả năng biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi sự phân bố, chức năng và tương tác của các loài, từ đó làm giảm khả năng thích ứng của hệ sinh thái. Các tác động có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi nhiệt độ tăng (xem thêm chủ đề 12.1: Biến đổi khí hậu).

Để giới hạn và quản lý các tác động đến đa dạng sinh học, các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có thể sử dụng công cụ phân cấp giảm thiểu để định hướng các hành động cân bằng hoặc lấn át được các tác động tiêu cực. Hệ thống phân cấp giảm thiểu tuân theo trình tự tránh, giảm thiểu, phục hồi và cải tạo, và bù đắp. Ưu tiên thực hiện các biện pháp nhằm tránh những tác động tiêu cực, cũng như giảm thiểu những tác động đó khi không thể tránh được. Nên thực hiện các biện pháp khôi phục và phục hồi khi không thể tránh hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực. Các biện pháp bù đắp có thể được áp dụng để khắc phục những tác động tiêu cực còn lại sau khi đã áp dụng tất cả các biện pháp khác [121].

Báo cáo về đa dạng sinh học

Nếu tổ chức xác định đa dạng sinh học là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.5.1
GRI 101: Đa dạng sinh học 2024	Công bố thông tin 101-1 Các chính sách ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo xem các chính sách hoặc cam kết của tổ chức về việc ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học có áp dụng cho các hoạt động trong tương lai và cho các hoạt động bên ngoài những khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái hay không.	12.5.2
	Công bố thông tin 101-2 Quản lý tác động đến đa dạng sinh học	12.5.3
	Công bố thông tin 101-4 Xác định tác động đến đa dạng sinh học	12.5.4
	Công bố thông tin 101-5 Các địa điểm có tác động đến đa dạng sinh học	12.5.5
	Công bố thông tin 101-6 Tác nhân trực tiếp gây mất đa dạng sinh học	12.5.6
	Công bố thông tin 101-7 Thay đổi đối với tình trạng đa dạng sinh học	12.5.7
	Công bố thông tin 101-8 Lợi ích của hệ sinh thái	12.5.8

Các tài liệu tham khảo

GRI 101: Đa dạng sinh học 2024 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao, các tài liệu tham khảo bổ sung và nguồn tài liệu liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về đa dạng sinh học, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.6 Chất thải

Chất thải đề cập đến bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ. Nếu không được quản lý đúng cách, chất thải có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người, thậm chí có thể vượt ra ngoài phạm vi nơi chất thải được tạo ra và loại bỏ. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ chất thải, bao gồm cả chất thải từ các hoạt động xây dựng và cải tạo.

Các hoạt động liên quan đến than đá thường tạo ra khối lượng lớn chất thải, , bao gồm chất thải nguy hại . Các dòng chất thải lớn nhất bắt nguồn từ quá trình khai thác hoặc xử lý than đá và bao gồm đất đá thải, chất thải đá và quặng đuôi. Các dòng chất thải này cũng có thể chứa các chất có độc hoặc chất gây hại, bao gồm cả kim loại nặng. Các chất này có thể gây ô nhiễm nước bề mặt , nước ngầm , nước biển , thực phẩm và có tác động tiêu cực đến các loài thực vật và động vật cũng như sức khỏe con người. Ngoài ra còn có thể có các tác động như mất năng suất và xói mòn đất. Mức độ nghiêm trọng của các tác động có thể phụ thuộc vào cách tiếp cận của tổ chức đối với việc quản lý chất thải, quy định và tính sẵn có của các cơ sở thu hồi và thải bỏ gần khu vực diễn ra các hoạt động liên quan đến than đá.

Đất đá thải từ hoạt động khai thác mỏ lộ thiên thường được lưu trữ trên khu đất liền kề cho đến khi có thể lấp đầy hố sau khi hoàn tất khai thác. Các lựa chọn thải bỏ bị hạn chế đối với một số kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, chẳng hạn như san bằng đỉnh núi, vì không thể đổ đất đá thải trở lại hố. Trong những trường hợp này, phương pháp thải bỏ bao gồm lấp đầy thung lũng liền kề, dẫn đến các tác động như lấp các dòng nước và tích tụ các chất độc hại làm tổn hại hệ sinh thái và con người (xem thêm chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học và 12.7 Nước và nước thải).

Một chất thải còn lại phát sinh từ quá trình xử lý than đá là bùn thải quặng than đá thường được đổ vào hồ chứa, được lọc, lưu trữ thành đống hoặc thải bỏ trong các hầm ngầm. Các cơ sở lưu trữ quặng đuôi trên bề mặt được bao quanh bởi đập quặng đuôi có thể chiếm những khu vực rộng lớn. Quặng đuôi không chứa chất có hại có thể được rút ra khỏi cơ sở, sau đó được định hình lại, phủ đất lên và trồng cây. Tuy nhiên, quặng đuôi gây ra nguy cơ sức khỏe cho cộng đồng địa phương khi chứa kim loại nặng, xyanua, chất xử lý hóa học, sunfua hoặc chất rắn lơ lửng gây ô nhiễm môi trường, bao gồm cả nước ngầm và nước bề mặt (xem thêm các chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương và 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng).

Đá thải và quặng đuôi thô thường được chất thành đống để quản lý hoặc thải bỏ trong các bãi đá thải nhân tạo hoặc các mỏ lộ thiên cũ. Các tác động khác đến môi trường của các bãi đá thải bao gồm bụi có thể bị gió hoặc nước mưa cuốn đi, ảnh hưởng đến chất lượng không khí, dòng nước hoặc đất đai.

Bản chất và số lượng chất thải phát sinh thường đòi hỏi công tác quản lý ngoài giai đoạn sản xuất của hoạt động khai khoáng. Khi kết thúc một dự án thăm dò hoặc khai thác than đá, việc đóng cửa có thể tạo ra lượng chất thải đáng kể với những tác động lâu dài đến môi trường và kinh tế xã hội (xem thêm chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi). Các loại chất thải điển hình khác từ hoạt động khai thác than đá bao gồm dầu và hóa chất thải, chất xúc tác đã qua sử dụng, dung môi, các chất thải công nghiệp khác, chất thải bao bì và chất thải xây dựng.

Báo cáo về chất thải

Nếu tổ chức xác định chất thải là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.6.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 306: Chất thải 2020	Công bố thông tin 306-1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	12.6.2
	Công bố thông tin 306-2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	12.6.3
	Công bố thông tin 306-3 Chất thải phát sinh *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Khi báo cáo thành phần chất thải phát sinh, hãy bao gồm phần phân tích chi tiết các dòng chất thải sau đây, nếu có: • đất đá thải; • đá thải; • quặng đuôi.	12.6.4
	Công bố thông tin 306-4 Chất thải được loại trừ khỏi quá trình thải bỏ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Khi báo cáo thành phần chất thải được loại trừ khỏi quá trình thải bỏ, hãy bao gồm phần phân tích chi tiết các dòng chất thải sau đây, nếu có: • đất đá thải; • đá thải; • quặng đuôi.	12.6.5
	Công bố thông tin 306-5 Chất thải được đưa đi thải bỏ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Khi báo cáo thành phần chất thải được được chỉ định thải bỏ, hãy bao gồm phần phân tích chi tiết các dòng chất thải sau đây, nếu có: • đất đá thải; • đá thải; • quặng đuôi.	12.6.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 306: Chất thải 2020 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về chất thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.7 Nước và nước thải

Được công nhận là một quyền con người, khả năng tiếp cận nước sạch có ý nghĩa thiết yếu đối với cuộc sống và sức khỏe của con người. Lượng nước mà một tổ chức khai thác và tiêu thụ cũng như chất lượng nước thải của tổ chức đó có thể gây ra những tác động đến hệ sinh thái và con người. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến việc khai thác và tiêu thụ nước cũng như chất lượng nước thải.

Các hoạt động liên quan đến than đá có thể làm giảm lượng nước sẵn có cho các cộng đồng địa phương và các ngành khác phụ thuộc vào nước. Các hoạt động này có thể có tác động đến chất lượng nước bề mặt , nước ngầm và các nước biển , điều này có thể dẫn đến những tác động lâu dài đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học, gây ra các vấn đề về sức khỏe và phát triển đối với con người, làm suy giảm an ninh lương thực.

Nước được sử dụng trong các hoạt động liên quan đến than đá để làm mát và cắt; giảm bụi trong quá trình khai thác và chuyên chở; rửa để cải thiện chất lượng than; phục hồi thảm thực vật ở các mỏ lộ thiên; và vận chuyển bùn than trên quãng đường dài. Lượng nước cần thiết cho các hoạt động phụ thuộc vào việc khai thác diễn ra trên mặt đất hay dưới lòng đất và vào hiệu quả hoạt động. Lượng nước khai thác cũng thay đổi tùy thuộc vào khả năng thay thế việc sử dụng nước ngọt của tổ chức, chất lượng nước được yêu cầu, đặc điểm của hồ chứa và cơ sở hạ tầng tái chế .

Tác động của tổ chức trong ngành khai khoáng đến nguồn nước cũng phụ thuộc vào lượng tài nguyên nước của địa phương. Một phần lớn tài nguyên than đá của thế giới được tìm thấy ở những khu vực khô hạn hoặc chịu căng thẳng về nước. Ở những khu vực như vậy, các hoạt động của ngành này có nhiều khả năng làm tăng sự cạnh tranh về nước. Điều này có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng giữa các ngành hoặc các cộng đồng địa phương, cũng như trong nội bộ từng ngành hoặc từng cộng đồng địa phương. Hạn hán, lũ lụt và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt khác do biến đổi khí hậu có thể sẽ đặt ra những thách thức thường xuyên hơn đối với tình trạng sẵn có và chất lượng nước trong tương lai.

Tác động của hoạt động liên quan đến than đá đến chất lượng nước có thể là do rò rỉ từ quặng đuôi, sự cố của các cơ sở xử lý quặng đuôi và nước thải axit từ mỏ chứa nước có tính axit và kim loại nặng. Một số phương pháp khai thác có thể liên quan đến việc phá rừng và thay đổi mục đích sử dụng đất đáng kể, dẫn đến xói mòn và dòng chảy trầm tích (xem thêm chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học), cùng với sự thay đổi dòng nước có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước và môi trường sống dưới nước cũng như trên cạn. Hoạt động khai thác dưới lòng đất cũng có thể làm gián đoạn hoặc gây ô nhiễm các tầng chứa nước ngầm.

Tai nạn khi vận chuyển và sự cố tràn than đá có liên quan có thể khiến đường nước và các vùng đất ngập nước nhiễm các chất có hại, chẳng hạn như asen, chì, thủy ngân và các hợp chất lưu huỳnh (xem thêm chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng).

Báo cáo về nước và nước thải

Nếu tổ chức xác định nước và nước thải là một chủ đề trọng yếu , tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.7.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 303: Nước và Nước thải 2018	Công bố thông tin 303-1 Sử dụng và tác động đến nước như một tài nguyên chung *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các hành động được thực hiện để ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực do nước thải axit từ mỏ.	12.7.2
	Công bố thông tin 303-2 Quản lý các tác động liên quan đến lượng nước xả thải	12.7.3
	Công bố thông tin 303-3 Lượng nước khai thác	12.7.4
	Công bố thông tin 303-4 Lượng nước xả thải	12.7.5
	Công bố thông tin 303-5 Lượng nước tiêu thụ	12.7.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 303: Nước và Nước thải 2018 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về nước và nước thải, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế

Tác động của một tổ chức đối với nền kinh tế đề cập đến cách giá trị mà tổ chức đó tạo ra ảnh hưởng đến các hệ thống kinh tế. Ví dụ, do các thông lệ mua sắm và sử dụng lao động của tổ chức. Các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ do tổ chức hỗ trợ cũng có thể tác động đến phúc lợi và sự phát triển lâu dài của cộng đồng. Chủ đề này đề cập đến các tác động kinh tế ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Các hoạt động liên quan đến than đá có thể là một nguồn đầu tư và thu nhập quan trọng đối với cộng đồng địa phương , quốc gia và khu vực. Các tác động có thể khác nhau tùy thuộc vào quy mô hoạt động, sự thúc đẩy của hoạt động kinh tế khác và hiệu quả quản lý nguồn thu từ than đá của chính quyền địa phương. Ở một số quốc gia giàu tài nguyên, các khoản đầu tư vào phát triển tài nguyên than đá và nguồn thu từ khai khoáng đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm quốc nội. Tuy nhiên, việc quản lý kém những nguồn thu này có thể gây tổn hại đến hiệu quả kinh tế và dẫn đến tình trạng bất ổn cũng như mất cân bằng ở cấp độ kinh tế vĩ mô (xem thêm chủ đề 12.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ). Các nền kinh tế phụ thuộc vào than đá cũng có thể dễ bị tổn thương trước những biến động về giá cả và sản lượng hàng hóa.

Ngành khai khoáng có thể đóng góp tích cực bằng cách cung cấp nguồn thu từ việc nộp thuế và phí sử dụng tài nguyên, thông qua hoạt động mua sắm tại địa phương và tạo việc làm tại địa phương. Việc mua sắm hàng hóa và dịch vụ tại địa phương có thể hỗ trợ phát triển nhà cung cấp và có tác động kinh tế đáng kể. Việc tạo việc làm tại địa phương có thể dẫn đến tăng sức mua trong cộng đồng và từ đó thúc đẩy các doanh nghiệp địa phương. Các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có thể tạo ra thêm lợi ích bằng cách đầu tư vào cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như các công ty điện lực giúp cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng, hoặc các dịch vụ công cộng.

Mức độ hưởng lợi của các cộng đồng địa phương từ sự hiện diện của các hoạt động liên quan đến than đá phụ thuộc vào trình độ phát triển và mức độ công nghiệp hóa hiện tại của cộng đồng, khả năng của cộng đồng trong việc cung ứng người lao động có trình độ cho các cơ hội việc làm mới, cũng như cam kết của các tổ chức trong ngành khai khoáng đối với việc đào tạo người lao động địa phương. Tác động ròng về việc làm cũng phụ thuộc vào ảnh hưởng của việc tuyển dụng trong ngành khai khoáng đến các việc làm hiện có trong các ngành khác như thế nào, cũng như các thực tiễn về việc làm của các tổ chức thuộc ngành khai khoáng (xem thêm chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm). Ví dụ: hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về có thể giảm bớt các áp lực liên quan đến làn sóng người lao động đổ về các cộng đồng nhỏ, đồng thời vẫn đảm bảo cung ứng lực lượng lao động cần thiết. Tuy nhiên, hình thức này làm giảm cơ hội việc làm dành cho cộng đồng địa phương, qua đó làm giảm những lợi ích kinh tế tiềm năng.

Việc triển khai các hoạt động liên quan đến than đá có thể gây ra những tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương, chẳng hạn như bất bình đẳng kinh tế, trong đó các nhóm dễ bị tổn thương thường chịu ảnh hưởng nặng nề hơn (xem thêm các chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương và 12.11 Quyền của Người địa phương). Làn sóng người lao động từ bên ngoài đổ về có thể làm tăng áp lực lên nhà ở, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công. Các cộng đồng địa phương cũng có thể phải đối phó với chi phí phát sinh do tác động đến môi trường liên quan đến ô nhiễm hoặc không cải tạo thích hợp sau khi đóng cửa (xem thêm chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi).

Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp tiếp tục làm giảm hoạt động trong ngành khai khoáng, khiến các cộng đồng và quốc gia phụ thuộc vào ngành này để tạo nguồn thu hoặc việc làm trở nên dễ bị tổn thương trước sự suy thoái kinh tế kéo theo (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu). Để đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng, cần có sự hợp tác giữa chính quyền địa phương và quốc gia với các tổ chức trong ngành khai khoáng để hỗ trợ tạo việc làm bền vững, hòa nhập xã hội và cơ hội kinh tế.

Báo cáo tác động về kinh tế

Nếu tổ chức xác định tác động về kinh tế là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các chương trình phát triển cộng đồng hiện có nhằm tăng cường các tác động tích cực đến cộng đồng địa phương, bao gồm phương pháp tiếp cận trong việc tạo cơ hội việc làm, mua sắm và đào tạo.	12.8.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016	Công bố thông tin 201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân phối (EVG&D) theo từng dự án.	12.8.2
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016	Công bố thông tin 202-2 Tỷ lệ quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	12.8.3
GRI 203: Tác động Kinh tế Gián tiếp 2016	Công bố thông tin 203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	12.8.4
	Công bố thông tin 203-2 Tác động về kinh tế gián tiếp đáng kể	12.8.5
GRI 204: Thông lệ Mua sắm 2016	Công bố thông tin 204-1 Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	12.8.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016 và *GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về tác động kinh tế, được liệt kê trong phần Tài liệu Tham khảo

Chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương

Cộng đồng địa phương bao gồm những cá nhân sinh sống hoặc làm việc tại các khu vực bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức. Tổ chức được kỳ vọng sẽ tiến hành các hoạt động gắn kết cộng đồng để hiểu rõ những điểm yếu và ưu tiên của cộng đồng địa phương, cũng như ảnh hưởng từ hoạt động của tổ chức đối với họ. Chủ đề này bao gồm các tác động về kinh tế xã hội, văn hóa, sức khỏe và quyền con người đối với cộng đồng địa phương.

Các tổ chức trong ngành khai khoáng có thể có tác động tích cực đến các cộng đồng địa phương thông qua việc tạo việc làm và hoạt động mua sắm tại địa phương, thuế hoặc các khoản thanh toán khác cho chính quyền địa phương, các chương trình phát triển cộng đồng và các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ công (xem thêm chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế, chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm và các chủ đề 12.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ).

Các hoạt động của ngành khai khoáng cũng có thể dẫn đến những tác động tiêu cực đối với cộng đồng địa phương. Các tác động tiêu cực có thể phát sinh từ, chẳng hạn như, nhu cầu sử dụng đất cho các hoạt động của ngành, làn sóng người lao động đổ về tìm kiếm việc làm và cơ hội kinh tế, suy thoái môi trường, phơi nhiễm với các chất nguy hiểm và việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Các hoạt động liên quan đến than đá cũng có thể gây ra xung đột nếu những tác động tiêu cực từ các hoạt động này không được giải quyết, hoặc làm trầm trọng thêm các xung đột vốn đã tồn tại (xem thêm chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh). Các nhóm dễ bị tổn thương , bao gồm phụ nữ và Người địa phương , có thể phải chịu ảnh hưởng nặng nề từ những tác động này.

Việc sử dụng đất của ngành này có thể cạnh tranh với các nhu cầu sử dụng đất khác, chẳng hạn như cho hoạt động canh tác, đánh bắt thủy sản hoặc giải trí. Ngoài ra, việc này có thể làm xáo trộn các sinh kế truyền thống và làm tăng nguy cơ nghèo hóa. Cuối cùng, điều đó có thể dẫn đến việc di dời, gây ra thêm nhiều tác động như hạn chế tiếp cận các dịch vụ thiết yếu và quyền con người (xem thêm chủ đề 12.10 Các quyền đối với đất đai và tài nguyên). Các hoạt động của ngành này cũng có thể gây tổn hại đến các địa điểm di sản văn hóa, tiềm ẩn nguy cơ mai một truyền thống, văn hóa hoặc bản sắc văn hóa, đặc biệt là đối với Người địa phương (xem thêm chủ đề 12.11 Quyền của Người địa phương).

Làn sóng người lao động đến từ các khu vực lân cận hoặc việc áp dụng các hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về trong các giai đoạn xây dựng, bảo trì, mở rộng, đóng cửa và phục hồi trong các hoạt động liên quan đến than đá có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng kinh tế nghiêm trọng hơn trong cộng đồng địa phương. Làn sóng người lao động đổ về ồ ạt có thể gây áp lực lên các dịch vụ và nguồn lực địa phương, dẫn đến lạm phát và làm xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới. Chi phí nhà ở tăng cao có thể làm gia tăng tình trạng vô gia cư, đặc biệt là ở các nhóm dễ bị tổn thương. Các hoạt động làm suy yếu trật tự xã hội cũng có thể gia tăng, chẳng hạn như lạm dụng chất gây nghiện, cờ bạc và mại dâm. Làn sóng lực lượng lao động đổ về chủ yếu là nam giới có thể làm thay đổi độ cân bằng giới tính của các cộng đồng địa phương. Điều này có thể có tác động đặc biệt đến phụ nữ, do có thể dẫn đến tình trạng gia tăng bạo lực tình dục và nạn buôn người. Các trường hợp được ghi nhận cũng cho thấy hành vi bạo hành gia đình và bạo lực dựa trên giới tính xảy ra tại các khu vực hoạt động và trong cộng đồng địa phương.

Các tác động tiêu cực khác từ hoạt động liên quan đến than đá đối với cộng đồng địa phương có thể là do ô nhiễm không khí, đất và nước; bụi; gia tăng lưu lượng giao thông, tiếng ồn và ánh sáng; và dòng chất thải. Các hoạt động cũng có thể gây ra các sự cố thảm khốc như nổ, cháy, sập hầm mỏ, sự cố tràn và sự cố tại các cơ sở xử lý quặng đuôi (xem thêm chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng).

Sự tham gia hiệu quả của cộng đồng địa phương với khả năng tiếp cận quá trình ra quyết định toàn diện, cơ chế khiếu nại hiệu quả và biện pháp khắc phục khác có thể giúp các tổ chức trong ngành khai khoáng ngăn chặn và giảm thiểu tác động từ các hoạt động của họ và tăng cường quyền sở hữu của cộng đồng. Nếu thiếu những yếu tố này, những mối quan ngại của cộng đồng có thể không được thấu hiểu hoặc giải quyết, từ đó có thể tạo ra các tác động tiêu cực hoặc làm trầm trọng thêm những vấn đề hiện hữu, chẳng hạn như bất bình đẳng giới. Việc thiết lập hoặc tham gia các cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại cũng như các quy trình khắc phục khác được thiết kế phù hợp với những nhu cầu cụ thể của các cộng đồng địa phương cũng có thể giúp các tổ chức giải quyết các tác động tiêu cực đã xảy ra hoặc có thể xảy ra.

Báo cáo về cộng đồng địa phương

Nếu tổ chức xác định cộng đồng địa phương là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp xác định các bên liên quan trong cộng đồng địa phương và cách tương tác với họ. • Liệt kê các nhóm dễ bị tổn thương mà tổ chức đã xác định trong các cộng đồng địa phương. • Liệt kê mọi quyền tập thể hoặc cá nhân mà tổ chức đã xác định là mối quan ngại đặc biệt đối với các cộng đồng địa phương.[3] • Trình bày phương pháp tương tác với các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: - cách thức nỗ lực đảm bảo tương tác hiệu quả; - cách thức nỗ lực đảm bảo việc tham gia an toàn và công bằng về giới tính.	12.9.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016	Công bố thông tin 413-1 Những cơ sở hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	12.9.2
	Công bố thông tin 413-2 Những cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực đáng kể đã xảy ra và có thể xảy ra tới cộng đồng địa phương	12.9.3
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Khiếu nại từ các cộng đồng địa phương: Báo cáo số lượng và loại khiếu nại được ghi nhận từ các cộng đồng địa phương, bao gồm: • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại đã được xử lý và giải quyết; • tỷ lệ phần trăm các khiếu nại được giải quyết thông qua các biện pháp khắc phục.		12.9.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về cộng đồng địa phương, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

3 Các khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào hướng dẫn về điều khoản 1.1 trong *GRI 413: Cộng đồng Địa phương 2016*.

Chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên

Quyền đối với đất đai và tài nguyên bao gồm quyền sử dụng, quản lý và kiểm soát đất đai, thủy sản, rừng và các tài nguyên thiên nhiên khác. Tác động của một tổ chức đến tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận các tài nguyên này có thể ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương và những đối tượng sử dụng khác. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ việc tổ chức sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên đối với quyền con người và quyền sử dụng đất, bao gồm cả các tác động từ việc tái định cư của các cộng đồng địa phương.

Hoạt động liên quan đến than đá đòi hỏi quyền tiếp cận đất đai để điều tra, thăm dò, khai thác, lưu trữ than và chất thải, xử lý, vận chuyển và phân phối. Điều này đôi khi có thể dẫn đến việc người sử dụng đất khác phải di dời, hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên và dịch vụ, và cũng như việc tái định cư không tự nguyện của các cộng đồng địa phương. Các tác động từ việc sử dụng đất sẽ khác nhau tùy thuộc vào phương pháp khai thác, vị trí tài nguyên, quy trình xử lý cần thiết và phương pháp vận chuyển. Ví dụ: việc di dời thường liên quan đến khai thác mỏ lộ thiên hơn là khi hoạt động diễn ra dưới lòng đất.

Các quy định không rõ ràng về quyền hưởng dụng đất đối với việc tiếp cận, sử dụng và kiểm soát đất đai thường dẫn đến tranh chấp, căng thẳng kinh tế và xã hội, cũng như xung đột. Việc tham vấn không đầy đủ với các cộng đồng bị ảnh hưởng và bồi thường không thỏa đáng cho họ cũng có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng và xung đột. Ví dụ: mối liên hệ giữa quyền đối với tài nguyên khoáng sản và quyền đối với đất đai có thể không rõ ràng; các quy định pháp luật chính thức về quyền hưởng dụng đất có thể chồng chéo hoặc mâu thuẫn với các quy tắc tập quán truyền thống; các quyền hợp pháp có thể không được công nhận hoặc thực thi; hoặc người dân có thể thiếu giấy tờ chính thức chứng minh quyền đối với đất đai của mình.

Việc các cộng đồng địa phương phải tái định cư không tự nguyện có thể bao gồm việc di dời vật chất (ví dụ: chuyển chỗ ở hoặc mất chỗ ở) và di dời về kinh tế (ví dụ: mất hoặc không thể tiếp cận tài sản), từ đó tác động đến sinh kế và quyền con người. Trong những trường hợp như vậy, các tổ chức trong ngành khai khoáng có thể cung cấp cho các cộng đồng địa phương khoản bồi thường bằng tiền hoặc đất đai có giá trị tương đương với các tài sản đã mất. Tuy nhiên, việc xác định giá trị quyền tiếp cận môi trường tự nhiên của các cộng đồng địa phương là một vấn đề phức tạp. Việc này bao gồm xem xét các hoạt động tạo thu nhập, sức khỏe con người và các khía cạnh phi vật chất trong chất lượng cuộc sống, chẳng hạn như tình trạng mất các cơ hội văn hóa hoặc giải trí. Do đó, mức bồi thường được cung cấp có thể không tương xứng với những tổn thất mà người dân phải gánh chịu. Trong một số trường hợp, những người có quyền sở hữu đất theo tập quán có thể hoàn toàn không được bồi thường hoặc chỉ được bồi thường cho cây trồng họ đang canh tác trên mảnh đất đó chứ không được bồi thường cho chính mảnh đất đó.

Các thành viên cộng đồng phản đối việc tái định cư cũng có thể phải đối mặt với các hành vi đe dọa và uy hiếp, cũng như buộc phải rời khỏi khu đất do bị ép buộc bằng bạo lực, đàn áp hoặc đe dọa đến tính mạng (xem thêm chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh).

Việc giải quyết các tác động đến quyền đối với đất đai và tài nguyên thường đòi hỏi hoạt động tương tác sâu rộng và hiệu quả giữa các tổ chức trong ngành khai khoáng và các cộng đồng địa phương, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương thường phải chịu ảnh hưởng nặng nề hơn. Trong trường hợp việc tham vấn cộng đồng không hiệu quả hoặc không đạt được sự đồng thuận tự nguyện, trước khi thực hiện và sau khi cung cấp thông tin, tác động đến các cộng đồng phải tái định cư hoặc các vấn đề hiện hữu trong cộng đồng có thể trở nên trầm trọng hơn do quy trình tái định cư không thỏa đáng hoặc thiếu minh bạch (xem thêm các chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương và 12.11 Quyền của Người địa phương). Cũng có khả năng việc tham vấn cộng đồng không bao gồm tất cả các thành viên bị ảnh hưởng. Ví dụ: phụ nữ thường bị loại trừ khỏi các quy trình ra quyết định liên quan đến việc phát triển một dự án mới.

Báo cáo về quyền đối với đất đai và tài nguyên

Nếu tổ chức xác định các quyền đối với đất đai và tài nguyên là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày phương pháp tương tác với các nhóm dễ bị tổn thương bị ảnh hưởng, bao gồm: - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo hoạt động tương tác hiệu quả; - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo việc tham gia an toàn và công bằng về giới tính. • Trình bày các chính sách hoặc cam kết về việc thực hiện biện pháp khắc phục cho các cộng đồng địa phương hoặc cá nhân ở địa phương phải tái định cư không tự nguyện, chẳng hạn như quy trình xác định mức bồi thường cho việc mất tài sản hoặc các hỗ trợ khác để cải thiện hoặc khôi phục mức sống hoặc sinh kế.	12.10.1
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Tái định cư không tự nguyện: Liệt kê các địa điểm nơi diễn ra các hoạt động gây ra hoặc góp phần dẫn đến tình trạng tái định cư không tự nguyện, hoặc nơi tình trạng tái định cư đó vẫn đang tiếp diễn. Đối với từng địa điểm, trình bày sinh kế và quyền con người của người dân bị ảnh hưởng và được khôi phục như thế nào.		12.10.2

Các tài liệu tham khảo

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về các quyền đối với đất đai và tài nguyên, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.11 Quyền của Người địa phương

Người địa phương đứng trước nguy cơ cao hơn phải chịu những tác động tiêu cực nghiêm trọng hơn do các hoạt động của tổ chức gây ra. Người địa phương có cả quyền tập thể và quyền cá nhân, theo nội dung nêu trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa và các văn kiện quốc tế có giá trị tham chiếu cao khác về quyền con người. Chủ đề này đề cập đến những tác động đối với quyền của Người địa phương.

Sự hiện diện của ngành khai khoáng ở gần các cộng đồng địa phương có thể mang lại những cơ hội và lợi ích kinh tế cho Người địa phương thông qua việc làm, chương trình đào tạo và các chương trình phát triển cộng đồng (xem thêm chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế). Tuy nhiên, sự hiện diện của ngành này cũng có thể làm xáo trộn các mối liên kết về văn hóa, tâm linh và kinh tế của Người địa phương với đất đai hoặc môi trường tự nhiên của họ, làm tổn hại đến quyền và phúc lợi của họ, đồng thời buộc họ phải di dời (xem thêm chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên). Điều này có thể gây thêm tác động đến tình trạng sẵn có và khả năng tiếp cận nguồn nước, vốn là mối quan ngại chính đối với nhiều cộng đồng địa phương.

Các quyền tập thể và cá nhân của Người địa phương được công nhận trong các văn kiện quốc tế có giá trị tham chiếu cao. Người địa phương cũng thường có địa vị pháp lý đặc biệt trong luật pháp quốc gia và có thể là chủ sở hữu theo tập quán hoặc theo pháp luật đối với những vùng đất mà các tổ chức trong ngành khai khoáng được chính phủ cấp quyền sử dụng. Trước khi triển khai hoạt động phát triển hoặc các hoạt động khác có thể tạo ra tác động đến đất đai hoặc tài nguyên do Người địa phương sử dụng hoặc sở hữu, các tổ chức phải được Người địa phương chấp thuận trước trên cơ sở tự nguyện và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC). Quyền này được công nhận trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người địa phương và cho phép Người địa phương đồng thuận hoặc từ chối đồng thuận với một dự án có thể ảnh hưởng đến họ hoặc lãnh thổ của họ và đàm phán các điều kiện của dự án [184]. Tuy nhiên, một số chính phủ quốc gia có thể không công nhận hoặc không thực thi quyền đối với đất đai bản địa hoặc quyền đồng ý của Người địa phương.

Các tổ chức trong ngành này và Người địa phương thường xuyên xảy ra tranh chấp và xung đột liên quan đến quyền sở hữu và quyền đối với đất đai. Các trường hợp được ghi nhận cho thấy không có các cuộc tham vấn thiện chí và tình trạng gây áp lực thái quá buộc Người địa phương phải chấp nhận các dự án. Trong một số trường hợp, việc phản đối những dự án đó còn dẫn đến bạo lực hoặc tử vong (xem thêm chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh).

Làn sóng người lao động đến từ các khu vực khác có thể dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử đối với Người địa phương liên quan đến tiếp cận việc làm và cơ hội. Tình trạng này có thể làm suy yếu hơn nữa mức gắn kết xã hội, phúc lợi và an toàn. Phụ nữ bản địa có thể dễ bị tổn hại trước các nguy cơ mại dâm, lao động cưỡng bức , bạo lực và các bệnh truyền nhiễm hơn so với nam giới bản địa (xem thêm chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương).

Những đóng góp của ngành khai khoáng vào biến đổi khí hậu cũng có thể làm trầm trọng thêm các tác động tiêu cực đối với Người địa phương, do mối quan hệ đặc biệt và trong một số trường hợp là sự phụ thuộc của họ vào môi trường tự nhiên (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu).

Báo cáo về quyền của Người địa phương

Nếu tổ chức xác định quyền của Người địa phương là một chủ đề trọng yếu , tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các chương trình phát triển cộng đồng nhằm tăng cường các tác động tích cực đến Người địa phương, bao gồm phương pháp tiếp cận trong việc tạo cơ hội việc làm, mua sắm và đào tạo. • Trình bày phương pháp tương tác với Người địa phương, bao gồm: - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo hoạt động tương tác hiệu quả; - cách tổ chức nỗ lực đảm bảo phụ nữ bản địa có thể tham gia một cách an toàn và công bằng.	12.11.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 411: Quyền của Người địa phương 2016	Công bố thông tin 411-1 Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày các vụ vi phạm đã xác định liên quan đến quyền của Người địa phương.	12.11.2
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Các địa điểm hoạt động có thể ảnh hưởng đến Người địa phương: Liệt kê các địa điểm hoạt động nơi Người địa phương hiện diện hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức.		12.11.3
Ý kiến chấp thuận trước khi thực hiện, trên cơ sở tự nguyện và được cung cấp đầy đủ thông tin: Báo cáo tổ chức có tham gia quy trình xin ý kiến đồng thuận tự nguyện, trước khi thực hiện và sau khi cung cấp thông tin (FPIC) từ Người địa phương đối với bất kỳ hoạt động nào của tổ chức hay không, bao gồm trong từng trường hợp: • liệu quy trình này đã được tổ chức và Người địa phương bị ảnh hưởng cùng chấp thuận hay chưa; • liệu đã đạt được thỏa thuận hay chưa, và nếu có, liệu thỏa thuận đó có được công khai hay không.		12.11.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 411: Quyền của Người địa phương 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quyền của Người địa phương, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh

Các hoạt động của tổ chức có thể gây ra xung đột hoặc, trong trường hợp đã tồn tại xung đột, có thể làm trầm trọng thêm xung đột đó. Việc sử dụng nhân viên an ninh để quản lý xung đột có thể đóng vai trò thiết yếu trong việc giúp tổ chức hoạt động an toàn và hiệu quả, nhưng cũng có khả năng tác động đến quyền con người của người dân. Chủ đề này đề cập đến các thông lệ an ninh của tổ chức và phương pháp hoạt động của tổ chức tại các khu vực có xung đột.

Nhiều tổ chức trong ngành khai khoáng hoạt động tại các địa điểm và trong các tình huống có xung đột, bao gồm ví dụ như các quốc gia có tình trạng chính trị và xã hội bất ổn. Nguy cơ quyền con người bị xâm phạm tăng cao ở các khu vực xung đột.[4]

Xung đột cũng có thể xảy ra do sự hiện diện của các hoạt động liên quan đến than đá. Xung đột có thể xảy ra do các tác động tiêu cực đến môi trường; sự tương tác không đầy đủ với các bên liên quan và Người địa phương trong các quy trình ra quyết định; sự phân bổ lợi ích kinh tế không đồng đều hoặc việc cung cấp các lợi ích được coi là không tương xứng với các tác động đã phát sinh; và các tranh chấp về việc sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên (xem thêm chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên). Việc quản lý kém nguồn quỹ có thể nhận thấy được gây thiệt hại đến lợi ích của địa phương cũng có thể dẫn đến xung đột (xem thêm chủ đề 12.20 Chống tham nhũng). Những xung đột như vậy có thể làm tăng nhu cầu sử dụng nhân viên an ninh, từ đó làm tăng nguy cơ xảy ra các hành vi vi phạm quyền con người.

Nhân viên an ninh do các tổ chức trong ngành khai khoáng thuê hoặc lực lượng công an do chính phủ nước sở tại chỉ đạo có thể có mặt để bảo vệ tài sản của tổ chức hoặc đảm bảo an toàn và an ninh cho người lao động . Các hành động do nhân viên an ninh thực hiện đối với các thành viên cộng đồng địa phương , bao gồm cả trong các hoạt động phản đối việc khai thác tài nguyên than đá hoặc để bảo vệ đất đai và tài nguyên của họ, có thể vi phạm quyền con người, chẳng hạn như quyền tự do hiệp hội và quyền tự do ngôn luận, đồng thời còn có thể dẫn đến bạo lực, chấn thương hoặc tử vong. Các nhà thầu cung cấp dịch vụ an ninh cũng có thể có liên hệ với các nhóm quân sự hoặc bán quân sự.

Khi các hoạt động liên quan đến than đá được chính phủ phê duyệt nhưng vẫn không được cộng đồng địa phương đồng thuận, sự hiện diện của lực lượng công an có thể làm gia tăng căng thẳng giữa cộng đồng, chính phủ và các tổ chức trong ngành. Điều này có thể làm trầm , trọng thêm tình trạng mất cân bằng quyền lực ở địa phương và tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến hành vi sử dụng vũ lực.

Trong trường hợp có sự hiện diện của lực lượng công an hoặc các lực lượng an ninh bên thứ ba khác, chẳng hạn như các lực lượng bán quân sự, các tổ chức trong ngành khai khoáng vẫn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm các thông lệ an ninh phù hợp với việc bảo vệ quyền con người. Trong đó bao gồm việc đánh giá các rủi ro liên quan đến an ninh, xác định những tình huống có khả năng phát sinh tác động đến quyền con người và phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ an ninh để bảo đảm quyền con người được tôn trọng.

Các tổ chức trong ngành khai khoáng cũng có thể đóng góp tổng thể hơn vào việc bảo đảm an toàn và an ninh cho các cộng đồng địa phương, ví dụ như thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa cộng đồng và lực lượng công an hoặc hỗ trợ các nỗ lực giải quyết những nguồn xung đột khác.

4 Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) định nghĩa các khu vực xung đột là những khu vực có sự hiện diện của xung đột vũ trang hoặc bạo lực lan rộng, hoặc các khu vực có nguy cơ cao xảy ra xung đột hoặc các hành vi lạm dụng nghiêm trọng và vi phạm quyền con người lan rộng [206].

Báo cáo về xung đột và an ninh

Nếu tổ chức xác định xung đột và an ninh là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Liệt kê các địa điểm hoạt động tại các khu vực có xung đột. • Trình bày phương pháp đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ an ninh công cộng và tư nhân đều tôn trọng quyền con người.	12.12.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 410: Thông lệ An ninh 2016	Công bố thông tin 410-1 Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	12.12.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 410: Thông lệ An ninh 2016 liệt kê các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về xung đột và an ninh, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng

Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng liên quan đến việc phòng ngừa và kiểm soát các sự cố có thể dẫn đến tử vong, chấn thương hoặc bệnh tật, tác động đến môi trường và thiệt hại cho cộng đồng địa phương và cơ sở hạ tầng. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ những sự cố như vậy và cách tổ chức quản lý những tác động đó.

Các sự cố nghiêm trọng trong ngành than đá có thể gây ra hậu quả thảm khốc đối với người lao động, cộng đồng địa phương, môi trường và gây thiệt hại cho tài sản của tổ chức. Ngoài tử vong và chấn thương, những sự cố này còn có thể gây ô nhiễm không khí, đất và nước. Những tác động này có khả năng làm xáo trộn các hoạt động kinh tế khác phụ thuộc vào các tài nguyên thiên nhiên này, chẳng hạn như làm nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, từ đó ảnh hưởng đến sinh kế cũng như làm giảm an toàn và an ninh lương thực. Các tác động khác bao gồm suy thoái hệ sinh thái, môi trường sống và gây chết ở động vật.

Các sự cố nghiêm trọng liên quan đến ngành than đá bao gồm sập hầm mỏ, rò rỉ khí độc, nổ bụi, sập hầm khai thác, sụt lún đất, hỏa hoạn, địa chấn do khai khoáng gây ra, lũ lụt, tai nạn xe cộ và lỗi cơ khí do thiết bị vận hành không đúng cách hoặc bị trục trặc (xem thêm chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp). Các vụ hỏa hoạn liên quan đến than đá có thể giải phóng tro bay và khói chứa các hóa chất độc xâm nhập vào chuỗi thức ăn. Hỏa hoạn và các sự kiện khác liên quan đến phát thải khí nhà kính (KNK), chẳng hạn như nổ bụi than, cũng góp phần gây ra biến đổi khí hậu (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu).

Các sự cố nghiêm trọng khác liên quan đến lỗi trong quản lý quặng đuôi. Quặng đuôi là chất thải còn lại được tạo ra từ quá trình xử lý than, thường ở dạng bùn. Công tác quản lý kém hoặc thiết kế không đạt chuẩn đối với các cơ sở xử lý quặng đuôi có thể dẫn đến rò rỉ hoặc sập, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cộng đồng địa phương, sinh kế, cơ sở hạ tầng và môi trường Lỗi có thể do quản lý nước không tốt, tràn nước, hư hỏng nền móng hoặc hệ thống thoát nước, xói mòn và động đất. Tác động trở nên nghiêm trọng hơn khi quặng đuôi chứa hàm lượng cao kim loại có sinh khả dụng hoặc hóa chất nguy hiểm.

Các sự cố liên quan đến sự cố tràn và rò rỉ than từ các hồ chứa bùn than và đường ống dẫn quặng đuôi cũng có thể gây ra thiệt hại đáng kể. Rủi ro sự cố nghiêm trọng có thể được xác định và dự đoán bằng cách thực hiện phương pháp quản lý kiểm soát quan trọng, giúp giải quyết các nguồn hoặc yếu tố có khả năng cao nhất sẽ dẫn đến các sự cố tiềm tàng. Các tổ chức có thể giảm thiểu tác động tiêu cực của mình thông qua các biện pháp đảm bảo chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó trong trường hợp khẩn cấp. Trong đó bao gồm việc giao tiếp hiệu quả với cộng đồng địa phương để hạn chế phơi nhiễm với ô nhiễm và các mối nguy khác trong trường hợp khẩn cấp (xem thêm chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương). Việc quản lý kiểm soát trọng yếu hiệu quả cũng có thể hạn chế tác động liên quan đến các hiện tượng thời tiết khắc nghệt, sẽ xảy ra thường xuyên hơn và nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Báo cáo về chủ đề tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng

Nếu tổ chức xác định tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo về việc tổ chức có tuân thủ Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi (GISTM) hay không và nếu có, hãy cung cấp liên kết đến thông tin mới nhất được công bố theo Nguyên tắc 15 của GISTM.	12.13.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016	Công bố thông tin 306-3 Sự cố tràn nghiêm trọng[5]	12.13.2
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Các sự cố nghiêm trọng: **Báo cáo số lượng sự cố nghiêm trọng trong kỳ báo cáo và trình bày tác động của các sự cố đó.**		12.13.3
Cơ sở xử lý quặng đuôi: • Liệt kê các cơ sở xử lý quặng đuôi của tổ chức và báo cáo tên, vị trí và tình trạng sở hữu. • Đối với mỗi cơ sở xử lý quặng đuôi: trình bày về cơ sở xử lý quặng đuôi; - báo cáo trạng thái đang hoạt động, ngừng hoạt động hoặc đã đóng cửa của cơ sở; - báo cáo Phân loại Hậu quả; - báo cáo ngày thực hiện và các phát hiện chính của đợt đánh giá rủi ro gần đây nhất; - báo cáo ngày thực hiện các đợt đánh giá kỹ thuật độc lập gần đây nhất và tiếp theo.[6] • Trình bày các hành động đã thực hiện để: - quản lý các tác động từ những cơ sở chứa quặng đuôi, bao gồm cả trong và sau khi đóng cửa; - phòng ngừa các sự cố thảm khốc tại các cơ sở chứa quặng đuôi.[7]		12.13.4

Các tài liệu tham khảo

GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

5 Nội dung liên quan đến nước thải trong *Tiêu chuẩn GRI GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016* đã được thay thế bởi *Tiêu chuẩn GRI 303: Nước và Nước thải 2018* và nội dung liên quan đến chất thải đã được thay thế bởi *GRI 306: Chất thải 2020*. Nội dung liên quan đến sự cố tràn đổ trong *GRI 306: Nước thải và Chất thải 2016* vẫn còn hiệu lực.
6 Để biết thêm hướng dẫn, hãy xem Nguyên tắc 15, Yêu cầu 15.1 trong Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi (GISTM) [222].
7 Có thể tìm định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong các công bố thông tin về quặng đuôi trong GISTM [222]

Chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Điều kiện làm việc lành mạnh và an toàn được công nhận là một quyền con người. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp liên quan đến việc ngăn chặn tổn hại về thể chất và tinh thần, cũng như nâng cao sức khỏe của người lao động. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến sức khỏe và an toàn của người lao động.

Mặc dù đã có những nỗ lực nhằm loại bỏ mối nguy liên quan đến công việc và cải thiện sức khỏe cũng như phúc lợi của người lao động nhưng các chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc , bao gồm cả tử vong, vẫn còn phổ biến trong ngành khai khoáng. Các hoạt động có thể xảy ra mối nguy bao gồm làm việc với máy móc hạng nặng và phơi nhiễm hoặc xử lý các chất dễ nổ, dễ cháy, có độc hoặc gây hại. Mối nguy cũng có thể liên quan đến việc làm việc trong không gian kín hoặc những địa điểm bị cô lập, giờ làm việc kéo dài và công việc lao động chân tay, thường xuyên lặp đi lặp lại. Các mối nguy sẽ khác nhau tùy thuộc vào phương pháp khai thác, người lao động làm việc trong khu mỏ ngầm thường phải đối mặt với nhiều rủi ro khác.

Các mối nguy liên quan đến hoạt động của ngành khai khoáng có khả năng dẫn đến các chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng. Sự cố vận chuyển, có thể xảy ra khi người lao động và thiết bị được đưa đến và rời khỏi các địa điểm khai thác, là một nguyên nhân phổ biến gây tử vong và chấn thương trong ngành này. Các mối nguy lớn khác bao gồm hỏa hoạn và nổ, bắt nguồn từ bụi than và khí dễ cháy trong quá trình khai thác, vận chuyển và xử lý than đá, cũng như các mối nguy về điện liên quan đến hệ thống cao áp được sử dụng trong các cơ sở hoặc thiết bị thăm dò và sản xuất (xem thêm chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng). Các công trình bị đổ, việc vận hành máy móc hạng nặng không đúng cách, hoặc các thiết bị điện, thủy lực hoặc cơ khí bị trục trặc có thể dẫn đến các sự cố được phân loại là “bị va phải”, “bị cuốn vào” hoặc “bị kẹp giữa”. Người lao động cũng có thể đối mặt với nguy cơ chấn thương do trượt, vấp và té ngã khi tiếp cận các sàn làm việc và thiết bị ở trên cao hoặc thông qua các lối đi ngầm.

Các mối nguy liên quan đến ngành khai khoáng có khả năng gây bệnh có thể có nguồn gốc sinh học, hóa học, công thái học hoặc vật lý. Các mối nguy về hóa học thường được báo cáo bao gồm bụi hô hấp, ví dụ như bụi được giải phóng trong các quy trình sử dụng hoặc sản xuất cát, có thể gây ra các bệnh về phổi như hen suyễn, ung thư và bệnh bụi phổi. Các hoạt động của ngành này còn bao gồm làm việc trong không gian hẹp, nơi có thể chứa nồng độ cao các loại khí như cacbon monoxit, mêtan và nitơ, có thể dẫn đến ngộ độc hoặc ngạt thở. Ngoài ra, việc tiếp xúc với khí hydro sunfua được giải phóng từ vỉa than có thể dẫn đến mất khả năng hoạt động hoặc tử vong. Các mối nguy về thể chất và công thái học trong ngành này bao gồm nhiệt độ khắc nghiệt, mức bức xạ có hại, cũng như mức tiếng ồn hoặc rung động máy móc gây hại, có thể dẫn đến suy giảm hoặc mất thính lực và các rối loạn cơ xương khớp. Các mối nguy về sinh học phổ biến trong ngành này bao gồm các bệnh truyền nhiễm hiện có trong cộng đồng địa phương hoặc các bệnh do vệ sinh kém và chất lượng thực phẩm hoặc nước kém.

Các mối nguy liên quan đến các thực tiễn về việc làm phổ biến (xem thêm chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm) trong ngành khai khoáng có thể làm tăng nguy cơ mệt mỏi, kiệt sức hoặc căng thẳng và có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất, tâm lý và xã hội. Những thực tiễn này bao gồm hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về, làm việc và sinh sống ở các địa điểm khác nhau, làm việc theo ca, ca làm việc kéo dài, thời gian di chuyển dài, sống tại nơi làm việc, thời gian nghỉ ngơi bị gián đoạn, giờ làm việc thất thường và làm việc đơn độc. Người lao động cũng có thể trải qua các phản ứng tâm lý, chẳng hạn như rối loạn căng thẳng sau sang chấn sau khi xảy ra một sự cố nghiêm trọng. Ngoài ra, nơi làm việc mất cân bằng giới tính có thể góp phần làm tăng căng thẳng, phân biệt đối xử hoặc quấy rối tình dục (xem thêm chủ đề 12.19 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng).

Ngành khai khoáng sử dụng rộng rãi nhà cung cấp , trong đó một số nhà cung cấp có thể thực hiện các hoạt động được coi là nguy hiểm nhất. Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp có thể không bảo vệ người lao động của nhà cung cấp theo cách tương tự như đối với nhân viên của tổ chức. Người lao động của các nhà cung cấp làm việc tại cơ sở của các tổ chức trong ngành này có thể lạ lẫm hơn với môi trường làm việc và các thực tiễn về an toàn và sức khỏe của tổ chức, hoặc ít bị ràng buộc với những thực tiễn đó. Những người lao động khác trong chuỗi cung ứng của tổ chức có thể phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe nghề nghiệp thấp hơn.

Báo cáo về các vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Nếu tổ chức xác định an toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.14.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2018	Công bố thông tin 403-1 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	12.14.2
	Công bố thông tin 403-2 Xác định mối nguy hiểm, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	12.14.3
	Công bố thông tin 403-3 Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	12.14.4
	Công bố thông tin 403-4 Việc người lao động tham gia, tham vấn và liên lạc về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	12.14.5
	Công bố thông tin 403-5 Chương trình đào tạo người lao động về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	12.14.6
	Công bố thông tin 403-6 Nâng cao sức khỏe của người lao động	12.14.7
	Công bố thông tin 403-7 Ngăn chặn và giảm thiểu tác động đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến các mối quan hệ kinh doanh	12.14.8
	Công bố thông tin 403-8 Người lao động thuộc phạm vi của hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	12.14.9
	Công bố thông tin 403-9 Chấn thương liên quan đến công việc	12.14.10
	Công bố thông tin 403-10 Bệnh tật liên quan đến công việc	12.14.11

Các tài liệu tham khảo

GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2018 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm

Các thực tiễn về việc làm đề cập đến cách tiếp cận của một tổ chức đối với hoạt động tạo việc làm, điều khoản lao động và điều kiện làm việc dành cho người lao động của mình. Chủ đề này cũng đề cập đến việc làm và điều kiện làm việc trong chuỗi cung ứng của tổ chức.

Ngành khai khoáng tạo ra cơ hội việc làm trên toàn bộ chuỗi giá trị. Điều này có thể có tác động tích cực về mặt kinh tế xã hội cho cộng đồng, quốc gia và khu vực. Ngành này có thể mang lại những cơ hội việc làm được trả lương cao cho người lao động có tay nghề, tuy nhiên, các thực tiễn về việc làm cũng liên quan đến những tác động tiêu cực. Ví dụ bao gồm điều kiện làm việc và tình trạng chênh lệch về điều kiện làm việc đối với người lao động theo hợp đồng, việc tham vấn kém hiệu quả giữa người lao động và cấp quản lý, cũng như tình trạng thiếu ổn định việc làm.

Nhiều công việc trong ngành khai khoáng có chế độ làm việc theo ca phức tạp, bao gồm các ca kéo dài và ca đêm, để đảm bảo hoạt động liên tục suốt ngày đêm. Điều này có thể gây ra tình trạng mệt mỏi nghiêm trọng và làm tăng nguy cơ liên quan đến sức khỏe và an toàn (xem thêm chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp). Các tổ chức trong ngành khai khoáng cũng có thể sử dụng hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về, theo đó người lao động được đưa đến các địa điểm hoạt động bằng máy bay trong vài tuần liền và thường phải làm việc theo ca kéo dài. Ca làm việc và lịch làm việc thất thường và thời gian xa gia đình có thể ảnh hưởng hơn nữa đến sức khỏe thể chất, tâm lý và/hoặc xã hội của người lao động.

Nhiều hoạt động trong ngành khai khoáng được thuê ngoài từ các nhà cung cấp . Điều này thường xảy ra trong các giai đoạn cao điểm, chẳng hạn như trong quá trình xây dựng hoặc bảo trì, hoặc đối với các hoạt động cụ thể như dịch vụ ăn uống, khoan, an ninh và vận chuyển. Việc thuê ngoài các hoạt động và sử dụng người lao động được tuyển dụng bởi các nhà cung cấp có thể cho phép các tổ chức trong ngành khai khoáng giảm chi phí lao động hoặc tránh các thỏa ước tập thể được áp dụng dành cho nhân viên (xem thêm chủ đề 12.18 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể).

So với nhân viên của tổ chức, người lao động do các nhà cung cấp tuyển dụng thường có điều kiện làm việc kém thuận lợi hơn, mức thù lao thấp hơn, ít được đào tạo hơn, tỷ lệ tai nạn cao hơn và mức an ninh việc làm thấp hơn. Họ thường thiếu các biện pháp bảo vệ về xã hội và khả năng tiếp cận các cơ chế khiếu nại. Người lao động ở các cấp mối quan hệ kinh doanh trực tiếp trong chuỗi cung ứng của tổ chức cũng có thể làm việc trong các điều kiện làm việc tiêu chuẩn thấp, qua đó khiến các tổ chức trong ngành khai khoáng đối mặt với nguy cơ vi phạm quyền con người thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Điều khoản lao động có thể khác nhau giữa người lao động địa phương, người lao động di cư và nhà thầu. Thù lao dành cho các nhóm người lao động này có thể không đồng đều và phúc lợi, chẳng hạn như tiền thưởng, trợ cấp nhà ở và các chương trình bảo hiểm tư nhân, có thể chỉ được áp dụng cho nhân viên nước ngoài. Việc thiếu các kỹ năng, kiến thức phù hợp hoặc các chương trình đào tạo dễ tiếp cận cũng có thể hạn chế khả năng của cộng đồng địa phương trong việc tiếp cận các cơ hội việc làm do ngành khai khoáng tạo ra (xem thêm chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế).

An ninh việc làm cũng là một mối quan ngại trong ngành khai khoáng. Việc đóng cửa mỏ hoặc giá than giảm có thể xảy ra đột ngột, dẫn đến mất việc làm và gia tăng áp lực lên những người lao động còn lại. Tình trạng thiếu an ninh việc làm càng trở nên trầm trọng hơn do tự động hóa và sự thay đổi mô hình kinh doanh, chẳng hạn như những thay đổi do quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu). Các tổ chức trong ngành có thể hỗ trợ người lao động bằng cách lập kế hoạch chuyển đổi công bằng, bao gồm việc thực hiện các biện pháp kịp thời nhằm phát triển kỹ năng và nâng cao khả năng có việc làm của họ trong các ngành khác.

Báo cáo về các thực tiễn việc làm

Nếu tổ chức xác định các thực tiễn việc làm là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành than đá xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.15.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 401: Việc làm 2016	Công bố thông tin 401-1 Nhân viên thuê mới và tỷ lệ nhân viên thôi việc	12.15.2
	Công bố thông tin 401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	12.15.3
	Công bố thông tin 401-3 Nghỉ thai sản	12.15.4
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016	Công bố thông tin 402-1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	12.15.5
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	12.15.6
	Công bố thông tin 404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	12.15.7
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	12.15.8
	Công bố thông tin 414-2 Các tác động tiêu cực về xã hội trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã thực hiện	12.15.9

Các tài liệu tham khảo

GRI 401: Việc làm 2016, GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016 , GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, và *GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về thực tiễn về việc làm, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.16 Lao động trẻ em

Lao động trẻ em được định nghĩa là công việc tước đoạt tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em, và làm tổn hại đến sự phát triển của trẻ, bao gồm cả cản trở việc học tập của trẻ. Đây là việc làm vi phạm quyền con người và có thể dẫn đến những tác động tiêu cực kéo dài suốt đời. Xóa bỏ lao động trẻ em là một nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động.

Ước tính có khoảng một triệu trẻ em từ năm đến 17 tuổi tham gia vào các hoạt động khai khoáng và khai thác đá thủ công quy mô nhỏ, và việc sử dụng lao động trẻ em trong khai thác than đá đã được ghi nhận ở một số quốc gia [244] [249]. Nguy cơ sử dụng lao động trẻ em trong ngành khai khoáng cao hơn khi công việc diễn ra trên cơ sở không chính thức hoặc ở vùng sâu vùng xa.

Các hoạt động khai thác than đá tiềm ẩn nguy hiểm đối với trẻ em theo nhiều khía cạnh. Trẻ em phải đối mặt với nhiều mối nguy trong các mỏ than, chẳng hạn như đá rơi, nổ, hỏa hoạn và sập tường mỏ, dẫn đến tai nạn và chấn thương nghiêm trọng (xem thêm chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp). Các tác động khác có thể phát sinh do làm việc ở vùng sâu vùng xa, khả năng tiếp cận trường học và dịch vụ xã hội bị hạn chế. Trong trường hợp thiếu sự hỗ trợ của gia đình hoặc cộng đồng, các điều kiện cũng có thể dẫn đến hành vi lạm dụng rượu, ma túy và mại dâm.

Các tổ chức thuộc ngành khai khoáng tương tác với rất nhiều nhà cung cấp , bao gồm cả ở các quốc gia ít thực thi quyền con người. Các tổ chức thuộc ngành khai khoáng có thể liên quan đến các trường hợp sử dụng lao động trẻ em do mối quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp, ví dụ như trong quá trình xây dựng địa điểm hoạt động. Tình trạng lao động trẻ em phổ biến hơn ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang (xem thêm chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh).

Tác động của ngành khai khoáng đối với cộng đồng địa phương và thực tiễn về việc làm của các tổ chức có thể ảnh hưởng đến quyền và phúc lợi của trẻ em, ví dụ như điều kiện làm việc của cha mẹ, bao gồm giờ làm việc thất thường, làm việc theo ca và hình thức làm việc luân phiên bay đi-bay về (xem thêm chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm).

Báo cáo về lao động trẻ em

Nếu tổ chức xác định lao động trẻ em là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.16.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 408: Lao động trẻ em 2016	Công bố thông tin 408-1 Các cơ sở hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	12.16.2
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	12.16.3

Các tài liệu tham khảo

GRI 408: Lao động Trẻ em 2016 và *GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về lao động trẻ em, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.17 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại

Lao động cưỡng bức được định nghĩa là bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào mà một người bị ép buộc phải làm do bị đe dọa bởi bất kỳ hình phạt nào và người đó không tự nguyện làm việc đó. Quyền không bị cưỡng bức lao động là một quyền con người và là một quyền cơ bản trong lao động. Chủ đề này đề cập đến cách tổ chức xác định và giải quyết trường hợp lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại.

Than đá là một sản phẩm có nguy cơ bị khai thác bằng cách sử dụng lao động cưỡng bức hoặc chế độ nô lệ thời hiện đại ở nhiều quốc gia [252] [259]. Ngoài ra, các tổ chức trong ngành khai khoáng có thể liên quan đến các hoạt động vi phạm quyền con người và các trường hợp bóc lột khác thông qua tương tác với nhà cung cấp , trong đó bao gồm cả những nhà cung cấp hoạt động tại các quốc gia ít thực thi quyền con người. Các tổ chức trong ngành khai khoáng cũng có thể liên quan đến các trường hợp lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại do các liên doanh và mối quan hệ kinh doanh khác của họ, bao gồm cả các mối quan hệ với doanh nghiệp nhà nước ở những quốc gia nơi các hành vi vi phạm quyền con người quốc tế đã được ghi nhận. Việc thực hiện thẩm định trong các chuỗi cung ứng lớn và phức tạp phổ biến trong ngành này cũng có thể gây khó khăn trong việc phát hiện và giải quyết các trường hợp lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại.

Có những trường hợp vi phạm quyền con người được ghi nhận trong toàn bộ chuỗi cung ứng liên quan đến các hoạt động như vận chuyển than đá và xây dựng. Người lao động di cư có thể đối mặt với nguy cơ cao hơn gặp phải chế độ nô lệ thời hiện đại khi làm việc với các công ty môi giới việc làm bên thứ ba, chẳng hạn như những công ty bị phát hiện thu phí quá mức từ người lao động cho thị thực và vé máy bay hoặc yêu cầu người lao động thay vì người sử dụng lao động trả chi phí tuyển dụng.

Trong khuôn khổ nỗ lực toàn cầu, một số chính phủ đã ban hành luật yêu cầu báo cáo công khai về việc giải quyết các thực tiễn truyền thống và mới xuất hiện về lao động cưỡng bức, bao gồm cả chế độ nô lệ thời hiện đại. Luật này áp dụng cho nhiều tổ chức trong ngành khai khoáng.

Báo cáo về lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ hiện đại

Nếu tổ chức xác định lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.17.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 409: Lao động Cưỡng bức hoặc Bắt buộc 2016	Công bố thông tin 409-1 Các cơ sở hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	12.17.2
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016	Công bố thông tin 414-1 Các nhà cung cấp mới đã được sàng lọc theo các tiêu chí về xã hội	12.17.3

Các tài liệu tham khảo

GRI 409: Lao động Cưỡng bức hoặc Bắt buộc 2016 và *GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về Xã hội 2016* *liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.*

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.18 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là quyền con người và quyền cơ bản trong lao động. Các quyền này bao gồm quyền của người sử dụng lao động và người lao động được thành lập, tham gia và điều hành các tổ chức của riêng mình mà không cần ý kiến cho phép trước hoặc không bị can thiệp và được cùng nhau thương lượng các điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Chủ đề này đề cập đến cách tiếp cận và tác động của một tổ chức liên quan đến quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể.

Quyền của người lao động được tổ chức và thực hiện hành động tập thể là yếu tố then chốt để hỗ trợ và cải thiện điều kiện làm việc trong ngành khai khoáng, bao gồm cả điều kiện liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, tiền lương và an ninh việc làm. Những quyền này cũng có thể tạo điều kiện cho tranh luận công khai về công tác quản trị và thực tiễn trong ngành, tăng cường hợp tác hướng tới một quá trình chuyển đổi công bằng, cũng như góp phần giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng xã hội.

Nhiều công việc liên quan đến ngành khai khoáng theo truyền thống được các công đoàn đại diện và được bảo vệ bởi các thỏa ước thương lượng tập thể . Tuy nhiên, một số nguồn tài nguyên than đá lại nằm ở các quốc gia nơi các quyền này bị hạn chế. Người lao động ở những địa điểm như vậy phải đối mặt với rủi ro khi muốn gia nhập công đoàn và tham gia thương lượng tập thể. Ngay cả ở những quốc gia nơi pháp luật cho phép công đoàn hoạt động vẫn có thể tồn tại những hạn chế ngăn cản họ đại diện hiệu quả cho người lao động, và người lao động gia nhập công đoàn có thể phải đối mặt với tình trạng bị đe dọa hoặc đối xử bất công.

Các trường hợp can thiệp vào quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể đã được ghi nhận trong ngành này bao gồm việc giam giữ các nhà quản lý và nhân viên khác, xâm phạm quyền riêng tư, không tuân thủ các thỏa ước tập thể và ngăn cản công đoàn tiếp cận nơi làm việc để hỗ trợ người lao động. Các trường hợp khác được ghi nhận bao gồm từ chối thương lượng thiện chí với các công đoàn do người lao động lựa chọn; các hành vi đe dọa, quấy rối, cưỡng bức mất tích, bạo lực và tử vong; sa thải các thành viên và lãnh đạo công đoàn một cách bất công; đơn phương hủy bỏ các thỏa ước lao động tập thể.

Được sử dụng rộng rãi trong ngành khai khoáng, những người lao động theo hợp đồng thường bị loại trừ khỏi phạm vi của các thỏa ước lao động tập thể. Do đó, người lao động theo hợp đồng thường có điều kiện làm việc kém thuận lợi hơn, thù lao và phúc lợi thấp hơn so với nhân viên chính thức (xem thêm chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm).

Ô 2. Quyền tự do hiệp hội và không gian dân sự

Quyền tự do hiệp hội và quyền hội họp ôn hòa là các quyền con người. Những quyền này trao cho người lao động, thông qua công đoàn của họ, và cho công dân, thông qua tổ chức xã hội dân sự độc lập, quyền tự do lên tiếng về các chính sách của ngành khai khoáng và các thực tiễn của các tổ chức mà không bị can thiệp.

Không gian dân sự là môi trường cho phép tổ chức xã hội dân sự đóng góp ý kiến vào các quyết định ảnh hưởng đến đời sống của cá nhân. Những hạn chế được áp đặt lên không gian này có thể hạn chế khả năng tham gia tranh luận công khai của công dân về các chính sách của ngành và các thực tiễn của tổ chức.

Báo cáo về quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Nếu tổ chức xác định quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.18.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 407: Quyền tự do hiệp hội và Thương lượng tập thể 2016	Công bố thông tin 407-1 Các cơ sở hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	12.18.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 407: Quyền tự do Hiệp hội và Thương lượng Tập thể 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.19 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Không bị phân biệt đối xử là một quyền con người và là một quyền cơ bản trong lao động. Phân biệt đối xử có thể gây ra những gánh nặng bất công đối với cá nhân hoặc từ chối cơ hội công bằng dựa trên năng lực cá nhân. Chủ đề này đề cập đến các tác động từ hành vi phân biệt đối xử và các thông lệ liên quan đến đa dạng, hòa nhập và cơ hội bình đẳng.

Các điều kiện, địa điểm, kỹ năng cần thiết và loại hình công việc gắn liền với ngành khai khoáng có thể là rào cản gia nhập ngành, cản trở sự đa dạng của đội ngũ nhân viên và dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử. Các thực tiễn phân biệt đối xử có thể cản trở việc tiếp cận việc làm và phát triển sự nghiệp, đồng thời dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong đối xử, thù lao và các lợi ích.

Các trường hợp phân biệt đối xử được ghi nhận trong ngành khai khoáng liên quan đến chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia và tình trạng người lao động . Ví dụ: những người tìm việc từ các cộng đồng địa phương có thể bị loại khỏi quá trình tuyển dụng do định kiến của hệ thống tuyển dụng ưu tiên một nhóm dân tộc chiếm ưu thế hoặc sử dụng người lao động di cư. Người lao động địa phương có thể nhận được mức lương thấp hơn đáng kể so với người lao động nước ngoài khi làm công việc tương đương. Việc ngành này sử dụng rộng rãi người lao động theo hợp đồng, thường với các điều khoản làm việc khác biệt, thù lao và phúc lợi thấp hơn so với nhân viên chính thức, cũng có thể dẫn đến phân biệt đối xử (xem thêm chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm).

Một đặc trưng của ngành khai khoáng là tình trạng mất cân bằng giới tính đáng kể. Tại nhiều quốc gia, tỷ lệ phụ nữ làm việc trong ngành này thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ phụ nữ làm việc nói chung trên toàn quốc. Phụ nữ cũng chiếm tỷ lệ rất thấp ở các vị trí quản lý cấp cao. Một nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất cân bằng này có thể là do có ít phụ nữ tốt nghiệp các ngành học liên quan đến ngành này, chẳng hạn như khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Các rào cản khác đối với phụ nữ và người chăm sóc chính bao gồm hình thức làm việc luân phiên bay đến-bay về, thời gian làm việc kéo dài, hạn chế về chế độ nghỉ thai sản và các cơ sở trông trẻ tại các khu khai khoáng. Các phong tục tập quán, tín ngưỡng và định kiến xã hội hoặc văn hóa cũng có thể hạn chế khả năng tiếp cận việc làm của phụ nữ trong ngành này hoặc ngăn cản họ đảm nhận một số vai trò cụ thể. Ngoài ra, một số quốc gia giàu tài nguyên còn có luật cấm phụ nữ làm việc trong các ngành nghề nguy hiểm hoặc nặng nhọc.

Ngành khai khoáng cũng liên quan đến bạo hành gia đình và bạo lực dựa trên giới tính, ở các địa điểm hoạt động cũng như trong các cộng đồng địa phương sống gần khu vực hoạt động của tổ chức. Văn hóa trọng nam khinh nữ, tình trạng phân bổ giới tính không cân bằng và các chuẩn mực tổ chức dựa trên giới tính đã được xác định là những yếu tố góp phần làm tăng khả năng xảy ra hành vi quấy rối tình dục (xem thêm chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp).

Khi hiểu về việc các nhóm cụ thể có thể bị phân biệt đối xử như thế nào ở các địa điểm khác nhau nơi các tổ chức thuộc ngành khai khoáng hoạt động, các tổ chức có thể giải quyết một cách hiệu quả các hành vi phân biệt đối xử. Các biện pháp khác, chẳng hạn như tổ chức chương trình đào tạo chuyên biệt cho người lao động về phòng chống phân biệt đối xử, có thể giúp giải quyết các tác động liên quan đến phân biệt đối xử và tạo dựng một môi trường làm việc tôn trọng.

Báo cáo về không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Nếu tổ chức xác định không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.19.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016	Công bố thông tin 202-1 Tỷ lệ của mức lương khởi điểm tiêu chuẩn theo giới tính so với mức lương tối thiểu vùng	12.19.2
	Công bố thông tin 202-2 Tỷ lệ quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	12.19.3
GRI 401: Việc làm 2016	Công bố thông tin 401-3 Nghỉ thai sản	12.19.4
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016	Công bố thông tin 404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	12.19.5
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng 2016	Công bố thông tin 405-1 Sự đa dạng của cơ quan quản lý và nhân viên	12.19.6
	Công bố thông tin 405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao	12.19.7
GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016	Công bố thông tin 406-1 Các vụ việc phân biệt đối xử và các biện pháp khắc phục đã thực hiện	12.19.8

Các tài liệu tham khảo

GRI 202: Sự hiện diện trên Thị trường 2016, , GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016, và GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Chủ đề 12.21 Chống tham nhũng

Chống tham nhũng đề cập đến cách tổ chức quản lý nguy cơ liên quan đến tham nhũng. Tham nhũng là các hành vi chẳng hạn như hối lộ, thanh toán bôi trơn, gian lận, tống tiền, thông đồng, rửa tiền, hoặc đề nghị cung cấp hoặc nhận hối lộ để làm điều gì đó không trung thực hoặc bất hợp pháp. Chủ đề này đề cập đến các tác động liên quan đến tham nhũng và cách tiếp cận của tổ chức đối với tính minh bạch trong hợp đồng và quyền sở hữu.

Tham nhũng trong ngành khai khoáng có thể xảy ra trên toàn bộ chuỗi giá trị và có mối liên hệ với nhiều tác động tiêu cực, chẳng hạn như phân bổ sai nguồn thu từ tài nguyên, gây tổn hại đến môi trường, lạm dụng dân chủ và quyền con người , cũng như gây bất ổn chính trị. Ngoài ra, tham nhũng có thể chuyển các nguồn thu từ tài nguyên sang cho các bên hưởng lợi tư nhân, gây thiệt hại cho các yếu tố như khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng hoặc các dịch vụ. Điều này có thể đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia có mức nghèo đói cao, nơi tham nhũng có thể làm gia tăng bất bình đẳng và xung đột về tài nguyên than đá. Khả năng tham nhũng có thể cao hơn ở các khu vực xung đột, nơi áp lực gia tăng đối với nguồn cung tài nguyên và tình trạng bất ổn có thể bị lợi dụng. Tham nhũng có thể thúc đẩy xung đột và dẫn đến bất ổn (xem thêm chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh).

Các đặc điểm của ngành khai khoáng góp phần làm tăng nguy cơ tham nhũng bao gồm sự tương tác thường xuyên giữa các tổ chức trong ngành khai khoáng và những người có ảnh hưởng chính trị[8], chẳng hạn như quan chức chính phủ để xin giấy phép và các phê duyệt khác theo quy định. Các đặc điểm có liên quan khác của ngành này còn bao gồm các giao dịch tài chính phức tạp và phạm vi hoạt động quốc tế của ngành.

Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) phải đối mặt với những thách thức đặc thù liên quan đến tham nhũng, do hệ thống kiểm soát nội bộ của họ có thể kém hiệu quả hơn và chỉ chịu sự giám sát độc lập một phần. Bên cạnh mục tiêu tạo ra lợi nhuận, các DNNN cũng có thể theo đuổi các mục tiêu bao quát hơn, chẳng hạn như phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, nếu không giám sát đầy đủ, các biện pháp nhằm phát triển cộng đồng có thể bị lạm dụng cho các mục đích tham nhũng. Các tổ chức trong ngành khai khoáng hợp tác với các DNNN trong liên doanh có thể phải đối mặt với những rủi ro khác liên quan đến tham nhũng do mối quan hệ kinh doanh này.

Tham nhũng có thể xảy ra trong quá trình đấu thầu giấy phép thăm dò và khai thác, ví dụ như nhằm mục đích thu thập thông tin mật, tác động đến việc ra quyết định hoặc tránh các yêu cầu về môi trường hoặc nội dung của địa phương. Điều này có thể dẫn đến việc cấp phép cho các tổ chức kém năng lực hơn, gây nguy hiểm cho các khoản đầu tư công hoặc gây ra tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương . Các thủ tục cấp phép thiếu minh bạch cũng có thể cản trở khả năng giám sát của công chúng đối với các khoản đầu tư và giao dịch có thể dẫn đến giảm nguồn thu công.

Các hành vi tham nhũng cũng có thể nhằm mục đích cản trở hoặc định hình các chính sách và quy định hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách và quy định đó. Điều này có thể bao gồm các quy định về quyền đối với đất đai và tài nguyên, thuế và các khoản phí khác của chính phủ, hoặc bảo vệ môi trường.

Việc thiếu minh bạch trong các thủ tục mua sắm trong ngành khai khoáng cũng có thể tạo ra nguy cơ tham nhũng và gian lận. Ví dụ về điều này có thể bao gồm việc hối lộ để được miễn trừ các quy định hoặc yêu cầu về chất lượng, nhận tiền lại quả vì đảm bảo ký các hợp đồng với mức giá bị thổi phồng, hoặc trục lợi từ mức giá bị thổi phồng do một thực thể bình phong áp dụng, và ưu tiên cho các công ty có quan hệ với các cơ quan quản lý địa phương.

Để chống tham nhũng và ngăn chặn những tác động tiêu cực phát sinh từ đó, các tổ chức trong ngành khai khoáng được thị trường, các chuẩn mực quốc tế và các bên liên quan kỳ vọng sẽ chứng minh sự tuân thủ tính liêm chính, công tác quản trị và các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm.

Ô 3.Tính minh bạch về hợp đồng và cơ cấu sở hữu

Việc công bố các hợp đồng của chính phủ đang trở thành một thông lệ ngày càng phổ biến. Thông lệ này được các tổ chức như Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ủng hộ.

Các hợp đồng điều chỉnh việc khai thác tài nguyên than đá thường được thu xếp giữa các tổ chức trong ngành

8 Người có ảnh hưởng chính trị được Lực Lượng Đặc Nhiệm Hành Động Tài Chính (FATF) định nghĩa là “người đang hoặc đã từng giữ một chức vụ công quan trọng” [269].].

và chính phủ xây dựng thay mặt cho người dân hoặc các cộng đồng địa phương, nhưng không có sự giám sát của công chúng. Các điều khoản công bằng về việc chia sẻ rủi ro và phân bổ lợi ích, bao gồm cả những điều khoản liên quan đến quá trình chuyển đổi công bằng, là đặc biệt quan trọng do tính chất dài hạn và tác động trên diện rộng của các dự án. Tính minh bạch trong hợp đồng giúp các cộng đồng địa phương yêu cầu chính phủ và các tổ chức chịu trách nhiệm giải trình về các điều khoản và nghĩa vụ của họ như đã đàm phán. Điều này cũng làm giảm tình trạng bất cân xứng thông tin giữa chính phủ và các tổ chức than đá, qua đó góp phần tạo ra sân chơi bình đẳng hơn trong quá trình đàm phán.

Việc thiếu minh bạch về cơ cấu sở hữu có thể gây khó khăn trong việc xác định người hưởng lợi từ các giao dịch tài chính. Tính minh bạch về quyền sở hữu hưởng lợi đã được xác định là một cơ hội quan trọng để ngăn chặn các xung đột lợi ích, tham nhũng, tránh thuế và trốn thuế.

Xem các tài liệu tham khảo [268] và [276] trong phần Tài liệu tham khảo.

Báo cáo về chống tham nhũng

Nếu tổ chức xác định chống tham nhũng là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành than đá xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày cách quản lý các tác động có khả năng xảy ra của hành vi tham nhũng hoặc các nguy cơ tham nhũng trong thực tiễn mua sắm và trên toàn bộ chuỗi cung ứng của tổ chức	12.20.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 205: Chống tham nhũng 2016	Công bố thông tin 205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	12.20.2
	Công bố thông tin 205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	12.20.3
	Công bố thông tin 205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp đã thực hiện	12.20.4
Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành		
Tính minh bạch trong hợp đồng: Trình bày cách tiếp cận đối với tính minh bạch trong hợp đồng, bao gồm: • việc các hợp đồng và giấy phép có được công khai hay không, và nếu có thì được công bố ở đâu; • nếu các hợp đồng hoặc giấy phép không được công khai, nêu rõ lý do và các biện pháp được thực hiện để công khai trong tương lai.[9]		12.20.5
Quyền sở hữu hưởng lợi: Liệt kê các chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức và giải thích cách tổ chức xác định các chủ sở hữu hưởng lợi của các đối tác kinh doanh, bao gồm các liên doanh và nhà cung cấp.[10]		12.20.6

Các tài liệu tham khảo

GRI 205: Chống tham nhũng 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong việc xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo về chủ đề chống tham nhũng của ngành than đá được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

9 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa trên *Yêu cầu 2.4. Hợp đồng theo Tiêu chuẩn EITI 2019*. Có thể tìm các định nghĩa về hợp đồng và giấy phép trong Tiêu chuẩn EITI 2019 [278].

10 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa trên *Yêu cầu 2.5. Quyền sở hữu hưởng lợi mục c., d., và f. trong Tiêu chuẩn EITI 2019* [278].

Chủ đề 11.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ

Việc thiếu minh bạch về các khoản phải nộp cho chính phủ có thể góp phần dẫn đến quản lý kém hiệu quả ngân sách công, các dòng tài chính bất hợp pháp và tham nhũng. Chủ đề này đề cập đến tác động từ các thông lệ của tổ chức liên quan đến các khoản phải nộp cho chính phủ và cách tiếp cận của tổ chức đối với tính minh bạch của các khoản phải nộp đó.

Các tổ chức trong ngành khai khoáng thực hiện rất nhiều giao dịch tài chính phức tạp và có nhiều khoản phải nộp cho chính phủ. Các khoản này bao gồm doanh thu từ giao dịch hàng hóa, phí cấp phép thăm dò và khai thác, thuế và phí sử dụng tài nguyên, cũng như tiền thưởng ký kết hợp đồng, tiền thưởng phát hiện và tiền thưởng khai thác.

Tính minh bạch trong các khoản phải nộp cho chính phủ có thể giúp làm rõ tầm quan trọng về kinh tế của ngành khai khoáng đối với các quốc gia, tạo điều kiện cho tranh luận công khai và cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định của chính phủ. Tính minh bạch cũng có thể cung cấp thông tin chi tiết về các điều khoản hợp đồng, tăng cường trách nhiệm giải trình của chính phủ, cũng như củng cố công tác thu và quản lý nguồn thu. Mặt khác, tình trạng thiếu minh bạch trong các khoản thanh toán này có thể cản trở việc phát hiện sự phân bổ sai nguồn thu và tham nhũng (xem thêm chủ đề 12.20 Chống tham nhũng).

Thuế, phí sử dụng tài nguyên và các khoản thanh toán khác từ các tổ chức trong ngành khai khoáng là nguồn đầu tư và nguồn thu quan trọng đối với các cộng đồng địa phương , quốc gia và khu vực (xem thêm chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế). Tuy nhiên, các thực tiễn thuế quyết liệt hoặc hành vi không tuân thủ nghĩa vụ thuế có thể dẫn đến giảm nguồn thu thuế ở các quốc gia nơi các tổ chức trong ngành khai khoáng hoạt động. Điều này có thể đặc biệt gây tổn hại đến các quốc gia đang phát triển, nơi có thể thiếu hụt hoặc có nhu cầu cao đối với nguồn thu công.

Ngành này nhận được trợ cấp đáng kể từ chính phủ ở nhiều quốc gia, bất chấp cam kết loại bỏ dần hỗ trợ tài chính cho đến năm 2018[11]. Trợ cấp quá mức cho ngành này có thể dẫn đến giá cả hàng hóa không phản ánh tổng chi phí môi trường hoặc xã hội của than đá, và cản trở quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu).

Khi công bố thông tin về các khoản phải nộp cho chính phủ, các tổ chức trong ngành khai khoáng thường báo cáo những khoản thanh toán này ở dạng tổng hợp, ở cấp độ tổ chức. Tuy nhiên, cách làm này chỉ cung cấp một số ít thông tin chi tiết về các khoản thanh toán ở từng quốc gia hoặc liên quan đến từng dự án. Việc báo cáo các khoản thanh toán ở cấp quốc gia và cấp dự án cho phép so sánh các khoản thanh toán đã thực hiện với những điều khoản được quy định trong luật tài chính, pháp lý và hợp đồng, cũng như đánh giá đóng góp tài chính của các hoạt động than đá đối với các quốc gia và cộng đồng sở tại. Điều này cũng có thể giúp các chính phủ xử lý tình trạng tránh thuế và trốn thuế, khắc phục tình trạng bất cân xứng thông tin và tạo ra sân chơi bình đẳng hơn cho các chính phủ trong quá trình đàm phán hợp đồng.

Ô 4. Doanh nghiệp nhà nước

Theo Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là “doanh nghiệp do nhà nước sở hữu toàn bộ hoặc đa số, tham gia các hoạt động khai thác thay mặt cho chính phủ” [283]. Các DNNN thường có vị thế đặc biệt, có thể bao gồm các lợi thế về tài chính và được ưu tiên.

Ở một số quốc gia sản xuất than chính, các tổ chức lớn nhất trong ngành khai khoáng là các doanh nghiệp nhà nước. Với tư cách là khách hàng trực tiếp, các DNNN cũng rất quan trọng đối với ngành này. Trong tất cả các nhà máy điện đốt than đá, 40% thuộc về các DNNN, con số này tăng lên 56% khi tính gộp cả các liên doanh.

11 Tại Liên minh Châu Âu, tổng số tiền trợ cấp cho các nhà sản xuất than đá lên tới 9,7 tỷ EUR vào năm 2012 [281] và vẫn duy trì ở mức tương tự trong những năm tiếp theo [287].

Báo cáo về các khoản phải nộp cho chính phủ

Nếu tổ chức xác định các khoản phải nộp cho chính phủ là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu	12.21.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016	Công bố thông tin 201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	12.21.2
	Công bố thông tin 201-4 Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* Đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN): • Báo cáo mối quan hệ tài chính giữa chính phủ và DNNN.[12]	12.21.3
GRI 207: Thuế 2019	Công bố thông tin 207-1 Phương pháp tiếp cận thuế	12.21.4
	Công bố thông tin 207-2 Quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro về thuế	12.21.5
	Công bố thông tin 207-3 Sự tham gia của bên liên quan và quản lý các mối quan ngại liên quan đến thuế	12.21.6
	Công bố thông tin 207-4 Báo cáo theo từng quốc gia *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Báo cáo phân tích chi tiết các khoản phải nộp cho chính phủ được áp dụng ở cấp dự án, theo từng dự án và các dòng doanh thu sau đây, nếu có: - Phần sản lượng mà chính phủ nước sở tại được hưởng; - Sản lượng của doanh nghiệp nhà nước cấp quốc gia; - Phí sử dụng tài nguyên; - Cổ tức; - Tiền thưởng (ví dụ: tiền thưởng ký kết hợp đồng, tiền thưởng phát hiện và tiền thưởng khai thác); - Phí cấp phép, phí thuê, phí gia nhập ngành; và các khoản phí khác liên quan đến giấy phép hoặc nhượng quyền; - Mọi khoản thanh toán đáng kể khác và các lợi ích vật chất khác dành cho chính phủ.[13] • Báo cáo giá trị của mọi ngưỡng[14] đã được áp dụng và mọi thông tin bối cảnh khác cần thiết để hiểu cách tổng hợp các khoản phải nộp cho chính phủ ở cấp dự án đã được báo cáo.	12.21.7

12 Khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào *Yêu cầu 2.6 Sự tham gia của nhà nước trong Tiêu chuẩn EITI 2019* [289].
13 Khuyến nghị bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa vào Yêu cầu 4.1 Công bố thông tin toàn diện về thuế và nguồn thu và *Yêu cầu 4.7. Mức độ phân tách trong Tiêu chuẩn EITI 2019*. Có thể tìm định nghĩa về dự án trong *Tiêu chuẩn EITI 2019* [289].
14 Tiêu chuẩn EITI 2019 quy định rằng ở các quốc gia triển khai EITI, nhóm nhiều bên liên quan của quốc gia phải thống nhất xác định những khoản thanh toán và nguồn thu nào là trọng yếu, bao gồm cả các ngưỡng phù hợp [289]. Tổ chức có thể sử dụng ngưỡng phù hợp do nhóm nhiều bên liên quan EITI thiết lập.Nếu không có ngưỡng phù hợp nào được thiết lập, tổ chức có thể sử dụng ngưỡng tương đương với ngưỡng do Liên minh Châu Âu thiết lập, trong đó quy định rằng"Có thể loại trừ các khoản thanh toán, bất kể là một khoản thanh toán đơn lẻ hay nhiều khoản thanh toán có liên quan, có giá trị dưới 100.000 EUR trong kỳ báo cáo" [279].

Nội dung công bố thông tin bổ sung theo ngành	
Các giao dịch mua than đá từ nhà nước: Đối với than đá được mua từ nhà nước, hoặc từ các bên thứ ba do nhà nước chỉ định bán thay mặt cho nhà nước, hãy báo cáo: • thể tích và loại than đá đã mua; • tên đầy đủ của bên mua và bên nhận khoản thanh toán; • các khoản thanh toán được thực hiện cho hoạt động mua sắm.[15]	12.21.8

Các tài liệu tham khảo

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016 và *GRI 207: Thuế 2019* liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao và tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về các khoản phải nộp cho chính phủ, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

15 Công bố thông tin bổ sung theo ngành này được xây dựng dựa trên *Yêu cầu 4.2 Bán phần sản lượng của nhà nước hoặc các nguồn thu khác được thu bằng hiện vật trong Tiêu chuẩn EITI 2019* [289] và *Hướng dẫn Báo cáo EITI dành cho các công ty mua dầu, khí và khoáng sản từ chính phủ* [288].

Chủ đề 12.22 Chính sách công

Một tổ chức có thể tham gia xây dựng chính sách công, trực tiếp hoặc thông qua một tổ chức trung gian, bằng cách vận động hành lang hoặc đóng góp tài chính hoặc hiện vật cho các đảng phái chính trị, chính trị gia hoặc các mục tiêu chính trị. Mặc dù tổ chức có thể khuyến khích việc xây dựng các chính sách công có lợi cho xã hội, nhưng việc tổ chức tham gia quá trình này cũng có thể liên quan đến hành vi tham nhũng, hối lộ, gây ảnh hưởng không chính đáng hoặc việc đại diện không cân bằng cho lợi ích của tổ chức. Chủ đề này đề cập đến phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với hoạt động vận động chính sách công cũng như những tác động có thể phát sinh từ ảnh hưởng của tổ chức đó.

Ở những khu vực mà than đá tạo ra nguồn thu đáng kể cho chính phủ, các tổ chức trong ngành này có thể có khả năng tiếp cận tốt hơn và có tỷ lệ đại diện cao hơn trong các cuộc họp với đại diện của chính phủ, từ đó có thể dẫn đến việc gia tăng ảnh hưởng đến các quyết định về chính sách công.

Hoạt động vận động hành lang của ngành khai khoáng có thể cản trở sự phát triển bền vững, ví dụ như thông qua xây dựng chính sách, quy định và trợ cấp không phù hợp với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp. Ngành khai khoáng đã vận động chống lại các chính sách về khí hậu đầy tham vọng thông qua các tổ chức riêng lẻ trong ngành và các hiệp hội ngành nghề. Những hoạt động này thường nhắm vào việc thực thi cơ chế định giá cacbon hiệu quả, ngân sách cacbon hoặc các biện pháp khác để giảm phát thải khí nhà kính (KNK) có thể khiến tài sản và tài nguyên than đá bị mất giá trị. Những nỗ lực này đôi khi mâu thuẫn với các chiến lược và lập trường ủng hỗ các chính sách giải quyết tình trạng biến đổi khí hậu được công bố công khai của doanh nghiệp (xem thêm chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu). Ngành khai khoáng cũng đã vận động hành lang cho các khoản trợ cấp của chính phủ, góp phần làm tăng sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, làm giảm đầu tư vào năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng.

Mặc dù các hoạt động vận động hành lang có thể nhằm mục đích bảo vệ việc làm hiện có và sinh kế của các cộng đồng sống gần các khu vực khai thác than đá, nhưng các hoạt động vận động chính sách và vận động hành lang của ngành khai khoáng cũng đã góp phần cản trở các chính sách về môi trường; ngăn chặn hoặc sửa đổi luật về đánh giá môi trường và xã hội của các dự án, hoặc sự tham gia công bằng của tất cả các bên liên quan ; hủy bỏ các hạn chế về phát triển tài nguyên; và hạ thấp các tiêu chuẩn lao động, thuế doanh nghiệp và phí sử dụng tài nguyên.

Báo cáo về chính sách công

Nếu tổ chức xác định chính sách công là một chủ đề trọng yếu, tiểu mục này sẽ liệt kê các công bố thông tin được ngành khai khoáng xác định là phù hợp để báo cáo về chủ đề đó.

TIÊU CHUẨN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	SỐ THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN THEO NGÀNH
Quản lý chủ đề		
GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021	Công bố thông tin 3-3 Quản lý các chủ đề trọng yếu *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* • Trình bày lập trường của tổ chức về các vấn đề quan trọng là trọng tâm trong việc tham gia xây dựng chính sách công và vận động hành lang; đồng thời nêu rõ mọi điểm khác biệt giữa những lập trường này với các chính sách, mục tiêu hoặc các quan điểm công khai khác đã được tổ chức công bố. • Báo cáo tổ chức có phải là thành viên hoặc có đóng góp cho bất kỳ hiệp hội đại diện hoặc ủy ban có tham gia quá trình phát triển chính sách công và vận động hành lang nào hay không, bao gồm: - bản chất của hoạt động đóng góp này; - bất kỳ khác biệt nào giữa các chính sách, mục tiêu hoặc quan điểm công khai khác đã xác định của tổ chức về các vấn đề quan trọng liên quan đến biến đổi khí hậu và lập trường của các hiệp hội đại diện hoặc ủy ban đó.[16]	12.22.1
Công bố thông tin Tiêu chuẩn theo Chủ đề		
GRI 415: Chính sách Công 2016	Công bố thông tin 415-1 Đóng góp chính trị	12.22.2

Các tài liệu tham khảo

GRI 415: Chính sách Công 2016 liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao liên quan đến việc báo cáo về chủ đề này.

Các tài liệu tham khảo khác được sử dụng để xây dựng chủ đề này, cũng như các nguồn tài liệu có thể hữu ích cho việc báo cáo của ngành khai khoáng về chính sách công, được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

16 *Các khuyến nghị bổ sung theo ngành* này được xây dựng dựa vào các khuyến nghị báo cáo 1.2.1 và 1.2.2 trong *GRI 415: Chính sách Công 2016.*

Bảng thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong *Bảng Thuật ngữ đầy đủ* của Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)
cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem mục 2.4 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "bên liên quan".

bên thứ ba về nước (third-party water)
các nhà cung cấp nước đô thị và các nhà máy xử lý nước thải đô thị, các tiện ích công cộng hoặc tư nhân và các tổ chức khác tham gia vào việc cung cấp, vận chuyển, xử lý, thải bỏ hoặc sử dụng nước và nước thải

biện pháp sửa chữa / biện pháp khắc phục (remedy / remediation)
các biện pháp chống lại hoặc khắc phục tác động tiêu cực hoặc thực hiện biện pháp sửa chữa

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Ví dụ: lời xin lỗi, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính, ngăn ngừa tác hại thông qua lệnh của tòa án hoặc đảm bảo không tái diễn, các biện pháp trừng phạt (bất kể hình sự hay hành chính, chẳng hạn như tiền phạt), hoàn trả, phục hồi, cải tạo

C

cacbon đioxit (CO_2) tương đương (carbon dioxide (CO_2) equivalent)
đơn vị đo phổ biến để biểu thị chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) của mỗi loại khí nhà kính (KNK), được thể hiện bằng GWP của một đơn vị cacbon đioxit

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Lưu ý: CO_2 tương đương của một loại khí được xác định bằng cách nhân số tấn khí với GWP tương ứng.

căng thẳng về nước (water stress)
khả năng hoặc thiếu khả năng đáp ứng nhu cầu nước của con người và sinh thái

Nguồn: Nhiệm vụ của CEO về Nước, *Hướng dẫn Công bố Thông tin về Nước của Doanh nghiệp*, 2014

Lưu ý 1: Căng thẳng về nước có thể liên quan đến tính sẵn có, chất lượng hoặc khả năng tiếp cận nước.

Lưu ý 2: Căng thẳng về nước dựa vào các yếu tố chủ quan và được đánh giá khác nhau tùy thuộc vào các giá trị xã hội, chẳng hạn như mức độ phù hợp để uống của nước hoặc các yêu cầu để đáp ứng hệ sinh thái.

Lưu ý 3: Căng thẳng về nước trong một khu vực có thể được đo ở mức tối thiểu là cấp lưu vực.

chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc (work-related injury or ill health)
tác động tiêu cực đến sức khỏe phát sinh từ việc phơi nhiễm với các mối nguy tại nơi làm việc

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, *ILO-OSH 2001*, 2001; đã sửa đổi

Lưu ý 1: "Bệnh tật" chỉ tình trạng sức khỏe bị tổn hại và bao gồm bệnh, ốm đau và các chứng rối loạn. Các thuật ngữ "bệnh", "ốm đau" và "chứng rối loạn" thường được sử dụng thay thế cho nhau và đề cập đến các tình trạng có triệu chứng và chẩn đoán cụ thể.

Lưu ý 2: Chấn thương và bệnh tật liên quan đến công việc là những hệ quả phát sinh do phơi nhiễm với các mối nguy trong công việc. Có thể xảy ra các loại sự cố khác không liên quan đến công việc:

- người lao động bị đau tim khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc;
- người lao động lái xe đi làm hoặc về nhà bị thương trong một vụ tai nạn (khi việc lái xe không phải vì công việc và khi việc đi lại không phải do người sử dụng lao động sắp xếp);
- người lao động mắc bệnh động kinh lên cơn động kinh khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc.

Lưu ý 3: *Đi công tác:* Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi người lao động đang đi công tác được coi là liên quan đến công việc nếu tại thời điểm xảy ra chấn thương và bệnh tật, người lao động đang tham gia vào các hoạt động công việc "vì lợi ích của người sử dụng lao động". Ví dụ về các hoạt động như vậy bao gồm việc di chuyển đến và đi từ nơi gặp gỡ khách hàng; thực hiện nhiệm vụ công việc; và tiếp đãi hoặc được tiếp đãi để giao dịch, thảo luận hoặc thúc đẩy kinh doanh (theo chỉ đạo của người sử dụng lao động).

Làm việc tại nhà: Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi làm việc tại nhà có liên quan đến công việc nếu chấn thương và bệnh tật đó xảy ra khi người lao động đang làm việc tại nhà và thương tích hoặc bệnh tật đó liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc chứ không phải do môi trường hoặc bối cảnh chung tại nhà.

Bệnh tâm thần: Một bệnh tâm thần được coi là liên quan đến công việc nếu người lao động tự nguyện thông báo và có ý kiến của chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép đã qua đào tạo và có kinh nghiệm phù hợp hỗ trợ, cho biết rằng bệnh đó liên quan đến công việc.

Để biết thêm hướng dẫn về cách xác định "mức độ liên quan đến công việc", hãy xem tiêu chuẩn Xác định mức độ liên quan đến công việc 1904.5 của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, https://www.osha.gov/pls/ oshaweb/owadisp.show_document?p_table=STANDARDS&p_id=9636, truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018.

Lưu ý 4: Các thuật ngữ "nghề nghiệp" và "liên quan đến công việc" thường được sử dụng thay thế cho nhau.

chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng (high-consequence work-related injury)
chấn thương liên quan đến công việc dẫn đến tử vong hoặc chấn thương khiến người lao động không thể, không hoặc dự kiến sẽ không hồi phục hoàn toàn về tình trạng sức khỏe trước khi bị thương trong vòng sáu tháng

chất thải (waste)
bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

Lưu ý 1: Có thể định nghĩa chất thải theo luật pháp quốc gia tại thời điểm phát sinh.

Lưu ý 2: Người nắm giữ có thể là tổ chức báo cáo, một thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn (ví dụ: nhà cung cấp hoặc người tiêu dùng), hoặc một tổ chức quản lý chất thải, cùng nhiều tổ chức khác.

chất thải nguy hại (hazardous waste)
chất thải có bất kỳ đặc điểm nào được nêu trong Phụ lục III của Công ước Basel hoặc được luật pháp quốc gia coi là nguy hại

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) (global warming potential (GWP))
hệ số mô tả tác động bức xạ cưỡng bức (mức độ gây hại cho bầu khí quyển) của một đơn vị khí nhà kính (KNK) nhất định so với một đơn vị khí CO_2

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Lưu ý: Giá trị GWP chuyển đổi dữ liệu phát thải KNK của các loại khí không phải CO_2 thành đơn vị CO_2 tương đương.

chủ đề trọng yếu (material topics)
Các chủ đề phản ảnh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem mục 2.2 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* và phần 1 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin về "chủ đề trọng yếu".

chuẩn bị tái sử dụng (preparation for reuse)
các hoạt động kiểm tra, làm sạch hoặc sửa chữa, qua đó các sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải được chuẩn bị để đưa vào sử dụng cho cùng mục đích ban đầu

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC); đã sửa đổi

chuỗi cung ứng (supply chain)
phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)
phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

Lưu ý 1: Các thực thể thượng nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà cung cấp) cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức. Các thực thể hạ nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà phân phối, khách hàng) nhận sản phẩm hoặc dịch vụ từ tổ chức.

Lưu ý 2: Chuỗi giá trị bao gồm chuỗi cung ứng.

chương trình phát triển cộng đồng (community development program)
kế hoạch nêu chi tiết các hành động để giảm thiểu, giảm nhẹ, hoặc đền bù cho các tác động bất lợi về xã hội và/hoặc kinh tế, và/hoặc để nhận diện các cơ hội hoặc hành động để tăng cường tác động tích cực của dự án đối với cộng đồng

cơ chế khiếu nại (grievance mechanism)
quy trình theo thủ tục, thông qua đó có thể đưa ra khiếu nại và tìm kiếm biện pháp khắc phục

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn Công bố 2-25 trong *GRI 2*: Công bố Chung 2021 để biết thêm thông

tin về "cơ chế khiếu nại".

cơ quan quản trị (governance body)
nhóm chính thức gồm những người chịu trách nhiệm về định hướng chiến lược của tổ chức, giám sát hiệu quả hoạt động quản lý và trách nhiệm giải trình của cấp quản lý đối với toàn bộ tổ chức và các bên liên quan

cơ quan quản trị cao nhất (highest governance body)
cơ quan quản trị có thẩm quyền cao nhất trong tổ chức

Lưu ý: Ở một số khu vực pháp lý, hệ thống quản trị bao gồm hai cấp, trong đó chức năng giám sát và điều hành được tách biệt, hoặc pháp luật địa phương quy định việc thành lập ban kiểm soát gồm các thành viên không điều hành để giám sát ban điều hành. Trong những trường hợp đó, định nghĩa về cơ quan quản trị cao nhất sẽ bao hàm cả hai cấp.

cơ sở hạ tầng (infrastructure)
các cơ sở được xây dựng chủ yếu để cung cấp một dịch vụ hoặc hàng hóa công cộng thay vì mục đích thương mại và tổ chức không tìm kiếm lợi ích kinh tế trực tiếp từ đó

Ví dụ: bệnh viện, đường xá, trường học, các cơ sở cấp nước

cộng đồng địa phương (local community)
những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: Cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

D

dịch vụ được hỗ trợ (services supported)
Các dịch vụ mang lại lợi ích cho cộng đồng được tổ chức hỗ trợ thông qua việc trực tiếp chi trả chi phí vận hành hoặc bố trí nhân sự của tổ chức để tham gia vận hành cơ sở hoặc cung cấp dịch vụ đó bằng nhân viên của chính tổ chức

Lưu ý: Lợi ích công cộng cũng có thể bao gồm các dịch vụ công cộng.

đối tác kinh doanh (business partner)
thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

đường cơ sở (baseline)
xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

G

giảm thiểu (mitigation)
(các) hành động được thực hiện để giảm mức độ tác động tiêu cực

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Việc giảm thiểu tác động tiêu cực đã xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm mức độ nghiêm trọng của tác động tiêu cực đã xảy ra, cũng như bất kỳ tác động còn sót lại nào cần biện pháp khắc phục. Việc giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm khả năng xảy ra tác động tiêu cực.

H

hành vi hạn chế cạnh tranh (anti-competitive behavior)
hành động của tổ chức hoặc nhân viên có thể dẫn đến việc câu kết với đối thủ tiềm năng, nhằm mục đích hạn chế các tác động của cạnh tranh thị trường

Ví dụ: phân chia khách hàng, nhà cung cấp, khu vực địa lý và các dòng sản phẩm; thỏa thuận giá thầu; thiết lập các hạn chế về thị trường hoặc sản lượng; ấn định giá; áp đặt hạn ngạch theo khu vực địa lý.

hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (occupational health and safety management system)
tập hợp các yếu tố có liên quan hoặc tương tác với nhau để thiết lập chính sách và mục tiêu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như để đạt được các mục tiêu đó

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, ILO-OSH 2001, 2001

K

khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG))
khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

Lưu ý: KNK là bảy loại khí được quy định trong Nghị định thư Kyoto: cacbon đioxit (CO_2); mêtan (CH_4); nitơ oxit (N_2O); hydrofluorocarbon (HFC); perfluorocarbon (PFC); lưu huỳnh hexaflorua (SF_6); và nitơ triflorua (NF_3).

khiếu nại (grievance)
cảm giác bất công khiến một cá nhân hoặc một nhóm muốn được hưởng quyền nào đó, có thể dựa vào luật pháp, hợp đồng, lời hứa rõ ràng hoặc ngầm định, thông lệ hoặc khái niệm chung về sự công bằng của cộng đồng chịu thiệt hại

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011

kỳ báo cáo (reporting period)
khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

L

lãnh đạo cấp cao (senior executive)
thành viên cấp cao trong bộ phận quản lý của tổ chức, như Tổng Giám đốc Điều hành (CEO) hoặc một cá nhân báo cáo trực tiếp cho CEO hoặc cơ quan quản trị cao nhất

lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc (forced or compulsory labor)
tất cả các công việc và dịch vụ được thực hiện do ép buộc bất kỳ người nào bằng cách đe dọa bằng bất kỳ hình phạt nào và người đó không tự nguyện thực hiện

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Lao động Cưỡng bức, 1930 (Số 29); đã sửa đổi

Lưu ý 1: Các ví dụ nghiêm trọng nhất của lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc là lao động nô lệ và lao động gán nợ, nhưng các khoản nợ cũng có thể được sử dụng làm phương tiện để bắt người lao động phải lao động cưỡng bức.

Lưu ý 2: Dấu hiệu cho biết lao động cưỡng bức bao gồm giữ giấy tờ tùy thân, yêu cầu đặt cọc bắt buộc và bắt người lao động làm việc thêm giờ dưới sự đe dọa sa thải, khi họ chưa từng đồng ý trước đó.

lấy nước (water withdrawal)
tổng lượng nước lấy từ nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba cho bất kỳ mục đích sử dụng nào trong suốt kỳ báo cáo

lương cơ bản (basic salary)
số tiền cố định tối thiểu trả cho một nhân viên để làm việc

Lưu ý: Lương cơ bản không bao gồm bất kỳ khoản thù lao bổ sung nào, ví dụ như các khoản trả cho thời gian làm việc ngoài giờ hoặc tiền thưởng.

lượng nước tiêu thụ (water consumption)
tổng lượng nước đã được khai thác và đưa vào sản phẩm, được sử dụng trong quá trình trồng trọt hoặc tạo ra chất thải, đã bốc hơi, thoát hơi nước hoặc được người hoặc vật nuôi tiêu thụ, hoặc bị ô nhiễm đến mức người dùng khác không thể sử dụng được và do đó không được xả trở lại vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba trong suốt kỳ báo cáo

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: Lượng nước tiêu thụ bao gồm cả lượng nước được lưu trữ trong kỳ báo cáo để sử dụng hoặc xả ra trong kỳ báo cáo tiếp theo.

lượng nước xả thải (water discharge)
tổng lượng nước thải nước đã qua sử dụng và nước chưa sử dụng được xả vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba mà tổ chức không còn sử dụng nữa, trong suốt kỳ báo cáo

Lưu ý 1: Nước thải có thể được xả vào nguồn tiếp nhận tại một điểm xả xác định (nguồn ô nhiễm điểm) hoặc được thải phân tán trên bề mặt đất theo cách không xác định (nguồn ô nhiễm diện)

Lưu ý 2: Hoạt động xả nước thải có thể được thực hiện hợp pháp (phù hợp với giấy phép xả thải) hoặc trái phép (khi vượt quá nội dung của giấy phép xả thải).

lưu vực (catchment)
vùng đất nơi toàn bộ dòng chảy bề mặt và nước ngầm chảy qua một chuỗi các suối, sông, tầng chứa nước và hồ đổ vào biển hoặc một cửa thoát duy nhất tại một cửa sông, cửa biển hoặc đồng bằng châu thổ

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS*, Phiên bản 1.0, 2014; đã sửa đổi

Lưu ý: Lưu vực bao gồm cả các khu vực nước ngầm có liên quan và có thể bao gồm các phần của các vùng nước (như hồ hoặc sông). Ở nhiều nơi trên thế giới, lưu vực còn được gọi là “lưu vực thoát nước” hoặc “lưu vực sông”.

M

mối nguy liên quan đến công việc (work-related hazard)
nguồn hoặc tình huống có khả năng gây ra chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, 2001; đã sửa đổi
Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018.Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng.Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi
Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý: Mối nguy có thể là:

- vật lý (ví dụ: bức xạ, nhiệt độ khắc nghiệt, tiếng ồn lớn liên tục, chất lỏng đổ ra sàn hoặc nguy cơ vấp ngã, máy móc không được che chắn, thiết bị điện bị lỗi);
- công thái học (ví dụ: các trạm làm việc và ghế ngồi không được điều chỉnh
- đúng cách, tư thế chuyển động khó khăn, rung lắc);
- hóa học (ví dụ: tiếp xúc với dung môi, cacbon monoxit, vật liệu dễ cháy hoặc thuốc trừ sâu);
- sinh học (ví dụ: tiếp xúc với máu và dịch cơ thể, nấm, vi khuẩn, vi-rút hoặc vết cắn của côn trùng); tâm lý xã hội (ví dụ: lăng mạ bằng lời nói, quấy rối, bắt nạt);
- liên quan đến công việc tổ chức (ví dụ: khối lượng công việc quá nhiều, làm việc theo ca, giờ làm việc dài, làm việc ban đêm, bạo lực tại nơi làm việc).

mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))
Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra)

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD, 2018; đã sửa đổi. Liên hợp quốc (LHQ), Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem mục 1 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng Yếu 2021* để biết thêm thông tin về "mức độ nghiêm trọng".

N

nghỉ thai sản (parental leave)
thời gian nghỉ phép dành cho nhân viên nam và nữ vì lý do sinh con

Người Bản địa (Indigenous Peoples)

- Người Bản địa thường được xác định là: người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực

  dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)
người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nguồn năng lượng có thể tái tạo (renewable energy source)
nguồn năng lượng có thể được bổ sung trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: sinh khối, địa nhiệt, thủy điện, năng lượng mặt trời, gió

nhà cung cấp (supplier)
thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhân viên (employee)
cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhân viên an ninh (security personnel)
các cá nhân được tuyển dụng cho mục đích bảo vệ tài sản của tổ chức; kiểm soát đám đông; phòng chống mất mát; và hộ tống người, hàng hóa và những thứ có giá trị

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)
nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính);

người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

nước bề mặt (surface water)
nước hình thành tự nhiên trên bề mặt Trái đất trong các tảng băng, chỏm băng, sông băng, tảng băng trôi, đầm lầy, ao, hồ, sông và suối

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

nước biển (seawater)
nước ở biển hoặc đại dương

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngầm (groundwater)
nước được giữ lại và có thể được khai thác từ một tầng chứa nước ngầm

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngọt (freshwater)
nước có nồng độ tổng chất rắn hòa tan bằng hoặc dưới 1.000 mg/L

Nguồn: Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi.
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS), Bảng Thuật ngữ Khoa học Nước, water.usgs.gov/edu/dictionary.html ,truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018; đã sửa đổi. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Hướng dẫn về Chất lượng Nước uống*, 2017; đã sửa đổi

nước thải (effluent)
nước thải đã xử lý hoặc chưa xử lý được thải ra

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS*, Phiên bản 1.0, 2014

P

phân biệt đối xử (discrimination)
hành vi và hệ quả của việc đối xử với người khác một cách bất bình đẳng bằng áp đặt những gánh nặng không tương xứng hoặc từ chối các quyền lợi thay vì đối xử với mỗi người một cách công bằng dựa trên năng lực và phẩm chất cá nhân

Lưu ý: Phân biệt đối xử cũng có thể bao gồm cả quấy rối, nghĩa là lời bình phẩm hoặc hành động không được hoan nghênh, hoặc có căn cứ để thấy là không được hoan nghênh, đối với người mà những lời bình phẩm và hành động đó hướng đến.

phát thải khí đáng kể (significant air emission)
phát thải khí được quản lý theo các công ước quốc tế và/hoặc luật hay quy định của quốc gia

Lưu ý: Phát thải khí đáng kể bao gồm cả những trường hợp được liệt kê trong giấy phép môi trường cấp cho các hoạt động của tổ chức.

phát thải KNK Phạm vi 1 (Scope 1 GHG emissions)
lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Ví dụ: phát thải CO_2 từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

phát thải KNK Phạm vi 2 (Scope 2 GHG emissions)
phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp từ việc tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

phát thải KNK Phạm vi 3 (Scope 3 GHG emissions)
phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp (không bao gồm trong phát thải KNK Phạm vi 2) xảy ra ở chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015 và Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)
sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, Tương lai Chung của Chúng ta, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ "tính bền vững" và "phát triển bền vững" được dùng thay thế cho nhau.

phơi nhiễm (exposure)
lượng thời gian tiếp xúc hoặc bản chất của việc tiếp xúc với một số môi trường có nhiều mức độ và loại mối nguy khác nhau, hoặc tiếp xúc gần với một tình trạng có thể gây ra chấn thương hoặc bệnh tật (ví dụ: hóa chất, bức xạ, áp suất cao, tiếng ồn, hỏa hoạn, chất nổ)

phúc lợi (benefit)
lợi ích trực tiếp được cấp theo hình thức đóng góp tài chính, dịch vụ chăm sóc được tổ chức trả tiền, hoặc khoản bồi hoàn cho các chi phí mà nhân viên đã chi trả

Lưu ý: Các khoản phúc lợi cũng có thể bao gồm: tiền trợ cấp thôi việc vượt mức tối thiểu theo quy định pháp luật, tiền trợ cấp mất việc, quyền lợi bổ sung khi bị tai nạn lao động, trợ cấp tử tuất và các quyền lợi nghỉ phép có hưởng lương bổ sung.

phương pháp xử lý chất thải (waste disposal method)
phương pháp xử lý hoặc thải bỏ chất thải

Ví dụ: ủ phân, bơm xuống tầng đá xốp, thiêu hủy, chôn lấp, lưu trữ tại cơ sở, thu hồi, tái chế, tái sử dụng

Q

quan hệ kinh doanh (business relationships)
mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc,* 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quyền con người (human rights)
các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN) và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế* (ILO)

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người:*

Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn 2-23-b-i trong *GRI 2*: Công bố Chung 2021 để biết thêm thông tin về "quyền con người".

quyền tự do hiệp hội (freedom of association)
quyền của người sử dụng lao động và người lao động được lập, tham gia và vận hành các tổ chức của riêng họ mà không cần sự cho phép trước hoặc can thiệp của nhà nước hoặc bất kỳ thực thể nào khác

S

sự cố tràn (spill)
tình huống một chất nguy hiểm vô tình tràn ra ngoài có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đất đai, cây cối, nguồn nước mặt, và nước ngầm

sự cố cận nguy (close call)
sự cố liên quan đến công việc không dẫn đến chấn thương hoặc tổn hại sức khỏe, nhưng tiềm ẩn khả năng gây ra các hậu quả này

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng.* Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: "Sự cố cận nguy" cũng có thể được gọi là "tai nạn suýt xảy ra" hoặc "sự cố suýt gây tai nạn".

sự cố liên quan đến công việc (work-related incident)
sự việc phát sinh từ hoặc trong quá trình làm việc có thể hoặc đã dẫn đến chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý 1: Sự cố có thể xảy ra do các nguyên nhân như sự cố điện, nổ, hỏa hoạn; tràn, lật, rò rỉ, chảy; vỡ, bùng nổ, tách; mất kiểm soát, trượt ngã, vấp ngã và rơi ngã; chuyển động cơ thể không có áp lực; chuyển động cơ thể dưới/có áp lực; sốc, sợ hãi; bạo lực hoặc quấy rối tại nơi làm việc (ví dụ: quấy rối tình dục).

Lưu ý 2: Một sự cố gây ra chấn thương hoặc bệnh tật thường được gọi là "tai nạn". Một sự cố có khả năng gây chấn thương hoặc bệnh tật nhưng không xảy ra thường được gọi là "sự cố cận nguy", "tai nạn suýt xảy ra" hoặc "sự cố suýt gây tai nạn".

T

tác động (impact)
ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem mục 2.1 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "tác động".

tái chế (recycling)
tái xử lý sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải, để tạo ra vật liệu mới

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

thải bỏ (disposal)
bất kỳ hoạt động nào không phải là hoạt động thu hồi, ngay cả khi hoạt động đó có hệ quả thứ cấp là thu hồi năng lượng

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC)

Lưu ý: Thải bỏ là hoạt động quản lý cuối vòng đời của các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên bị loại bỏ, thông qua việc đưa vào nơi chứa hoặc thông qua quá trình biến đổi hóa học hoặc nhiệt học làm cho các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên này không còn khả năng được sử dụng tiếp.

thẩm định (due diligence)
quá trình nhận diện, phòng ngừa, giảm thiểu và giải thích về cách tổ chức giải quyết các tác động tiêu cực đã xảy ra và có thể xảy ra của mình

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn cho Doanh nghiệp Đa quốc gia của OECD*, 2011; đã sửa đổi.
Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem mục 2.3 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "thẩm định".

tham nhũng (corruption)
"hành vi lạm dụng quyền lực được giao để thu lợi cá nhân", có thể do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện

Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế, *Nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ*, 2011

Lưu ý: Tham nhũng bao gồm cả các hành vi như hối lộ, trả tiền bôi trơn, gian lận, tống tiền, câu kết và rửa tiền. Tham nhũng còn bao gồm cả hành vi đưa hoặc nhận bất kỳ món quà, khoản vay, phí, phần thưởng hoặc lợi thế nào khác cho hoặc từ bất kỳ người nào để xui khiến người đó thực hiện hành vi không trung thực, bất hợp pháp hoặc vi phạm lòng tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm tiền mặt hoặc lợi ích bằng hiện vật, chẳng hạn như hàng hóa, quà tặng và các kỳ nghỉ miễn phí hoặc các dịch vụ cá nhân đặc biệt được cung cấp để đạt được lợi thế không chính đáng hoặc có thể gây ra áp lực tinh thần để nhận được lợi thế như vậy.

thay đổi hoạt động đáng kể (significant operational change)
thay đổi đối với mô hình hoạt động của tổ chức mà có khả năng gây tác động tích cực hoặc tiêu cực đáng kể đối với người lao động thực hiện hoạt động của tổ chức

Ví dụ: đóng cửa, mở rộng, sáp nhập, mở mới, thuê ngoài hoạt động, tái cơ cấu, bán toàn bộ hoặc một phần tổ chức, tiếp quản

thu hồi (recovery)
hoạt động trong đó các sản phẩm, thành phần của sản phẩm hoặc vật liệu đã trở thành chất thải được chuẩn bị để thực hiện một mục đích thay thế cho các sản phẩm, thành phần hoặc vật liệu mới đáng lẽ sẽ được sử dụng cho mục đích đó

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

Ví dụ: chuẩn bị tái sử dụng, tái chế

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, hoạt động thu hồi không bao gồm thu hồi năng lượng.

thù lao (remuneration)
lương cơ bản cộng thêm các khoản bổ sung trả cho người lao động

Lưu ý: Ví dụ về các khoản chi trả bổ sung cho người lao động có thể bao gồm: các khoản dựa trên thâm niên làm việc; tiền thưởng bằng tiền mặt hoặc cổ phần như cổ phiếu; các khoản phúc lợi; phụ cấp ngoài giờ; thời gian còn nợ và bất kỳ khoản phụ cấp bổ sung khác như phụ cấp đi lại, sinh hoạt và chăm sóc trẻ em.

thương lượng tập thể (collective bargaining)
tất cả các cuộc đàm phán diễn ra giữa một bên là một hoặc nhiều người sử dụng lao động hoặc tổ chức của người sử dụng lao động, và một bên là một hoặc nhiều tổ chức của người lao động (ví dụ: công đoàn), nhằm xác định các điều kiện làm việc và điều khoản hợp đồng lao động hoặc để

điều chỉnh mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về Thương lượng Tập thể, 1981 (Số 154); đã sửa đổi

trẻ em (child)
người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện

và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

X

xung đột lợi ích (conflict of interest)
tình huống trong đó một người phải đối mặt với việc lựa chọn giữa các yêu cầu công việc của mình trong tổ chức và các lợi ích hoặc trách nhiệm cá nhân hoặc nghề nghiệp khác của người đó

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này, cũng như các nguồn tài liệu mà tổ chức có thể tham khảo.

Giới thiệu

1. Cộng đồng Châu Âu, *NACE Rev.2, Phân loại hoạt động kinh tế theo số liệu của Cộng đồng Châu Âu (NACE), Cơ quan thống kê liên minh Châu Âu (Eurostat), Phương pháp luận và Tài liệu Nghiên cứu*, năm 2008.
2. Văn phòng Điều hành của Tổng thống, Văn phòng Quản lý và Ngân sách, *Hệ thống Phân loại Ngành Bắc Mỹ (NAICS)*, năm 2017.
3. FTSE Russell, *Cấu trúc ICB*, *Tổng quan về Hệ thống phân loại*, năm 2019.
4. S&P Dow Jones Indices và MSCI Inc., *Bản sửa đổi Cấu trúc Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS®)*, năm 2018.
5. Phát triển bền vững Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB), Sustainable Industry Classification System® (SICS®), sasb.org/find-your-industry/, truy cập ngày 27 tháng 5 năm 2021.
6. Liên hợp quốc (UN), *Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế cho Tất cả các Hoạt động Kinh tế, Phiên bản 4, Tuyển tập các Bài báo Thống kê, Tập M, Số 4/Phiên bản 4,* năm 2008.

Hồ sơ Ngành

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

7. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2021: Cơ sở Khoa học Vật lý* , năm 2021.
8. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp ước Khí hậu Glasgow* , năm 2021.
9. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Hiệp định Paris* , năm 2021.
10. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp định Paris* , năm 2015.
11. Nghị quyết của Liên Hợp Quốc (UN), Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững , năm 2015 (A/RES/70/1).

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

12. Britannica, Than đá, Nhiên liệu hóa thạch, britannica.com/science/coal-fossil-fuel#ref259096, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
13. Climate Action Tracker (CAT), Cập nhật Toàn cầu về Dự báo Nóng lên toàn cầu, *Tháng 11 năm 2021*, năm 2021.
14. Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA), Lượng khí cacbon đioxit được tạo ra trên mỗi kilowatt giờ điện năng sản xuất tại Hoa Kỳ là bao nhiêu?, eia.gov/tools/faqs/faq.php?id=74&t=11, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
15. P. Friedlingstein và cộng sự, “Ngân sách Cacbon Toàn cầu 2019”, Earth System Science Data, tập 11, số 4, trang 1783–18384, ngày 4 tháng 12 năm 2019, doi.org/10.5194/essd-11-1783-2019.
16. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Mức Làm nóng lên Toàn cầu 1,5°C , năm 2018.
17. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Than đá 2021, iea.org/reports/coal-2021 , truy cập ngày 15 tháng 2 năm 2022.
18. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Thông tin về Than đá: Tổng quan, iea.org/reports/coal-information-overview , truy cập ngày 5 tháng 4 năm 2021.
19. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050: Lộ trình cho Ngành Năng lượng Toàn cầu* , năm 2021.
20. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Loại bỏ dần than đá chưa được xử lý giảm phát thải* , năm 2021.
21. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2020, năm 2020, iea.org/reports/world-energy-outlook-2020, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
22. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2021* , năm 2021.
23. Viện Phát triển Bền vững Quốc tế (IISD), Các Doanh nghiệp Nhà nước đang trong quá trình Chuyển đổi ngừng

sử dụng Than đá, *Khai khoáng và Phát điện bằng Đốt Than*, năm 2018.

24. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn của ILO về chuyển đổi công bằng hướng tới các nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người*, năm 2015.
25. M. Jakob và cộng sự, "Tương lai của ngành khai khoáng trong bối cảnh Khí hậu cần Kiểm soát nghiêm ngặt về Cacbon", Nature Climate Change, tập 10, số 8, trang 704–7, tháng 8 năm 2020, doi.org/10.1038/s41558-020-0866-1.
26. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI), *Lời nguyền Tài nguyên* , năm 2015.
27. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Các Nghiên cứu về Tăng trưởng Xanh của OECD: Năng lượng*, năm 2011.
28. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Thỏa thuận về tín dụng xuất khẩu được chính phủ hỗ trợ*, năm 2020.
29. Liên minh Phát điện Không dùng Than đá (PPCA), Thành viên PPCA, poweringpastcoal.org/members , truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
30. Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm (PRI), Loại bỏ dần các khoản đầu tư vào than nhiệt, năm 2018, unpri.org/climate-change/phasing-out-investments-in-thermal-coal/3281.article, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
31. O. Sartor, Institut du développement durable et des relations internationals (IDDRI) và các Chiến lược Khí hậu, *Thực hiện chuyển đổi từ than đá: Những bài học kinh nghiệm từ các trường hợp nghiên cứu về các nền kinh tế tiêu thụ than đá lớn*, năm 2018.
32. R. Smith, "Những nhà sản xuất than đá lớn nhất thế giới", weforum.org/agenda/2018/01/these-are-the-worlds-biggest-coal-producers/, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
33. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Báo cáo Khoảng cách Phát thải 2019*, năm 2019.
34. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Trung tâm Đầu tư Bền vững Columbia, Đại học Columbia, *Điều chỉnh Lộ trình ngành Khai khoáng theo các Mục tiêu Phát triển Bền vững: Bản đồ* , năm 2016.
35. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Chuyển đổi Công bằng cho Lực lượng Lao động và Tạo ra Việc làm Bền vững và Chất lượng* , năm 2020.
36. Các Thủ tục Đặc biệt của Liên hợp quốc về Quyền Con người, Khí hậu An toàn. Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Quyền Con người và Môi trường , năm 2019 (A/74/161).
37. Nhóm Khung Liên cơ quan của Liên hợp quốc về Hành động Phòng ngừa, *Các Ngành Khai thác và Xung đột* , năm 2012.
38. S. Varadhan, "Sản lượng của Coal India giảm ba tháng liên tiếp do nhu cầu thấp", năm 2020, reuters.com/article/coal-india-output/coal-india-output-falls-for-third-straight-month-on-tepid-demand-idINKBN2426N4, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
39. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Biến đổi khí hậu và sức khỏe, năm 2021, who.int/news-room/fact-sheets/detail/climate-change-and-health, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Nguồn tài liệu:

40. GRI , Liên kết các SDG và Bộ Tiêu chuẩn GRI , được cập nhật thường xuyên.
41. GRI và Hiệp ước Toàn cầu của UN, *Tích hợp các SDG vào báo cáo doanh nghiệp: Hướng dẫn thực hành* , năm 2018.

Chủ đề 12.1 Biến đổi khí hậu

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

42. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2007: Cơ sở Khoa học Vật lý* , năm 2007.
43. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Biến đổi Khí hậu 2014: Tác động, *Thích ứng và Mức độ dễ bị tổn thương*, năm 2014.
44. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Giảm thiểu Biến đổi Khí hậu*, năm 2014.
45. Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2014: Báo cáo Tổng hợp*, năm 2014.
46. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2021: Cơ sở Khoa học Vật lý*, năm 2021.
47. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Hướng dẫn Thực hành Tốt và Quản lý Tính bất định trong*

Kiểm kê Khí Nhà kính Toàn quốc, năm 2001.

48. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), Mức Làm nóng lên Toàn cầu ở 1,5°C. Báo cáo Đặc biệt của IPCC, năm 2018.
49. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp định Paris* , năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

50. Bettercoal, Thoái vốn: Một Giải pháp Thiển cận để Đóng cửa Mỏ than một cách Có trách nhiệm, wisteria-goldfish-2p9b.squarespace.com/news/divestment-a-short-sighted-solution-for-responsible-coal-mine-closure, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
51. Carbon Brief, Lượng khí thải mêtan từ nhiên liệu hóa thạch "bị đánh giá thấp nghiêm trọng" , năm 2020, carbonbrief.org/methane-emissions-from-fossil-fuels-severely-underestimated , truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
52. Sáng kiến Theo dõi Cacbon, *Giải thích về Ngân sách Cacbon*, năm 2018.
53. Sáng kiến Công cụ theo dõi Cacbon Cacbon Không thể đốt cháy: Các Thị trường Tài chính trên Thế giới có đang Gánh chịu Bong bóng Cacbon?, năm 2011.
54. E. Colombo & F. Fairhead, "Đầu tư vào Than đá: Tan thành mây khói?" sustainalytics.com/esg-research/resource/investors-esg-blog/coal-investments-up-in-smoke; truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
55. A. Dagnachew, A. Hof và cộng sự, *Thông tin chi tiết về các Kịch bản Năng lượng: So sánh các chỉ số chuyển đổi quan trọng của các kịch bản 2°C*, năm 2019.
56. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Những Điểm nổi bật về Phát thải CO2 từ quá trình Đốt Nhiên liệu, iea.org/data-and-statistics/data-products, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
57. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Thông tin về Than đá: Tổng quan, iea.org/reports/coal-information-overview, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
58. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Hiệu quả Năng lượng 2018: Phân tích và Triển vọng đến năm 2040*, năm 2018.
59. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Lộ trình cho Công nghệ Sắt và Thép*, năm 2020. iea.org/reports/iron-and-steel-technology-roadmap, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
60. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Công cụ theo dõi Mêtan, iea.org/reports/methane-tracker-2020 , truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
61. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050: Lộ trình cho Ngành Năng lượng Toàn cầu*, năm 2021.
62. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2018*, năm 2018.
63. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2019*, năm 2019.
64. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2021* , năm 2021.
65. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Khai khoáng*, năm 2007.
66. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn của ILO về chuyển đổi công bằng hướng tới các nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người* , năm 2015.
67. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), *Nghị quyết được thông qua tại Đại hội Bảo tồn Thế giới năm 2016. Định nghĩa các Giải pháp dựa vào Thiên nhiên*, năm 2016.
68. N. Kholod, *M. Evans và cộng sự Lượng khí thải mêtan toàn cầu từ hoạt động khai thác than đá sẽ tiếp tục tăng ngay cả khi sản lượng than giảm* , năm 2020. doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.120489 .
69. J. G. J. Olivier và J. A. H. W. Peters, *Xu hướng phát thải CO2 toàn cầu và tổng lượng phát thải khí nhà kính: Báo cáo năm 2019*, năm 2020.
70. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Các Nghiên cứu về Tăng trưởng Xanh của OECD: Năng lượng*, năm 2011.
71. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Giám sát quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế cacbon thấp: Phương pháp chiến lược để phát triển địa phương*, năm 2015.
72. M. F. Rahman, M. Mostofa và S. Huq, Tương lai Cacbon Thấp ở các Quốc gia Kém Phát triển nhất, wri.org/climate/expert-perspective/low-carbon-futures-least-developed-countries, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
73. O. Sartor, Institut du développement durable et des relations internationals (IDDRI) và các Chiến lược Khí hậu, *Thực hiện chuyển đổi từ than đá: Những bài học kinh nghiệm từ các trường hợp nghiên cứu về các nền kinh tế tiêu thụ than đá lớn*, năm 2018.
74. Viện Môi trường Stockholm (SEI), Viện Phát triển Bền vững Quốc tế (IISD), Viện Phát triển Quốc tế (ODI),

Climate Analytics, CICERO và Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), Khoảng cách Sản xuất: Sự chênh lệch giữa sản lượng nhiên liệu hóa thạch theo kế hoạch của các quốc gia và mức sản lượng toàn cầu phù hợp với mục tiêu giới hạn mức làm nóng lên toàn cầu ở 1,5°C hoặc 2°C , năm 2019.

75. E. Stuart, Không để Ai bị Bỏ lại Phía sau trong các Lộ trình Phát triển Bền vững, wri.org/climate/expert-perspective/leaving-no-one-behind-sustainable-development-pathways, truy cập ngày 5 tháng 4 năm 2021.
76. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), Thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu có nghĩa là gì?, năm 2020, unfccc.int/topics/adaptation-and-resilience/the-big-picture/what-do-adaptation-to-climate-change-and-climate-resilience-mean, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
77. Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCC), *Chuyển đổi Công bằng Lực lượng lao động và Tạo ra Việc làm Bền vững và Chất lượng*, năm 2020.
78. Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA) của Liên hợp quốc, *Các Giả định đối với báo cáo Triển vọng Năng lượng Thường niên 2019: Mô-đun Nhu cầu Công nghiệp*, năm 2019.
79. Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA), Lượng khí cacbon đioxit được tạo ra trên mỗi kilowatt giờ điện năng sản xuất tại Hoa Kỳ là bao nhiêu? , eia.gov/tools/faqs/faq.php?id=74&t=11 , truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
80. Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ (US EPA), Tổng quan về Khí Nhà kính, epa.gov/ghgemissions/overview-greenhouse-gases#methane, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
81. Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), *Hướng dẫn dành cho Chủ sở hữu Tài sản về Khai thác Than đá*, năm 2017.
82. Hiệp hội Thép Thế giới, *Biến đổi khí hậu và sản xuất sắt thép* , năm 2021.

Nguồn tài liệu:

83. Nghị định thư về Khí Nhà kính, *Chuẩn mực Kế toán và Báo cáo Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3)*, năm 2011.
84. Nghị định thư về Khí Nhà kính, *Giá trị Chỉ số tiềm năng Làm nóng lên Toàn cầu*, năm 2015.
85. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ghi chú về Thực hành Tốt: Quản lý việc Cắt giảm nhân sự, năm 2005
86. Trường Oxford Martin, *Nguyên tắc Đầu tư Có ý thức về Khí hậu của Oxford Martin*, năm 2018.
87. Sáng kiến Lộ trình Chuyển đổi (TPI), *Báo cáo Phương pháp luận và các Chỉ số*, năm 2019.
88. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI), Phương pháp luận được Khuyến nghị để Ước tính và Báo cáo lượng Phát thải Khí nhà kính Tiềm tàng từ Trữ lượng Nhiên liệu Hóa thạch, năm 2016
89. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI), *Ước tính và Báo cáo Tác động Phát thải So sánh của các Sản phẩm*, năm 2019.
90. Đã xóa.
91. Đã xóa.
92. Đã xóa.
93. Đã xóa.
94. Đã xóa.
95. Đã xóa.

Chủ đề 12.3 Đóng cửa và phục hồi

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

96. P. D. Cameron và M. C. Stanley, *Than đá và Khai khoáng: Cẩm nang Nắm bắt Ngành Khai thác*, năm 2017.
97. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2020, iea.org/reports/world-energy-outlook-2020, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
98. Tiểu ban về các Vấn đề Thuế trong Ngành Khai thác đối với các Nước Đang phát triển thuộc Ủy ban Thuế của Liên hợp quốc (UN), Ghi chú Hướng dẫn về Xử lý Thuế đối với việc Thu dọn trong Ngành Khai thác, 2016.
99. J. Watts và J. Ambrose, “Các chuyên gia cho rằng ngành công nghiệp than sẽ không bao giờ phục hồi sau đại dịch Corona”, The Guardian, ngày 17 tháng 5 năm 2020, theguardian.com/environment/2020/may/17/coal-industry-will-never-recover-after-coronavirus-pandemic-say-experts, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

100. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), *Thực hành Khai thác Tốt*, năm 2018.
101. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Chuyển đổi Công bằng cho Lực lượng Lao động và Tạo ra Việc làm Bền vững và Chất lượng*, năm 2020.
102. Ngân hàng Thế giới, *Quản lý việc đóng cửa Mỏ Than: Đạt được sự Chuyển đổi Công bằng cho Tất cả mọi người*, năm 2018.
103. Ngân hàng Thế giới, *Đóng cửa Mỏ: Bộ công cụ dành cho Chính phủ*, năm 2021.
104. Ngân hàng Thế giới, *Hướng tới việc Thu dọn và Đóng cửa các Mỏ Dầu và Mỏ Khoáng sản theo hướng Bền vững: Bộ công cụ Hỗ trợ các Cơ quan Chính phủ*, năm 2010.

Nguồn tài liệu:

105. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Khung đánh giá Mức độ hoàn thiện của việc Đóng cửa – Hướng dẫn Sử dụng Công cụ Đóng cửa*, năm 2020.
106. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Hướng dẫn Tích hợp về Đóng cửa Mỏ – Thực hành Tốt, ấn bản
107. lần thứ 2, năm 2019.

Chủ đề 12.4 Khí thải

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

108. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Năng lượng và Ô nhiễm Không khí: Báo cáo Đặc biệt về Triển vọng Năng lượng Thế giới* , năm 2016. A. Markandya và P. Wilkinson, “Sản xuất Điện và Sức khỏe”, The Lancet, tập 370, số 9591, trang 979–90, ngày 15 tháng 9 năm 2007, doi.org/10.1016/S0140-6736(07)61253-7. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hậu quả về Kinh tế của Ô nhiễm Không khí Ngoài trời* , năm 2016.
109. L. Sloss, *Định lượng lượng khí thải từ quá trình tự bốc cháy*, năm 2013.
110. Liên minh các Nhà khoa học Quan tâm, Cách thức Hoạt động của Than đá, ucsusa.org/resources/how-coal-works, truy cập ngày 17 tháng 10 năm 2020.
111. Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE), Ô nhiễm không khí, hệ sinh thái và đa dạng sinh học,unece.org/environmental-policy/conventions/envlrtapwelcome/cross-sectoral-linkages/air-pollution-ecosystems-and-biodiversity.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
112. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ô nhiễm không khí, who.int/health-topics/air-pollution, truy cập ngày 31 tháng 5 năm 2020.
113. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ô nhiễm không khí và sức khỏe trẻ em: Chỉ định không khí sạch, *bản sao trước khi phát hành*, năm 2018. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Ô nhiễm Không khí Môi trường: Đánh giá Toàn cầu về Mức độ Phơi nhiễm và Gánh nặng Bệnh tật*, năm 2016.

Nguồn tài liệu:

114. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn trong Hoạt động Khai khoáng
115. , năm 2007.

Chủ đề 12.5 Đa dạng sinh học

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

116. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu và Đa dạng sinh học*, năm 2002.
117. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu và Đất*, năm 2019.
118. Các tài liệu tham khảo bổ sung: N. Butt, H. L. Beyer và cộng sự, “Rủi ro đối với Đa dạng sinh học từ việc Khai thác Nhiên liệu Hóa thạch”, *Science*, năm 2013.
119. Công ước về Đa dạng Sinh học, *Quan tâm đến Đa dạng sinh học trong các Ngành Năng lượng và Khai khoáng*, năm 2018.
120. Sáng kiến Đa dạng sinh học Liên Ngành (CSBI), *Hướng dẫn liên ngành để thực hiện Hệ thống phân cấp Giảm thiểu*, năm 2015.
121. , năm 2015.

122. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Tóm tắt Vấn đề: Bù đắp Đa dạng sinh học, iucn.org/resources/issues-briefs/biodiversity-offsets, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
123. M. B. J. Harfoot, D. P. Tittensor và cộng sự, "Rủi ro hiện tại và tương lai đối với đa dạng sinh học từ việc khai thác nhiên liệu hóa thạch", *Conservation Letters*, năm 2018.
124. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Bù đắp Đa dạng sinh học: Thiết kế và Thực hiện Hiệu quả*, năm 2016.
125. Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) và Trung tâm Giám sát Bảo tồn Môi trường của UN (UNEP-WCMC), Quan tâm đến Đa dạng sinh học trong các Ngành Năng lượng và Khai khoáng: Tài liệu Thông tin cho Cuộc họp lần thứ 21 của Cơ quan Phụ trợ về Tư vấn Khoa học, *Kỹ thuật và Công nghệ (SBSTTA-21)*, năm 2017.
126. Ngân hàng Thế giới, *Bù đắp Đa dạng sinh học: Hướng dẫn Sử dụng*, năm 2016.

Nguồn tài liệu:

127. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 6: Bảo tồn Đa dạng sinh học và Quản lý Bền vững Tài nguyên Thiên nhiên*, năm 2012.
128. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Ngành than đá Quốc tế (IPIECA), Nguyên tắc Xích đạo, *Hướng dẫn liên ngành để thực hiện Hệ thống phân cấp Giảm thiểu*, năm 2017.
129. Liên minh Công cụ Đánh giá Đa dạng Sinh học Tích hợp (IBAT), Công cụ Đánh giá Đa dạng Sinh học Tích hợp, ibat-alliance.org/, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Chủ đề 12.6 Chất thải

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

130. Ủy ban Châu Âu, *Tài liệu Tham chiếu về Các Kỹ thuật Sẵn có Tốt nhất (BAT) để Quản lý Chất thải từ các Ngành Khai thác*, năm 2018.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

131. Alberta Energy Regulator, Quặng đuôi, aer.ca/providing-information/by-topic/tailings.html, truy cập ngày 5 tháng 4 năm 2021.
132. Ủy ban Châu Âu, Chất thải khai khoáng, ec.europa.eu/environment/topics/waste-and-recycling/mining-waste_en, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
133. P. D. Cameron và M. C. Stanley, *Than đá và Khai khoáng: Cẩm nang Nắm bắt Ngành Khai thác*, năm 2017.
134. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế, Về quặng đuôi, icmm.com/en-gb/environmental-stewardship/tailings/about-tailings, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
135. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Khai khoáng*, năm 2007.
136. C. Roche, K. Thygesen, K., E. Baker, E. (Eds.), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Kho chứa Quặng đuôi từ Mỏ: An toàn Không phải Chuyện May rủi. Đánh giá Phản ứng Nhanh của UNEP*, năm 2017.
137. Liên minh các Nhà khoa học Quan tâm, Chi phí Ẩn của Nhiên liệu Hóa thạch, năm 2008, ucsusa.org/resources/hidden-costs-fossil-fuels, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
138. Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc (UNEP), *Hướng tới Hành tinh Không Ô nhiễm*, năm 2017.
139. Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) của Liên hợp quốc, Thông tin Cơ bản về Khai thác Than đá Lộ thiên ở Appalachia, epa.gov/sc-mining/basic-information-about-surface-coal-mining-appalachia, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Nguồn tài liệu:

140. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Hướng dẫn về Môi trường, *Sức khỏe và An toàn cho Quản lý Chất thải*, năm 2007.

Chủ đề 12.7 Nước và nước thải

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

141. L. Allen, M. Cohen và cộng sự, "Nhiên liệu Hóa thạch và Chất lượng Nước", Nguồn Nước Thế giới, Tập 7:Báo cáo Hai năm một lần về Nguồn Nước ngọt, chương 4, trang 73-96, năm 2011, worldwater.org/wp-content/uploads/2013/07/chapter_4_fossil_fuel_and_water_quality.pdf.

142. P. D. Cameron và M. C. Stanley, *Than đá và Khai khoáng: Cẩm nang Nắm bắt Ngành Khai thác*, năm 2017.

143. Greenpeace, *Cuộc tranh giành Nguồn nước Lớn: Ngành công nghiệp Than đá đang Làm trầm trọng thêm Cuộc khủng hoảng Nước Toàn cầu như thế nào*, năm 2016.

144. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), *Mối liên hệ giữa Nước và Năng lượng: Trích đoạn trong báo cáo Triển vọng Năng lượng Thế giới 2016*, năm 2016.

145. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), "Nước cho Năng lượng", *Triển vọng Năng Lượng Thế giới 2012*, năm 2012.

146. Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc (UNEP), *Hướng tới Hành tinh Không Ô nhiễm*, năm 2017.

147. Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ (US EPA), *Hồ sơ Ngành Sản xuất Điện từ Nhiên liệu Hóa thạch*, năm 1997.

Nguồn tài liệu:

148. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Khung Quản lý Nước*, năm 2014.

Chủ đề 12.8 Tác động về kinh tế

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

149. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Nguyên tắc về sự Tham gia của Khu vực Tư nhân trong Cơ sở Hạ tầng của OECD*, năm 2007.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

150. Quỹ Bill & Melinda Gates, *Tài liệu số 7: Tận dụng các ngành khai thác để phát triển kỹ năng nhằm tối đa hóa tăng trưởng bền vững và việc làm*, năm 2015.

151. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), Chi tiêu cho xã hội và kinh tế: Tác động của các ngành khai thác đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, eiti.org/social-economic-spending, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

152. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED), Mở ra Hướng đi Mới: Khai khoáng, *Khoáng sản và Phát triển Bền vững*, năm 2002.

153. J.-F. Mercure, H. Pollitt và cộng sự, "Tác động về kinh tế vĩ mô của các tài sản nhiên liệu hóa thạch bị mắc kẹt", Nature Climate Change, tập 8, trang 588-593, 2018, nature.com/articles/s41558-018-0182-1, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

154. Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), *Các ngành khai thác: Tối ưu hóa việc giữ lại giá trị tại các quốc gia sở tại*, năm 2012.

155. K. Storey, "Hình thức Làm việc Luân phiên Bay đến-Bay về: Ý nghĩa đối với Tính bền vững của Cộng đồng", Sustainability, tập 2, *trang 1161-1181*, năm 2010.

156. Văn phòng Liên hợp quốc về Giảm thiểu Rủi ro Thảm họa (UNISDR), Hướng dẫn biến Lời nói thành Hành động: Đánh giá Rủi ro Thảm họa Quốc gia, Chủ đề Đặc biệt, *D. Tác động Kinh tế Trực tiếp và Gián tiếp*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

157. Mining Shared Value (MSV), Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH, *Cơ chế Báo cáo Mua sắm tại Địa phương trong ngành Khai khoáng*, năm 2017.

158. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Các Chiến lược Hợp tác nhằm Tạo ra Giá trị Chung Trong nước*, năm 2016.

Chủ đề 12.9 Cộng đồng địa phương

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

159. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác*

Hiệu quả của các Bên liên quan trong Ngành Khai thác, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

160. Cordaid, Khi Ngành than đá hoặc Khai khoáng Xuất hiện tại Khu vực của Bạn: Hướng dẫn Thực tiễn cho Cộng đồng, *Xã hội Dân sự và Chính quyền Địa phương về các Khía cạnh Xã hội của Ngành than đá và Khai khoáng*, năm 2016.
161. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Mở ra Cơ hội cho Phụ nữ và Doanh nghiệp: Bộ công cụ gồm các Biện pháp và Chiến lược dành cho các Công ty Than đá và Khai khoáng*, năm 2018.
162. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hậu quả Kinh tế của Ô nhiễm Không khí Ngoài trời*, năm 2016.
163. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), *Thực hành Khai thác Tốt*, năm 2018.
164. Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
165. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Than đá và Khoáng sản*, năm 2019.

Nguồn tài liệu:

166. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ghi chú Hướng dẫn 6 Sức khỏe, *An toàn và An ninh Cộng đồng*, năm 2012.
167. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 4: Sức khỏe, *An toàn và An ninh Cộng đồng*, năm 2012.

Chủ đề 12.10 Quyền đối với đất đai và tài nguyên

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

168. Liên minh Châu Âu và Nhóm Khung Liên cơ quan về Hành động Phòng ngừa của Liên hợp quốc, *Bộ công cụ và Hướng dẫn về Ngăn chặn và Quản lý Xung đột về Đất đai và Tài nguyên Thiên nhiên: Đất đai và Xung đột*, năm 2012.
169. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác Hiệu quả của các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

170. Avocats Sans Frontières, *Các Tác động đến Quyền con người của Hoạt động Khai thác ở Uganda: Nghiên cứu về Ngành Khoáng sản ở Karamoja và Nhà máy Lọc dầu ở Bunyoro*, năm 2014.
171. P. D. Cameron và M. C. Stanley, *Than đá và Khai khoáng: Cẩm nang Nắm bắt Ngành Khai thác*, năm 2017.
172. Nền tảng Khoa học-Chính sách Liên chính phủ về Đa dạng sinh học và Lợi ích Hệ sinh thái (IPBES), *Báo cáo Phiên họp Toàn thể của Nền tảng Khoa học-Chính sách Liên chính phủ về Đa dạng sinh học và Lợi ích Hệ sinh thái về nội dung làm việc của phiên họp thứ bảy*, năm 2019.
173. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Thu hồi Đất và Tái định cư*, năm 2015.
174. Pensamiento y Acción Social (PAS) và L. Turrriago, “Caso El Hatillo: El re-asentamiento como la legalización del despojo y el acaparamiento de las tierras por el modelo extractivista’, pas.org.co/hatillo-despojo-extractivista, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
175. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Than đá và Khoáng sản*, năm 2019.
176. Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
177. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc, Đất đai và Quyền con người, ohchr.org/EN/Issues/LandAndHR/Pages/LandandHumanRightsIndex.aspx, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
178. F. Vanclay, “Tình trạng di dời và tái định cư do dự án gây ra: từ rủi ro nghèo hóa đến cơ hội phát triển?”, Tạp chí Impact Assessment and Project Appraisal, tập 35, trang 3-21, năm 2017, doi: 10.1080/14615517.2017.1278671.

Nguồn tài liệu:

179. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Sổ tay Hướng dẫn Thực hành Tốt: Thu hồi Đất và Tái định cư (bản dự thảo)*, năm 2019.

180. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Ghi chú Hướng dẫn 5, *Thu hồi Đất và Tái định cư Không tự nguyện*, năm 2012.

181. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 5, *Thu hồi Đất và Tái định cư Không tự nguyện*, năm 2012.

182. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 8: Di sản Văn hóa*, năm 2012.

Chủ đề 12.11 Quyền của Người địa phương

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

183. Công ước 169 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *"Công ước về Người địa phương và Bộ lạc"*, năm 1989.

184. Tuyên ngôn của Liên hợp quốc (UN), *'Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa'*, năm 2007.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

185. Amnesty International, "Phán quyết của Tòa án Liên Mỹ đánh dấu một thắng lợi quan trọng cho người địa phương", 2012,amnesty.org/en/press-releases/2012/07/ecuador-inter-american-court-ruling-marks-key-victory-indigenous-peoples-20, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

186. Amnesty International, Khuất mắt thì sẽ dễ lãng quên: Giới tính, *quyền của người địa phương và phát triển năng lượng*, năm 2016.

a. Anongos, D. Berezhkov và cộng sự, *Những cạm bẫy và quy trình làm việc tự động: Người địa phương và ngành khai thác*, năm 2012.

187. J. Burger, Người địa phương, *Ngành Khai thác và Quyền Con người*, năm 2014.

188. Nghị viện châu Âu, Ủy ban Đối ngoại, Báo cáo về việc Vi phạm Quyền của Người địa phương trên Thế giới, *Bao gồm cả việc Chiếm đoạt Đất đai*, năm 2018.

189. G. Gibson, K. Jung và cộng sự cùng Lake Babine Nation và Nak'azdii Whut'en, *Các cộng đồng địa phương và các khu công nghiệp: Thúc đẩy cộng đồng khỏe mạnh trong bối cảnh chuyển đổi ngành*, năm 2017.

190. Global Witness, *Những người bảo vệ trái đất: Các vụ giết hại người bảo vệ đất đai và môi trường trên toàn cầu trong năm 2016*, năm 2017.

191. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Dự án và Con người: Cẩm nang Giải quyết Vấn đề Di cư do Dự án Gây ra*, năm 2009.

192. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO),Quan sát (CEACR) – được thông qua năm 2018, công bố tại phiên họp thứ 108 của ILC (2019) Công ước về Người địa phương và Bộ lạc, 1989 (Số 169) – Venezuela, Cộng hòa Bolivar (Phê chuẩn:

193. 2002), 2019, ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:13100:0::NO::P13100_COMMENT_ID,P11110_COUNTRY_ID,P11110_COUNTRY_NAME,P11110_COMMENT_YEAR:3962283,102880,Venezuela,%20Bolivarian%20Republic%20of, năm 2018.

194. B. McIvor, *First Peoples Law: Các Bài luận về Luật Canada và Phi thực dân hóa*, năm 2018.

195. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Than đá và Khoáng sản*, năm 2019.

196. Công ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc, *Hướng dẫn Tham khảo dành cho Doanh nghiệp: Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa*, năm 2013.

197. Diễn đàn Thường trực của Liên hợp quốc về các Vấn đề Người địa phương (UNPFII), *Đấu tranh chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái người địa phương: điều 22 trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người địa phương*, năm 2012.

198. Diễn đàn Thường trực của Liên Hợp Quốc về các Vấn đề Người địa phương (UNPFII), Báo cáo cuộc họp nhóm chuyên gia quốc tế về các ngành khai thác, *quyền của Người địa phương và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, năm 2009.

199. Bộ phận Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc (UN DESA), Biến đổi Khí hậu, un.org/development/desa/indigenouspeoples/climate-change.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

200. Hội đồng về Quyền con người của Liên hợp quốc (HRC), Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của người địa phương, *James Anaya - Các ngành khai thác và người địa phương*, năm 2013.

Nguồn tài liệu:

201. Nguyên tắc Xích đạo, *EP4*, năm 2020.

202. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Ghi chú Hướng dẫn 7: Người địa phương*, năm 2012.

203. Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), *Tiêu chuẩn Hiệu quả Hoạt động 7: Người địa phương*, năm 2012.

204. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Hướng dẫn thực hành tốt về người địa phương và khai khoáng*, năm 2015.

Chủ đề 12.12 Xung đột và an ninh

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

205. Liên minh Châu Âu (EU) và Nhóm Khung Liên cơ quan về Hành động Phòng ngừa của Liên hợp quốc, *Bộ công cụ và Hướng dẫn về Ngăn chặn và Quản lý Xung đột về Đất đai và Tài nguyên Thiên nhiên: Các Ngành Khai thác và Xung đột*, năm 2012.

206. OECD, *Hướng dẫn Thẩm định của OECD về Chuỗi Cung ứng Khoáng sản Có trách nhiệm từ các Khu vực bị Ảnh hưởng bởi Xung đột và Khu vực Rủi ro Cao*, năm 2016.

207. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc (OHCR), *Nguyên tắc Cơ bản về việc Sử dụng Vũ lực và Súng của Viên chức Thực thi Luật*, năm 1990.

208. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc (OHCR), *Bộ quy tắc Ứng xử dành cho Viên chức Thực thi Luật*, năm 1979.

209. Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người, *Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người*, năm 2000.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

210. Viện Kinh doanh và Quyền con người (IHRB), *Từ Dấu hiệu Xấu đến Tốt: Trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc Tôn trọng Quyền con người tại các Quốc gia có Rủi ro Cao*, năm 2011.

211. International Alert, *Thẩm định về quyền con người trong các bối cảnh bị ảnh hưởng bởi xung đột: Hướng dẫn dành cho ngành khai thác*, năm 2018.

212. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC), Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Ngành than đá Quốc tế (IPIECA), *Các Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền con người: Các Công cụ Hướng dẫn Thực hiện*, năm 2011.

213. K. Neu và D., Avant, *Tổng quan về mối quan hệ giữa các PMSC và các công ty trong ngành khai thác từ Cơ sở dữ liệu Sự kiện An ninh Tư nhân*, năm 2019.

214. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc (OHCHR), *Yêu cầu nộp đề xuất: mối quan hệ giữa các công ty quân sự và an ninh tư nhân và các công ty trong ngành khai thác từ góc độ quyền con người trong luật pháp và thực tiễn*, năm 2019.

215. Văn phòng Cao ủy về Quyền con người của Liên hợp quốc (OHCHR), *Các công ty quân sự và an ninh tư nhân trong ngành khai thác – tác động đến quyền con người*, năm 2017.

216. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Từ Xung đột đến Xây dựng hòa bình: Vai trò của Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường*, năm 2009.

Nguồn tài liệu:

217. International Alert, *Thẩm định về Quyền Con người trong các Bối cảnh bị Ảnh hưởng bởi Xung đột: Hướng dẫn dành cho Ngành Khai thác*, năm 2018.

218. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC), Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) và IPIECA, *Nguyên tắc Tự nguyện về An ninh và Quyền Con người: Các Công cụ Hướng dẫn Thực hiện*, năm 2011.

Chủ đề 12.13 Tính toàn vẹn của tài sản và quản lý sự cố nghiêm trọng

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

219. R. Sullivan, D. Russell và cộng sự, *Quản lý những Điều không thể tránh khỏi: tác động của biến đổi khí hậu đến đầu tư*, năm 2009.

220. Doanh nghiệp vì Trách nhiệm Xã hội, *Thích ứng với Biến đổi Khí hậu: Hướng dẫn dành cho Ngành Khai khoáng*, năm 2011.

221. C. Roche, K. Thygesen, K., E. Baker, E. (Eds.), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Kho chứa Quặng đuôi từ Mỏ: An toàn Không phải Chuyện May rủi. Đánh giá Phản ứng Nhanh của UNEP*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

222. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm (PRI), *Tiêu chuẩn Ngành Toàn cầu về Quản lý Quặng đuôi*, năm 2020.

223. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Quản lý kiểm soát quan trọng về sức khỏe và an toàn*, năm 2015.

224. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Thực hành tốt trong công tác chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với tình huống khẩn cấp*, năm 2005.

225. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn Xây dựng các Chỉ số Hiệu suất An toàn Liên quan đến Phòng ngừa, *Chuẩn bị và Ứng phó với Sự cố Hóa chất cho Ngành công nghiệp*, năm 2008.

226. Cơ quan An toàn và Sức khỏe Vương quốc Anh, *Hướng dẫn Từng bước Xây dựng các Chỉ số Hiệu suất An toàn Quy trình*, năm 2006.

Chủ đề 12.14 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

227. Công ước 176 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *"Công ước về An toàn và Sức khỏe trong Mỏ"*, năm 1995.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

228. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC), Viện Quốc gia về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (NIOSH), Chủ đề Khai khoáng: Bệnh Đường hô hấp, cdc.gov/niosh/mining/topics/RespiratoryDiseases.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

229. Cơ quan An toàn và Sức khỏe (HSE), Căng thẳng do nhiệt, hse.gov.uk/temperature/heatstress, truy cập ngày 5 tháng 4 năm 2021.

230. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng tới phát triển bền vững: Cơ hội việc làm bền vững và hòa nhập xã hội trong nền kinh tế xanh*, năm 2012.

231. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA), Bộ Lao động Hoa Kỳ, Hydro Sulfua: Các mối nguy, osha.gov/SLTC/hydrogensulfide/hazards.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

232. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA), Bộ Lao động Hoa Kỳ, Silic Tinh thể: Ảnh hưởng đến Sức khỏe, osha.gov/dsg/topics/silicacrystalline/health_effects_silica.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

233. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Than đá và Khoáng sản: Báo cáo về Quyền con người của Phụ nữ*, năm 2019.

234. Hiệp hội Hạt nhân Thế giới, Vật liệu Phóng xạ Tự nhiên, năm 2019, world-nuclear.org/information-library/safety-and-security/radiation-and-health/naturally-occurring-radioactive-materials-norm.aspx, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Nguồn tài liệu:

235. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *An toàn và sức khỏe trong các mỏ than ngầm*, năm 2009.

236. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Hướng dẫn thực hành tốt về đánh giá rủi ro sức khỏe nghề nghiệp*, năm 2016.

237. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), *Tổng quan về các chỉ số hàng đầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong ngành khai khoáng*, năm 2012.

Chủ đề 12.15 Các thực tiễn về việc làm

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

238. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định nhằm Đảm bảo Hoạt động Tương tác Hiệu quả của các Bên liên quan trong Ngành Khai thác*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

239. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Ngành khai khoáng (than đá; khai khoáng khác), ilo.org/global/industries-and-sectors/mining/lang--en/index.htm, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Chủ đề 12.16 Lao động trẻ em

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

240. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Người sử dụng lao động Quốc tế (IOE), *Cách thức kinh doanh tôn trọng quyền của trẻ em không phải trở thành nạn nhân của lao động trẻ em: Công cụ hướng dẫn về lao động trẻ em dành cho doanh nghiệp của ILO-IOE*, năm 2015.

241. Công ước 138 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *"Công ước về Độ tuổi Tối thiểu"*, năm 1973.

242. Công ước 182 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *"Công ước về các Hình thức Lao động Trẻ em Bóc lột nhất"*, năm 1999.

243. Công ước của Liên hợp quốc (UN), *"Công ước về Quyền Trẻ em"*, năm 1989.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

244. Tổ chức Lao động Quốc tế, *Ước tính Toàn cầu về Lao động Trẻ em – Kết quả và Xu hướng 2012-2016* , năm 2017.

245. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Khai khoáng và khai thác đá. ilo.org/ipec/areas/Miningandquarrying/lang--en/index.htm, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

246. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Các biện pháp thiết thực dành cho công ty để xác định và giải quyết các hình thức lao động trẻ em bóc lột nhất trong chuỗi cung ứng khoáng sản*, năm 2017.

247. UNICEF, *Quyền của trẻ em và ngành khai khoáng: Thí điểm trong hoạt động khai thác của UNICEF*, năm 2015.

248. Bộ Lao động Hoa Kỳ, *Danh sách năm 2018 về Hàng hóa được Sản xuất bằng Lao động Trẻ em hoặc Lao động Cưỡng bức*, năm 2018.

249. Bộ Lao động Hoa Kỳ, *Danh sách Hàng hóa năm 2020 được Sản xuất bằng Lao động Trẻ em hoặc Lao động Cưỡng bức*, năm 2020.

Chủ đề 12.17 Lao động cưỡng bức và chế độ nô lệ thời hiện đại

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

250. Công ước 29 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *"Công ước về Lao động Cưỡng bức"*, năm 1930.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

251. M. Coderre-Proulx, B. Campbell, I Mandé và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Người lao động nước ngoài di cư trong ngành khai khoáng*, năm 2016.

252. Chỉ số Nô lệ Toàn cầu, 'Các Kết quả Toàn cầu', Chỉ số Nô lệ Toàn cầu năm 2018.

253. Liên đoàn Người lao động ngành Vận tải Quốc tế (ITF), "BHP phớt lờ lời khẩn cầu giúp đỡ thủy thủ đoàn đang chết đói", năm 2019, itfglobal.org/en/news/bhp-ignores-pleas-help-starving-crew, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

254. Liên đoàn Người lao động ngành Vận tải Quốc tế (ITF), "Tàu chở hàng rời bị giữ lại ở Úc, thủy thủ đoàn bị nợ 64.000 USD", năm 2019, itfglobal.org/en/news/bulk-carrier-detained-in-australia-crew-owed-64000, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

255. Hội đồng Khai khoáng và Kim loại Quốc tế (ICMM), Giải quyết chế độ nô lệ thời hiện đại trong chuỗi cung ứng

ngành khai khoáng, năm 2016, icmm.uat.byng.uk.net/en-gb/case-studies/action-against-modern-slavery, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

256. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Walk Free, *Ước tính toàn cầu về chế độ nô lệ thời hiện đại: lao động cưỡng bức và hôn nhân cưỡng bức*, năm 2017.

257. Liên đoàn Người lao động ngành Vận tải Quốc tế (ITF), "ITF và thủy thủ đoàn tàu Malaviya Seven bày tỏ sự thất vọng về tình trạng chậm trễ", năm 2017, itfglobal.org/en/news/itf-and-malaviya-seven-crew-dismayed-delay, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

258. Liên đoàn Người lao động ngành Đường sắt, Hàng hải và Vận tải Quốc gia (RMT), "RMT đưa ra cáo buộc về chế độ nô lệ thời hiện đại", năm 2016, rmt.org.uk/news/modern-day-slavery-charge-made-by-rmt, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

259. Bộ Lao động Hoa Kỳ, *Danh sách Hàng hóa năm 2020 được Sản xuất bằng Lao động Trẻ em hoặc Lao động Cưỡng bức*, năm 2020.

Nguồn tài liệu:

260. Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), Sáng kiến Lao động Có trách nhiệm, *Thúc đẩy việc báo cáo về chế độ nô lệ thời hiện đại để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan*, năm 2019.

Chủ đề 12.18 Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

261. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Báo cáo thứ 386 của Ủy ban về Quyền tự do Hiệp hội*, năm 2018.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

262. Liên đoàn Công đoàn Quốc tế (ITUC), Chỉ số Quyền Toàn cầu của ITUC năm 2016: Những Quốc gia Tồi tệ nhất Thế giới đối với Người lao động,, năm 2016.

263. Liên đoàn Công đoàn Quốc tế (ITUC), "Ả Rập Xê Út cấm công đoàn và vi phạm tất cả các tiêu chuẩn lao động quốc tế", năm 2012, ituc-csi.org/saudi-arabia-bans-trade-unions-and, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Chủ đề 12.19 Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

264. J. Soper, "Người lao động ở Ghana Đấu tranh chống Phân biệt đối xử về Tiền lương", năm 2015, pulitzercenter.org/reporting/ghanaian-workers-fight-pay-discrimination, truy cập ngày 31 tháng 5 năm 2020.

265. Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI), Công cụ Hướng dẫn về Quyền con người dành cho Lĩnh vực Tài chính, Khai khoáng và Kim loại, unepfi.org/humanrightstoolkit/mining.php, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.

266. Tổ Chức The Advocates for Human Rights, *Thúc đẩy Đa dạng Giới và Hòa nhập trong Ngành Khai thác Than đá và Khoáng sản*, năm 2019.

Chủ đề 12.20 Chống tham nhũng

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

267. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Công ước về Phòng chống Hối lộ Quan chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế và Các tài liệu Có liên quan*, năm 1997.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

268. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), *Tờ thông tin: Công bố quyền sở hữu hưởng lợi*, năm 2017.

269. Cơ quan Chuyên trách Hành động Tài chính (FATF), *Hướng dẫn của FATF: Những người có ảnh hưởng chính trị (khuyến nghị 12 và 22)*, năm 2013.

270. Quỹ Tiền tệ Quốc tế, *Sáng kiến Minh bạch Tài chính: Tích hợp các Vấn đề Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên*, năm 2019.

271. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI), *Ẩn dưới Bề mặt: Lập luận cho việc Giám sát các Nhà cung cấp trong Ngành Khai thác*, năm 2020.

272. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI), *Mười hai Dấu hiệu Cảnh báo: Rủi ro Tham nhũng trong việc Cấp phép và Ký kết Hợp đồng trong Ngành Khai thác*, năm 2017.

273. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tham nhũng trong Chuỗi Giá trị Khai thác: Phân loại Rủi ro, *các Biện pháp Giảm thiểu và Thưởng khuyến khích*, năm 2016.

274. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Báo cáo về Hối lộ ở Nước ngoài của OECD: Phân tích Tội danh Hối lộ Quan chức Nước ngoài*, năm 2014.

275. Transparency International, *Chỉ số Nhận thức về Tham nhũng năm 2018*, năm 2018.
276. E. Westenberg và A. Sayne, *Sàng lọc Quyền sở hữu Hưởng lợi: Các biện pháp Thiết thực để Giảm thiểu Rủi ro Tham nhũng trong Cấp phép Khai thác*, năm 2018.
277. Williams và K. Dupuy, *Quyết định về thiên nhiên: Đánh giá tác động của tham nhũng và môi trường*, năm 2016.

Nguồn tài liệu:

278. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), *Tiêu chuẩn EITI*, năm 2019.

Chủ đề 12.21 Các khoản phải nộp cho chính phủ

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

279. Nghị viện châu Âu, "Chỉ thị 2013/34/EU của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 26 tháng 6 năm 2013 về báo cáo tài chính hằng năm, *báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo có liên quan của một số loại hình doanh nghiệp"*, năm 2013.
280. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tài liệu Chuyển giá và Báo cáo theo Quốc gia, Hành động 13 - Báo cáo Cuối cùng năm 2015, *Dự án Chống Xói mòn Cơ sở Thuế và Chuyển Lợi nhuận của OECD/G20*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

281. M. Blom và cộng sự, *Trợ cấp và Chi phí Năng lượng của EU*, năm 2014.
282. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), *Tờ thông tin: Báo cáo cấp dự án trong các ngành khai thác*, năm 2018.
283. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), Các Doanh nghiệp Nhà nước trong Ngành than đá và Khai khoáng Thượng nguồn, *Những Thách thức về Quản trị và Vai trò của các Chuẩn mực Báo cáo Quốc tế trong việc Cải thiện Hiệu quả Hoạt động*, năm 2018.
284. K. Obeng, Công bằng về Thuế và Minh bạch trong Khai thác: "Hai mặt của cùng một đồng xu", năm 2018, pwyp.org/pwyp-resources/tax-justice-extractive-transparency-two-faces-coin/, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
285. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI), *Mười hai Dấu hiệu Cảnh báo: Rủi ro Tham nhũng trong việc Cấp phép và Ký kết Hợp đồng trong Ngành Khai thác*, năm 2017.
286. Transparency International, *Ẩn dưới Bề mặt: Tìm hiểu các Khoản phải nộp cho Chính phủ của các Công ty Than đá và Khai khoáng*, năm 2018.
287. S. Whitley và cộng sự cùng Viện Phát triển Quốc tế (ODI), *Cắt đứt Dây cứu sinh của châu Âu cho ngành khai khoáng: Theo dõi Trợ cấp tại 10 Quốc gia*, năm 2017.

Nguồn tài liệu:

288. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), Hướng dẫn Báo cáo dành cho các công ty mua dầu, *khí và khoáng sản từ chính phủ*, năm 2020.
289. Sáng kiến Minh bạch trong các Ngành Khai thác (EITI), *Tiêu chuẩn EITI*, năm 2019.
290. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Các Doanh nghiệp Nhà nước trong Ngành than đá và Khai khoáng Thượng nguồn, *Những Thách thức về Quản trị và Vai trò của các Chuẩn mực Báo cáo Quốc tế trong việc Cải thiện Hiệu quả Hoạt động*, năm 2018.

Chủ đề 12.22 Chính sách công

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

291. Điều tra về khí hậu, *Những Người vận động hành lang Cô độc của ngành khai khoáng*, năm 2016.
292. Ủy ban Cạnh tranh Ấn Độ, *Vụ kiện Số 60 năm 2017*, năm 2017.
293. D. Coady, I. Parry và cộng sự, *Trợ cấp Nhiên liệu Hóa thạch Toàn cầu Vẫn ở mức Lớn: Cập nhật Dựa vào các Ước tính Cấp Quốc gia*, năm 2019.
294. N. Graham, S. Daub và B. Carroll, *Phân tích Ảnh hưởng Chính trị: Các khoản đóng góp chính trị và hoạt động*

vận động hành lang của ngành nhiên liệu hóa thạch tại BC, năm 2017.

295. Tổng cục Chính sách Nội bộ của Nghị viện Châu Âu, *Trợ cấp Nhiên liệu Hóa thạch*, năm 2017.
296. InfluenceMap, Vận động Hành lang về Khí hậu: Tác động Thực sự của các Công ty đến Tiến trình Ứng phó với Biến đổi Khí hậu, năm 2018, influencemap.org/climate-lobbying, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
297. InfluenceMap, Hiệp hội thương mại và khí hậu: Các cổ đông lên tiếng, năm 2018,influencemap.org/report/Trade-associations-and-climate-shareholders-make-themselves-heard-cf9db75c0a4e25555fafb0d84a152c23, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
298. D. Koplow, C. Lin và cộng sự, *Phân tích các Đặc điểm của Trợ cấp cho Nhà sản xuất: Đánh giá các nghiên cứu thí điểm cấp quốc gia*, năm 2010.
299. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Vận động hành lang, oecd.org/corruption-integrity/explore/topics/lobbying.html, truy cập ngày 15 tháng 1 năm 2022.
300. Ủy ban Cạnh tranh Ấn Độ, *Vụ kiện Số 60 năm 2017*, năm 2017.

Lời cảm ơn

Bản dịch **tiếng Việt** này được thực hiện bởi Dịch thuật TDN và được rà soát nội dung bởi những cá nhân sau:

Trương Quang Trường, Chuyên gia ESG & Phát triển Bền vững, Độc lập, Việt Nam

Trương Bội An, Quản lý Tuân thủ & Phát triển bền vững, Crif D&B LLC, Việt Nam

Nguyễn Công Minh Bảo, Giám đốc Quốc gia, Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, Việt Nam

Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI được xây dựng và biên soạn bằng tiếng Việt. Mặc dù đã được thực hiện nhằm đảm bảo tính chính xác của bản dịch này, văn bản tiếng Anh vẫn là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong trường hợp phát sinh thắc mắc hoặc có sự khác biệt liên quan đến bản dịch.

Phiên bản mới nhất của Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng tiếng Anh, cùng mọi cập nhật đối với phiên bản tiếng Anh, được đăng tải trên trang web của GRI (www.globalreporting.org).

Bản dịch tiếng Việt này được tài trợ bởi Liên bang Thụy Sĩ, thông qua Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO)

Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Departement of Economic Affairs,
Education and Research EAER
State Secretariat for Economic Affairs SECO

PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org